

Quốc Ân

**TUYỂN TẬP
TRUYỆN NGẮN
1945-1975**

MỤC LỤC

1. CHIẾC TAM BẢN
2. ĐÁM CHÁY
3. KHÚC CA TẠM BIỆT
4. BÁCH HOA TỬU
5. VĨ TUYẾN XI
6. NHỮNG CÁNH MAI VÀNG
7. S.O.S
8. MUỐN NHÀ
9. ĐÁP LỜI SÔNG NÚI
10. TIẾNG ĐÀN TRONG NGỰC TÔI
11. MƯA
12. NHỮNG KẺ NGHÈO
13. CHIẾC ÓNG KHÓI
14. NỖI OAN CHỊ VÚ
15. CON ĐƯỜNG VONG QUỐC
16. BỮA TIỆC THỊT CÂY
17. BỨC ẢNH
18. BÀ TIÊN

CHIẾC TAM BẢN

Bà Cả gài then cửa lại, cẩn thận vặn hai vòng khóa, rút chìa khóa ra bỏ vào túi rồi yên lòng đi vào phòng khách.

Bà ngồi lại ghé trường kỷ, bên ngọn đèn dầu lửa không sáng lắm để vá nốt cái áo rách cho thẳng cháu trai.

Bỗng bà nhìn lên: Sau lưng cái ghế trường kỷ đối diện, một người đàn ông đứng sững nhìn bà.

Bà Cả dừng tay lại, giương mục kính xem xét kẻ ấy rồi hỏi:

- Bộ chú vô làm nhà rồi đi! Ở đây ai cũng biết tôi không có tiền bạc gì đâu!

Câu nói bình tĩnh ấy làm kẻ kia lúng túng. Có lẽ anh ta nghĩ rằng bà phải sợ hãi rú lên khi thấy anh. Sự bất ngờ gây ra bởi câu nói ấy bắt anh ta phải rút tay mặt lên khỏi lưng ghế và chìa cây súng sáu vào bà Cả, vừa run giọng bảo:

- Bà ngồi yên, không được la. Tôi không có ý ăn cướp hay làm hại bà đâu.

Bà chủ nhà vói tay lấy ống nhổ, nhổ xác trầu rồi nhoèn miệng cười:

- Tôi có la mười lăm đời cũng không ai đến tiếp tôi. Chắc chú cũng biết chung quanh đây không còn nhà ai nữa.

- Trong nhà còn ai không?

- Còn thằng cháu. Nó đang ngủ trong nóp trên ván bên kia.

Bà vừa trả lời vừa đưa tay chỉ bộ ván sau lưng bà khuất trong bóng tối. Rồi bà tiếp:

- Nhưng nó nhỏ lắm, mới có 14 tuổi thôi, không đủ sức giúp đỡ gì cho lắm, chú đừng tìm cách dọa nạt nó vô ích.

Anh ta nhìn về bộ ván, có ý lo lắng, song vẫn đứng chỗ cũ.

Bà Cả thông thả bảo tiếp:

- Chú cất súng đi, vì trong lúc này, chú đưa nó ngay vào mặt tôi như vậy không có ích lợi gì cả.

Tên ấy nhìn cây súng, có vẻ mắc cỡ vì không dọa được ai rồi bỏ tay xuống như cũ và bảo:

- Nhưng bà hãy yên lòng, tôi không có ý làm hại bà đâu.

Bà vừa may thêm vài mũi kim, nghe câu ấy dừng tay lại, ngược mắt lên nhìn anh:

- Giữa tôi và chú thì chắc tôi là người bình tĩnh hơn cả. Nhưng chú chưa nói cho tôi biết chú lên vô nhà tôi để làm gì?

Anh ta cười bằng một giọng rùng rợn:

- Tôi vừa thoát khỏi khám quận T... hồi khuya rồi và nằm trên nóc nhà bà từ trưa tới giờ.

- Nếu chú nằm luôn trên ấy thì có phải tiện không?

- Không được! Họ tìm gắt lắm và tôi phải tìm cách trốn khỏi nơi đây nội đêm nay.

- Thì cứ trốn đi, chớ còn đứng đó làm gì?

- Trên nóc nhà lạnh lắm. Tôi muốn đứng đây một lúc cho giãn tay giãn chơn rồi sẽ đi. Rồi anh ta chép miệng:

- Khô quá! Không biết đi đâu đây nữa. Họ dí tôi cùng khắp.

Hình như muốn cho bà già biết người khách của bà là ai, anh ta cười ha hả, hỏi:

- Bà biết tại sao tôi phải trốn không?

Vẫn cái giọng thản nhiên, bà trả lời:

- Cả quận này đều biết chú là Tư Đá. Lúc lộn xộn, chú đã dắt Thổ đi giựt đồ, đốt nhà giết người. Được trọng dụng, chú điềm chỉ bắt vô số người. Những người bị chú hại, tôi có thể đếm được đủ cả như: Sáu Hĩ, Tư Út, hương quản Ngọ, hương hào Bích và cậu Ba Xuân! Và mới đây, chú ý thể đánh ông hội đồng Ngà nên chú bị bắt. Rồi chú vượt ngục.

Anh ta giật nảy mình, đưa súng lên trở vào bà Cả.

- Tại sao bà biết?

- Hừ! Tại sao? Hồi sáng tới giờ, người ta tìm chú rầm rầm. Người ta nói đi nói lại những việc chú làm. Tôi nghe cũng đã chán tai!

Tư Đá rợn người trước bà già gan góc. Và vì anh ta không phải là người ở lâu tại vùng này nên không biết rõ bà là ai. Một lần nữa, anh thấy cây súng trên tay trở nên trở trên. Cây súng của người gác khám ngủ gật mà anh ta đã giật được sau khi bẻ song sắt ra được và đánh một thoi vào ót người ấy làm cho người ấy bất tỉnh.

Anh buông tay xuống ôn tồn:

- Bà có kế nào giúp tôi trốn không?

Bà Cả dừng tay hỏi:

- Chú biết lộ không?

Anh ta trợn mắt:

- Không! Mà bộ bà giỡn sao chứ. Dầu biết lộ cũng không ai lộ nổi cái sông ba, bốn ngàn thước này.

Với giọng chậm rãi cố hữu, bà Cả bảo:

- Không ai biểu chú lộ. Tôi có chiếc tam bản hai chèo ở ụ ghe bên hè đây. Chú ra đó lấy đi.

- Vậy thì bà phải hỏi tôi biết chèo hay không chứ! Sao lại hỏi tôi biết lộ hay không?

- Biết chèo hay không chú cũng phải chèo, tôi cần hỏi làm gì chuyện đó. Sợ là sợ chú không quen đi sông, lòi thoi chìm ghe thì biết lộ vẫn tốt hơn.

- Bà khỏi lo. Nếu ghe tốt thì tôi sẽ trốn thoát. Tôi chèo giỏi lắm.

Bà Cả gật đầu:

- Ghe tôi còn tốt lắm. Vậy chìa khóa đây, chú cứ mở cửa ra ụ ghe mà lấy đi.

Tư Đá dụ dợt rồi hỏi:

- Nhưng tại sao bà lại tử tế với tôi quá vậy? Có ý gì hại tôi không?

Bà Cả vừa tèm xong một miếng trầu bỏ vào miệng, nghe thế cười to:

- Cái chú này mới lạ kỳ! Tôi tử tế với chú là vì tôi không ưa ai cầm súng chĩa vào tôi. Thà tôi bỏ chiếc tam bản chớ để chú ở đây ám hại tôi với cây súng đáng sợ của chú hoài à?!

Tư Đá vẫn chưa hết nghi ngại:

- Vậy phiền bà đưa tôi ra ngoài ụ ghe. Và nếu bà la lên cho người ta tới bắt tôi thì bà chết trước khi tôi bị bắt, nghe chưa?

Bà Cả đứng lên bĩu môi nói:

- Tôi đã nói dầu tôi có la tám mươi lăm đời cũng không ai tới mà! Thôi đi.

Ra đến ngoài, bà Cả vừa đi vừa hỏi:

- À! Tại sao lúc nọ chú dẫn người tìm bắt cậu Ba Xuân? Nghe nói cậu đó hiền như ông Phật mà.

Tư Đá xì một cái:

- Hiền gì? Hiền mà dám đi tuyên truyền xúi dân đòi độc lập.
- Đòi độc lập thì ăn thua gì chú chớ?

Tư Đá làm thinh.

Nếu gặp lúc anh ta chưa đánh ông hội đồng Ngà, chưa bị bắt, chưa sợ ông hội đồng trả thù thì câu hỏi của bà già có lẽ đã đem cho bà một mớ thoi, đá rồi. Nhưng lúc này anh ta cần phải nhịn. Ừ! Nhịn một câu cũng không chết chóc gì, trong khi bà ấy sắp cho anh mượn ghe để trốn nhà chức trách.

Trời sáng trắng. Tư Đá đã thấy rõ chiếc tam bản buộc ở gốc dứa dưới ụ ghe bằng lá, bên một chiếc ghe cà-dom.

Bà Cả bảo:

- Chú chịu khó xuống tát nước. Bị ghe không có xài nên vô nước, chớ mới trét rồi, tốt lắm.

Tư Đá nhẩy xuống ghe vừa tát nước, vừa nói:

- Tôi hên lắm mới gặp bà. Chừng nào có dịp, tôi sẽ đền ơn bà.

Bà Cả phệt cổ trầu, bảo:

- Thôi! Cứ lo trốn đi! Ổn với nghĩa gì.

Tư Đá tát nước xong mở dây, lấy quai chèo mới bên ghe cà-dom một mớ đem theo, rồi chống ghe ra khỏi mương.

Bà Cả đòi vói:

- Chú quăng cái gàu lại cho tôi chớ. Tôi gia tài có một cái đó, ghe tốt lắm, không vô nước đâu mà sợ.

Tư Đá quăng cái gàu lên bờ bảo:

- Thôi bà ở lại mạnh giỏi.
- Ừ! Chú đi mạnh giỏi.

Bà đứng nhìn chiếc tam bản lướt mau trên sóng nhỏ, dưới ánh trăng mỗi lúc một xa dần.

Bỗng cậu cháu bà trong nhà hót hơ hót hải chạy ra:

- Nội làm gì đứng ngoài này?

- Nội cho người ta mượn chiếc tam bản của mình.

Cậu bé thất sắc:

- Trời ơi! Chiếc tam bản lủng. Con lấy đất sét trét lại chèo chơi trong mương chớ đi sông sao được!

Rồi cậu nhìn ra khơi, giục bà:

- Kêu người ta lại nội.

Nhưng cậu thất vọng, hốt hoảng:

- Chìm! Thế nào cũng chìm. Chết! Làm sao bây giờ nội?

Bà Cả vẫn điềm tĩnh cũng như bà đã điềm tĩnh từ nãy giờ:

- Ừ! Thế nào cũng chìm!

Cậu bé ái ngại:

- Ai vậy nội?

- Thằng đã giết thằng Xuân, anh Ba mày.

Cậu bé thất thanh:

- Tư Đá!

Nhưng cậu trấn tĩnh, trở mắt nhìn ra xa:

- Hồi nãy con còn thấy dạng chiếc ghe, bây giờ mất rồi!

Bà Cả cũng nhìn ra sông, dưới ánh trăng vàng vạc, lập lạo như tiếng vang:

- Mất rồi!

Và như nói với mình, bà phều phào:

- Công lý của trời ở khắp nơi. Nó muốn ta tìm cho nó một cách trốn tránh thì đáy sông là chỗ trốn tránh kín đáo hơn đâu hết!

Trên mặt sông bao la, sóng vẫn gợn, trăng vẫn trong. Không một điểm đen, dầu là điểm đen của một chiếc tam bản.

*

ĐÁM CHÁY

Bữa cơm chiều vừa xong, Phong vào ngay phòng thí nghiệm để tiếp tục công việc bỏ dở.

Còn mấy tháng nữa thì chàng sẽ thi nốt bằng Cử nhân khoa học. Sau đó thì chàng sẽ cùng vợ sang Pháp để học lấy bằng Tiến sĩ vật lý học. Cái mộng làm một nhà thông thái thúc giục chàng sống mài miệt bên những chai, lọ ngổn ngang trong phòng thí nghiệm của riêng chàng.

Có tiếng gõ cửa rồi cánh cửa nhẹ nhàng mở, Hạnh - vợ chàng - len mình vào.

Phong ngẩng đầu lên hơi mỉm cười nhìn vợ, có ý hỏi. Hạnh đến gần chàng, cúi nhìn những ống đựng chất hóa học để thí nghiệm trên bàn vừa hỏi chồng:

- Rồi chưa mình?

- Chi vậy?

Nàng âu yếm nhìn Phong:

- Em muốn tối nay mình với em đi nghe hòa nhạc.

Phong lặng thinh hơi suy nghĩ rồi dịu dàng bảo:

- Anh đang theo đuổi cuộc thí nghiệm này, ít ra cũng hai giờ đồng hồ nữa mới xong. Bây giờ hãy còn sớm. Em cứ sửa soạn rồi ra kêu xích lô đi. Gần dứt cuộc hòa nhạc anh sẽ đến đón em.

Hạnh hơi buồn, Phong biết thế, đưa vợ ra khỏi cửa phòng và dặn thêm:

- Em cứ đi, rồi anh đến đón.

Nhưng trước khi chàng khép cửa, Hạnh bảo:

- Nếu anh bận việc thì khỏi cần đến đón em. Em sẽ kêu xe “location” về một mình cũng được.

Phong quả quyết:

- Không! Anh sẽ đến đón em chắc chắn!

Phong liếc nhìn đồng hồ tay mà chàng tháo ra để giữa bàn. Hãy còn một giờ rưỡi nữa mới dứt cuộc hòa nhạc. Và chàng tiếp tục công việc.

Tuy vậy, Phong cũng không khỏi nghĩ đến vợ, một nữ sinh trẻ, đẹp mà chàng mới làm phép cưới độ tám, chín tháng nay khi nàng vừa ra khỏi trường nữ học.

Phong không phiền về tính thích đi xem hát và nghe hòa nhạc của Hạnh.

“Hạnh còn trẻ lắm, còn ham vui”, chàng nghĩ thế. Và chàng cũng phải nhìn nhận cái say mê của mình không giống với những cái say mê của những thanh niên khác, rất không hợp với một đôi vợ chồng trẻ tuổi. “Nhưng biết làm sao bây giờ! Quan niệm về cuộc đời của mỗi người mỗi khác!”, chàng đành lòng tự nhủ như vậy.

Phong sắp biên những nhận xét về cuộc thí nghiệm vào cuốn sổ thì ngoài đường có tiếng xe chữa lửa chạy.

Không khí trong phòng nóng lắm. Chàng thừa dịp ấy, mở cửa ra ngoài cho mát và ngóng xem cháy ở đâu.

Xe chữa lửa chạy càng nhiều. Bỗng nhiên Phong thấy bồn chồn. “Hay là cháy rạp hát”. Chàng lo rửa tay, thay đồ để đi. Cũng chẳng còn bao lâu nữa thì mãi cuộc hòa nhạc, chàng ra nhà hàng gần đó uống nước đá chờ thì vừa.

Bước lên xe xích lô, Phong hỏi anh phu xe:

- Cháy ở đâu vậy anh?

Vốn là một giới thạo tin trong thành phố, anh phu xe đáp ngay:

- Ở rạp Tân Thời ông à!

Phong giật mình:

- Rạp Tân Thời?

- Dạ.

- Sao vậy?

- Dạ không biết tại sao nữa!

- Anh đưa tôi mau tới rạp Tân Thời.

Anh phu xe hỏi thêm:

- Chắc ông có bà con đi nghe đờn?

Nhưng Phong không còn nghe thấy gì nữa. Chàng nóng nảy đến cực độ và ước ao sẽ gặp Hạnh trong đám người trước rạp, bình yên vô sự.

Gần đến rạp, người đứng chặn cả khúc đường, xe không đi được nữa.

Phong nhảy ngay xuống trả tiền xe rồi hóp tốp chen vào đám người đến trước rạp hát.

- Ông Phong chen đi đâu dữ vậy?

Phong nhìn lại, nhận ngay người hỏi mình là một viên cảnh sát quen.

Chàng hỏi lại ngay:

- Rạp hát cháy sao đó hả ông?

- À! Không có gì. Chữa xong xuôi rồi. Chỉ có mấy người bị thương vì chen lấn từ trên lầu té xuống.

Và người ấy hỏi Phong:

- Bộ ông có người nhà đi xem à?

- Có! Vợ tôi!

- À! Bà hả! Vậy thì chắc bà không hề gì và có lẽ về rồi vì không có người đàn bà nào bị thương cả.

Nhưng một người đứng gần đó cãi:

- Có chứ! Hai người đàn bà bị thương khiêng ra cửa bên kia.

Viên cảnh sát bảo:

- Vậy à! Bị tôi ở trước nên không thấy.

Phong càng lo thêm hỏi gấp:

- Mấy người bị thương được chở đi đâu?

- Nhà thương Đồn Đất.

- Trong rạp ra hết rồi hả?

- Ra hết lâu rồi.

Phong quay trở ra, tìm một chiếc xe lo-cation lên ngay nhà thương. Nhưng ở đó chàng được biết có mấy người bị thương xoàng, băng bó đã trở về nhà, còn vài người ở lại đều là đàn ông.

Chàng ra xe bảo chạy nhanh về nhà.

Bước xuống xe, chàng vẫn thấy nhà mình im lìm, hình như không có gì thay đổi từ khi chàng đi. Nhưng chàng vẫn hy vọng Hạnh đã về và đang ở trong nhà.

Chàng mở cửa chạy vào. Nhà vẫn trống. Thằng nhỏ ở ngủ ở nhà sau vẫn ngáy đều.

Phong thất vọng vô cùng. Chàng khóa cửa lại rồi ngồi phịch xuống ghế ở phòng khách, tay ôm đầu, luôn miệng lầm bầm: “Trời ơi! Trời ơi! Chuyện gì đã xảy ra cho Hạnh”!

Có lẽ Hạnh còn kẹt lại trong rạp, bị thương nặng ở một góc tối nào mà không ai thấy. Song người ta đã canh rạp, chàng không thể vào được.

Thế là không còn gì nữa! Cuộc đời chàng đã tiêu tan cả rồi. Nơi đây Hạnh đã vào ra, kia là nơi Hạnh ngồi may vá, tất cả kỷ niệm êm đềm bên người vợ yêu quý lần lượt diễn lại trước mắt Phong. Và chàng chỉ biết lắc đầu. Lòng rối lên, nóng lên, nghẹn lên tận cổ rồi trào ra, ràn rụa ở đôi mắt.

Phong để rơi mình vào tận đáy sự khổ đau, không một chút gượng gạo.

Ngày mai, chàng sẽ sống cách nào đây? Cả một vực thăm đen tối của tương lai đang chờ đợi chàng.

Bỗng nhiên vang trong yên lặng có tiếng gõ cửa, rồi tiếng Hạnh kêu bên ngoài:

- Phong ơi! Phong ơi!

Phong tưởng mình mơ ngủ. Nhưng rõ ràng tiếng Hạnh, không còn ngờ vực gì nữa.

Chàng mừng rỡ chạy ra mở cửa.

Cánh cửa vừa hé mở, Phong ôm chầm lấy nàng, nghẹn lời.

Hạnh nũng nịu bảo:

- Cuộc hòa nhạc chưa dứt nhưng em về sớm, sợ mình trông.

Phong giật mình, buông vợ ra, im lặng nhìn nàng rồi nhìn đồng hồ: mới 10 giờ 45. Nghĩa là nếu không có việc gì thì 15 phút nữa mới dứt buổi hòa nhạc.

Hạnh vui vẻ tiếp:

- Ban âm nhạc của Hoàng Mạnh Huy không chỗ chê. Giọng hát của Liễu Châu là một giọng vàng, còn...

Nàng dừng lại, sợ hãi, nhìn đôi mắt của Phong đang nhìn mình bằng một cái nhìn rùng rợn.

Thật thế! Mấy lời của Hạnh thoát đầu làm Phong bất ngờ nhưng một ý nghĩ thoáng qua làm chàng choáng váng đến toát mồ hôi, rồi một cơn giận dữ bóp mạnh quả tim chàng, chàng thấy nghẹn ngào.

Một lúc sau chàng mới thốt được:

- Nói láo! Cô nói láo!

Rồi sấn tới nắm vai Hạnh, Phong lay mạnh vừa quát:

- Mà đi đâu? Hả! Đi đâu?!

Hạnh tái mặt và một cái tát đỏ lửa làm nàng té xuống gạch.

Nàng gượng ngồi lên rồi lê đến quì bên Phong, tay ôm chơn chàng.

- Mình đã nghi lầm em... Em lay mình để em...

Nhưng Phong rút mạnh chơn ra ngắt lời:

- Thôi! Thôi! Tôi không cần nghe gì nữa, bao nhiêu cũng đủ lắm rồi.

Và chàng tiếp:

- Sáng mai. Trước khi mặt trời lên, cô phải đi khỏi đây. Cô muốn lấy món gì thì lấy và nếu cô không đi thì tôi đi. Chắc cô biết tánh tôi. Bấy nhiêu lời là nhiều lắm rồi đó!

Rồi chàng vào phòng thí nghiệm khóa chặt cửa lại, mặc cho Hạnh ở ngoài.

Phong đã nằm suốt một ngày.

Hạnh đã đi từ sáng. Nàng chỉ lấy theo vài bộ đồ đen ngấn và một ít tiền. Đồ nữ trang nàng đều tháo ra để lại cùng một phong thơ. Song Phong không cần đọc thơ xem nói những gì.

Những sự đau khổ thay đổi trong một thời gian ngắn hồi hôm đã làm chàng chai lòng và chán nản cùng tột.

- Nếu nó chết đi trong đám cháy thì ta vẫn quý yêu, thờ phượng nó như thường. Và nếu không có đám cháy thì... Trời! Nó sẽ gạt được ta mãi mãi.

Chàng cắn chặt hai hàm răng, lắc đầu!...

Có tiếng gõ cửa mạnh, rồi đập cửa rầm rầm.

Phong nghĩ: “Lại còn chuyện gì nữa đây! Hỡi thiên địa thánh thần! Bao nhiêu đó chưa đủ à?”

Chàng bước ra mở cửa và ngạc nhiên trước một toán người sắc phục, võ trang hàng hoàng.

Viên trưởng đoàn vừa ra một lệnh xét nhà chàng.

Phong chán nản càng thêm chán nản, mặc họ muốn làm gì thì làm.

Xét xong, viên trưởng đoàn lễ phép bảo Phong:

- Tôi có lệnh bắt bà Phong, vợ ngài.

Phong ngạc nhiên gập đôi, hỏi lại:

- Vợ tôi làm gì mà có lệnh bắt?

- Điều ấy tôi không được biết. Xin ông hãy cho tôi biết hiện thời bà ở đâu?

Phong lạnh lùng:

- Tôi đuổi nó đi rồi.

- Nếu vậy, mời ông đến trả lời với nhà cầm quyền.

- Được, tôi sẽ đi sau. Các ông không có quyền bắt tôi!

Sau một cuộc viếng thăm, Phong trở về nhà, lòng thơ thối.

Người ta cho chàng biết rằng trong đêm tối, vợ chàng có dựa vào một cuộc họp “bất hợp pháp” bị cáo về nhiều tội có hại đến sự “an ninh của quốc gia”.

Thế là từ ở vực sâu, Phong đã được lên miệng hố. Chàng ung dung xé bức thơ của Hạnh để lại:

“Anh Phong yêu quý.

Anh đã hiểu lầm em. Nhưng rồi anh sẽ hiểu rõ và tha thứ cho em cái tội đã dối anh.

Em đi không phải vì anh đuổi, mà vì em phải đi. Nếu vì em mà anh bị rầy rà sau này, em xin anh một lần nữa tha thứ cho em.

Em tin rằng rồi anh sẽ tin em. Em chờ anh.

Bao giờ em cũng vẫn là của anh, của Đất Nước.

Hôn anh.

Hạnh”.

Phong nhìn một lần nữa những dòng chữ ảo lá rất thân yêu lúc này hơn lúc nào cả và chàng nhẹ nhàng đặt môi lên tờ giấy xinh xinh. Tất cả những cái gì tan vỡ trong lòng đều lạnh lặn trở lại, những cái gì đen tối đều sáng rực lên, rạng rỡ.

CA KHÚC TẠM BIỆT

Trời sáng dần. Giờ đi cũng sắp tới.

Buổi dạ hội tiễn đưa đã chấm dứt với điệu “valse” cuối cùng nhịp ba, bản nhạc bất hủ “Tạm biệt ca khúc”.

Chỉ còn một mình Lệ ngồi lại bàn. Từ 12 giờ khuya, lúc khai mạc dạ hội đến giờ, nàng đã từ chối không nhảy một bản nào.

Nàng lơ đãng nhìn theo những cặp thanh niên nam nữ quay cuồng trên nền gạch hoa trái phấn. Điệu nhạc buồn du dương chảy nhẹ trong phòng nhắc lại trong lòng nàng một kỷ niệm xa xôi không bao giờ quên được.

Mỗi lần nàng nghe bản nhạc ấy thì một cảm giác buồn rượi thấm thía dần trong lòng và kỷ niệm năm xưa hiện rõ trong trí nàng như vừa xảy ra mới ngày nào gần lắm.

Đó là buổi cắm trại chót của học sinh các trường ở Huế trên đồi Belvédère trước khi chia tay nhau về quê nhà nghỉ hè.

Vừa thi xong bằng Thành chung, Lệ biết rằng về Sài Gòn lần này chẳng biết bao giờ nàng được trở lại thăm đất thần kinh mơ mộng nữa. Theo lời mời của các bạn, nàng ở lại vài hôm để dự cuộc cắm trại của học sinh trên đồi này.

Trưa ấy, mặc dù đã sang hè nhưng mặt trời khuất sau vòm mây xám trùm phủ cả vùng Huế và một không khí lạnh lạnh như buổi đầu thu luồn qua rừng thông nơi cắm trại.

Các bạn lớp ở trong lều, lớp bẻ lá cây lót nằm đọc sách dưới bóng cây trên khu rừng của trường Jeanne d’Arc đóng.

Lệ thấy mình không cần nằm. Tinh thần nàng khỏe khoắn lắm. Nàng muốn đi dạo chơi dưới những rặng thông của buổi trưa râm mát.

Nàng xuống đường về phía ngõ đi lăng Gia Long vì khúc rừng ở ngõ về Huế do các bạn học trai đóng trại, nàng không muốn gặp họ một mình.

Khỏi khu đồi của trường nữ học Đồng Khánh, Lệ băng vào rừng thông. Nàng yên lòng rằng không ai chú ý đến mình và tự do đi dạo trong khung cảnh đẹp đẽ này.

Qua mấy rặng thông, Lệ lần theo các bụi đá lởm chởm, vịn từng cây thông nhỏ xuống đồi. Nàng thong thả đi theo con đường mòn dựa bờ sông nước xanh rờn như màu mực pha loãng. Bên kia là dãy núi Trà cao màu xám nhạt. Trước mắt nàng, xa xa là làng mạc rải rác vòng theo những ngọn đồi xanh.

Khí trời mát dịu, Lệ càng muốn đi xa. Thỉnh thoảng nàng đứng lại ngắt một cành hoa lạ mà nàng không biết tên để ép vào sách đem về Nam làm quà cho các em nàng.

Đã hơi mỏi chân, Lệ leo lên một ngọn đồi thì thấy xa xa có một người đang ngồi vẽ. Lệ toan trở lại. Nhưng nàng cũng thích hội họa, muốn thấy được anh chàng họa sĩ kia tài ba thế nào mà vác giá một mình đến nơi vắng vẻ này. Có lẽ là một học sinh nào ở các trường đang cắm trại. Lệ nghĩ thế.

Nàng đi nhẹ nhàng đến sau lưng người ấy. Tuy không thấy mặt nhưng Lệ biết rằng mình đoán trúng. Đó là một chàng học sinh trẻ tuổi. Bức họa của chàng sắp xong. Trên tờ giấy căng trên giá, con sông nhỏ quanh ven núi Trà chảy thẳng về phía chân trời. Nước sông trong vắt in rõ những bóng thông già chứng tỏ rằng người vẽ cũng là một tay lão luyện về thủy họa với những màu sắc thật linh hoạt.

Lệ thích lắm. Nàng có ý nghĩ được bức họa như thế để kỷ niệm những ngày trẻ trung ở Huế. Nàng muốn hỏi mua ngay nhưng mở đầu bằng cách nào?! Lệ lúng túng một mình. Nhưng kia, chàng họa sĩ đã quẹt nhẹ một màu vàng phơn phớt ở chỗ cánh đồng xa xa. Lệ nheo mắt nhìn về phía cánh đồng, đó là một màu vàng thật nhạt lắm. Và màu vàng ấy làm tăng vẻ đẹp của bức họa bội phần. Nó “sống” lắm. Lệ buộc miệng: “Ồ, đẹp quá!”.

Họa sĩ giật mình ngừng bút, quay lại và chàng ngạc nhiên ngay trước người thiếu nữ đẹp hiện đến bất ngờ. Chàng ta độ hai mươi, hai một tuổi thôi. Chàng khôi ngô lắm. Hình như là một người Nam Kỳ, Lệ cảm giác thế.

Chàng ta hơi lúng túng, đứng lên đỏ mặt mời: “Mời cô ngồi”. Lệ mỉm cười: “Không, ai ngồi thế bao giờ! Ông đang vẽ kia mà!”.

Chàng ta biết mình vô lý, lại càng lúng túng đỏ mặt hơn lên. Lệ tội nghiệp anh chàng cả thẹn, tự nhiên như không để ý đến cử chỉ bối rối của anh ta, nhìn bức họa:

- Ông đã vẽ mấy “xen” rồi?

- Ba “xen”.
- Ngay hôm đến cắm trại?
- Dạ.

Rồi chàng im bật.

Lệ hỏi tiếp:

- Ông là người Nam?

Chàng ta hình như đã hoàn hồn, mỉm cười:

- Dạ phải, hình như cô cũng là người Nam?
- Tôi ở Sóc Trăng. Còn ông?
- Tôi ở Cần Thơ. Thì ra cũng gần nhau cả!

Và chàng hỏi lại:

- Cô học Jeanne d’Arc? Và tên Lê Kim Lệ?

Lệ ngạc nhiên:

- Sao ông biết?

- Vì cô mặc áo trắng, còn Đồng Khánh áo xanh và ở Jeanne d’Arc chỉ có một thiếu nữ Nam Kỳ thôi, các bạn tôi bảo thế. Với lại tôi thấy tên cô trong sổ những người vừa đỗ năm nay.

Lệ “à” và hỏi thêm:

- Ông học trường nào?
- Khải Định.
- Xin lỗi ông, ông tên gì và học lớp mấy?
- Ngô Trọng Huy, ban Triết học.
- À, ông cũng vừa đỗ, tôi có thấy tên ông.

Rồi hai người nói chuyện về hội họa. Lệ tỏ ra hiểu rất nhiều, thích hội họa và được biết tuy Huy chưa vào học trường Mỹ thuật bao giờ nhưng được các họa sĩ danh tiếng chỉ dạy nhiều. Câu chuyện bất ngờ ấy đổi từ địa hạt mỹ thuật sang những chí hướng của nhau và chẳng bao lâu, có lẽ vì cảm tình sẵn ở chỗ đồng quân, đôi thiếu niên đã có vẻ thân mật. Huy hứa sẽ gửi tặng Lệ bức họa khi nào chàng đã vẽ xong lại lên lựa. Chàng xin lỗi Lệ ngồi lại chấm nốt những nét cuối cùng và yêu cầu Lệ đứng chờ để cùng về.

Trên đường về, trong rừng thông mát dịu, Huy bảo chàng sẽ không về ngày sau như Lê vì còn phải ra Hà Nội để dự trại Tương Ma của các sinh viên đại học.

Một giờ trưa, xe Hà Nội vừa đến. Sân ga Huế chật nức những người.

Huy xách vali của Lê chen lấn lên toa hạng nhì đem đến cabin cho Lê rồi vội vàng bước xuống. Cùng về với Lê, tám anh em khác ở các trường Huế. Các bạn học sinh đưa ra ga rất đông. Duy những bạn Lê thì đã về các chuyến xe sáng ngày vì họ ở miệt ngoài hay ở những vùng không phải đi chuyển xe tốc hành. Chỉ có một bạn gái ở Đồng Khánh cùng về với nàng thôi.

Bạn nàng rủ nàng xuống toa hạng ba để cùng đứng với các bạn trai trong lúc đưa tiễn, Lê nhận lời.

Từ đầu đến cuối đoàn xe lửa, người đi kẻ ở chuyện trò, dặn nhau cười nói rất ồn ào. Họ tặng hoa. Những người Pháp, một ít người Việt hôn nhau. Thỉnh thoảng mấy chú lính Nhật cô đơn yên lặng leo lên các toa, không người đưa đón như những kẻ khác.

Một hồi còi rút lên, còn hai phút nữa xe chạy. Người ta cuống quýt trong câu chuyện để đi đến kết thúc.

Các bạn học sinh dưới ga đã bắt đầu bắt tay những người đi. Những bạn thân nắm tay nhau và khúc ca tạm biệt của hướng đạo sinh nổi lên.

Cầm tay, ta ca khúc ca...

Những người Pháp cũng trở giọng hòa với học sinh Việt.

Ce n'est qu'un au revoir.

Mes frères, ce n'est qu'un au revoir.

Âm thanh điệu nhạc tạm biệt buồn rượi vang trên sân ga một trưa hè nắng dịu làm cho mỗi lòng cảm thấy một nỗi buồn cách biệt man mác.

Xe từ từ chạy. Những bàn tay buông nhau ra và những chiếc khăn vẫy nhau trắng trắng.

Lê mỉm cười nghiêng đầu ra cửa sổ, đưa khăn vẫy những bạn dưới sân ga. Nàng thấy Huy mà nàng vừa buông bàn tay cứng rắn của chàng đứng nhìn theo quyến luyến.

Xe chạy đã xa và sân ga Huế cũng vừa khuất sau một khúc quanh của đoàn xe.

Lệ ôm bó hoa Huy tặng cùng bạn về chỗ ngồi.

Nàng thấy một mối buồn lâng lâng không rõ rệt lan nhẹ trong lòng. Người thiếu niên lễ phép, nhu mì ấy vừa gặp gỡ đã có một địa vị ở lòng Lệ.

Tự nhiên Lệ nhớ đến buổi trưa hôm trước ở rừng thông bên đồi Belvédère và cái cảm giác là lạ của một thiếu nữ cùng đi với bạn trai lần thứ nhất trở lại với nàng trong những dư âm vắng vắng của điệu nhạc buồn còn thoang thoảng.

Mấy câu thơ của Nguyễn Bính lúc này, hơn lúc nào cả rất thấm thía đối với nàng:

Những chiếc khăn màu thỏn thức bay,
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt,
Buồn ở đâu hơn ở chốn này...

- * -

Ce n'est qu'un aurevoir
Mes frères, ce n'est qu'un aurevoir
Oui nous nous reverrons
Mes frères ce n'est qu'un aurevoir.

Lệ giật mình, bưng tỉnh mộng, gượng cười cúi chào trả lại những người bạn Pháp của chồng nàng đưa tiễn ở bến tàu. Những câu hát tưởng như mình còn ở sân ga Huế. Nhưng không, đây là chuyện xảy ra sáu năm sau và đang là thực tế.

Sáu năm qua đã bao nhiêu việc thay đổi trong đời thiếu nữ của nàng.

Về Nam năm ấy, một tháng sau, Lệ nhận được bức họa của Huy, một bức lụa tuyệt mỹ.

Từ năm ấy, Lệ không trở ra Huế nữa và ở lại học tại Sài Gòn.

Nàng thường nhận được thơ của Huy từ Hà Nội gửi về, những bức thơ càng ngày càng thân mật. Lệ dệt nhiều mộng đẹp chung quanh người con trai dịu dàng ấy.

Nhưng một chiều nọ, nàng nhận được bức thơ từ biệt của Huy cho hay chàng đã bỏ Hà Thành lên một vùng ngược ở Bắc Việt vì việc riêng.

Năm sau, Lệ gạt nước mắt mang hành trang về nhà chồng, một viên thơ ký chánh phủ vừa đỗ kỳ thi huyện.

Những mộng đẹp tan dần mỗi ngày qua bên người chồng tầm thường của nàng.

Cho đến hôm nay, sau mấy tháng ngồi ghé chủ quận nơi này, chồng nàng đã được lệnh đổi đi nơi khác và đây là buổi tiễn biệt của các bạn Pháp-Việt trong quận.

Đứng bên chồng, nàng thấy lòng mình dửng dưng, không một cảm giác vui hay buồn nào trước cảnh chia tay ấy.

Bỗng Lê thấy trên đường phố có một toán lính súng ống trang nghiêm dẫn một người đi về phía bến tàu.

Nàng ghé vào tai chồng hỏi nhỏ:

- Bộ chuyến tàu này có giải tội nữa à?

- Ủ! Có một tên “phiên loạn” cao cấp vừa bắt được ở T... đưa sang gởi theo chuyến tàu này về C... xét xử!

Lê không chú ý đến cuộc tiễn đưa nữa, chăm chăm nhìn về phía bọn người kia.

Toán lính và người tù nhân đã đến cầu tàu.

Lê nheo mắt trước những tia nắng sáng chói lọi của mặt trời nhô lên như khi ở đồi thông Belvédère, nàng nheo mắt nhìn màu vàng cánh đồng xa để nhìn rõ người “phiên loạn”.

Những người đưa tiễn vẫn hát vừa vệt ra cho bọn người mới tới xuống tàu.

Lê đã thấy rõ tù nhân: Một thanh niên không lạ với nàng.

Nàng thấy đau nhói ở ngực về phía trái tim, rồi một luồng điện chạy dài trong người nàng.

Đầu nàng choáng váng, mắt nàng hoa lên rồi tối sầm lại.

Nàng cố ghì lấy bao lon tàu cho khỏi ngã.

Tàu từ từ tách bến. Nhưng Lê cảm giác như mình đang đứng trên đoàn xe tốc hành Hà Nội-Sài Gòn, tay hãy chưa buông bàn tay âm âm của Huy trước khi dứt mấy câu chót của khúc ca tạm biệt:

Cầm tay ta ca khúc ca,

Rời nhau bước về, lòng còn lưu luyến.

Cách xa nhưng ta hằng mong.

Rồi đây có ngày còn hòng gặp nhau.

Cách xa...

Những chiếc khăn tay trắng trắng vẩy nhau như bao cánh bướm chập chờn và trên sân ga Huế, Huy giọng cười sững sờ nhìn theo nàng quyến luyến...

Ce n'est qu'un aurevoir.

Mes frères, ce n'est qu'un aurevoir.

.....

Cách xa nhưng ta hằng mong

Rồi đây chúng ta còn ngày gặp gỡ.

Những câu hát bằng tiếng Pháp và Việt trên bến tàu, trên sân ga Huế, bóng dáng của những người bạn Pháp-Việt của chồng nàng và những gương mặt sáng sủa của các học sinh trên ga hiện ra, biến đi, nhảy nhót, quay cuồng trong đầu óc Lê giữa những tiếng xình xịch của máy tàu và máy đoàn xe tốc hành.

Sau cùng, Lê không giọng được nữa. Nàng để mặc cho thân nàng ngã quy xuống trong những hình ảnh, những âm thanh không trật tự.

*

BÁCH HOA TỬU

Vi không chạy nữa nhưng chàng bước rất mau trên lối mòn giữa các giồng thuốc.

Đến đây, chàng mới chắc rằng sự nguy hiểm đã thật qua.

Suốt ba giờ đồng hồ, Vi đã chạy băng qua nhiều cánh đồng hoang, luôn lối trong những đám lau sậy, điên điên.

Trăng thượng tuần đã lên tự bao giờ, le lói trước mặt. Gió phe phẩy từng lúc làm cho Vi khỏe lại.

Vào đến vùng này, Vi không còn lo sợ gì nữa. Chàng rờ lên túi áo sơ mi: nút vẫn còn cài chặt. Chàng yên lòng vừa đi vừa nghĩ đến việc tìm lối sang Vị Thanh.

Công việc của Vi gấp rút lắm. Chàng phải đến đó để đưa hơn ba chục học sinh của lớp cán bộ đi nơi khác vì có lẽ nội trong ngày mai, vùng ấy sẽ bị Pháp chiếm. Chàng đã nhận mạng lệnh của anh thanh tra chánh trị miền Tây Nam Bộ đến Vị Thanh nội đêm nay nhưng khi bơi xuống đến cầu Nàng Mau thì bị bọn Thổ gác cầu bắt xuống, nhờ lẹ chân, chàng nhảy lên bờ rạch bên này chạy, bọn Thổ qua rạch rượt theo nhưng chàng luôn lối thoát được.

Vi mừng rỡ khi thấy xa xa một ngôi nhà. Chàng sẽ đến đây xin nghỉ một vài giờ rồi kiếm ghe sang sông Vinh chèo đi Vị Thanh.

Đó là một ngôi nhà cỏ, hàng rào sắt đã bị phá bỏ. Có lẽ trong vài hôm, nhà ấy cũng bị triệt xuống.

Trong nhà tối đen. Vi gõ cửa hỏi lớn:

- Có ai trong nhà không?

Một giọng người già vọng ra:

- Ai đó?

- Một người lỡ đường.

Trong nhà lại yên lặng. Nhưng Vi nghe tiếng diêm quẹt xì lên, rồi một tia sáng lọt qua khe cửa.

Tiếng cụ già gọi:

- Chi ơi!

Có tiếng dạ.

- Ra mở cửa cho khách, con!

Vi đợi không bao lâu thì cánh cửa nặng nề hé ra. Chàng đã đứng trước mặt một thiếu niên mặc đồ vải đen, độ mười sáu, mười bảy tuổi, đầu vẫn một chiếc khăn rằn.

Tuy trong nửa tối nửa sáng, chàng cũng nhận ra thiếu niên xinh xắn lắm...

Thiếu niên nhìn chàng vài giây rồi dụi dàng:

- Mời ông vào nhà.

Thiếu niên tránh chỗ cho chàng bước vào và cánh cửa lặng lẽ khép lại.

Trong khi ấy, cụ già từ trong buồng bước ra mời chàng ngồi trên ghế.

Gian nhà rộng trống trơn, chỉ có một cái bàn tròn và ba chiếc ghế đầu trơ trẽn như thú thật với khách rằng địa vị của chúng trước kia là ở nhà sau, nay đem lên nhà trước để thay thế bộ trường kỷ đã được tản cư nơi khác.

Vi không dám ngồi. Chàng nhận thấy quần áo chàng be bét những bùn. Đoán biết ý chàng, cụ già kéo ghế cho Vi ân cần:

- Chú em cứ ngồi.

Vi rón rén ngồi xuống. Chàng để ý thấy cụ già tóc bạc trắng, hót ngắn, mắt đeo kiếng trắng, mặc y phục đen, dáng điệu có vẻ sang trọng, độ sáu mươi tuổi. Cụ mỉm cười để lộ hàm răng trắng còn đầy đủ, nhìn Vi hỏi:

- Hình như chú em lợi ruộng tới đây?

Vi cúi xuống nhìn lại mình rồi cũng mỉm cười, trả lời:

- Dạ phải, tôi ở Long Mỹ qua để đi Vị Thanh có việc cần. Tôi muốn xin cụ nghỉ đỡ vài giờ rồi đi sớm.

Có vẻ kín đáo của một người lịch sự, cụ già không hỏi thêm chi tiết, chỉ gật đầu:

- Được, chú em cứ tự nhiên.

Rồi cụ tiếp:

- Có lẽ chú mệt lắm. Đói không?

Và không chờ Vi trả lời, cụ hướng sang thiếu niên đứng tựa bên góc cột sau lưng Vi:

- Con ra sau múc một thau nước cho chú em đây rửa mặt rồi đem bánh nước lên coi!

Vi ngăn lại, song thiếu niên lặng lẽ ra sau.

Vi tuy mệt, song không khí trong nhà vì sự tử tế châu đáo của cụ già làm cho chàng dễ chịu, muốn ngồi nán thêm một lúc nữa.

Cụ già vui vẻ bắt chuyện. Cụ cho biết hai ông cháu cụ - thiếu niên là cháu nội cụ - từ Cần Thơ tản cư đến đây, mượn lại nhà này để ở tạm và có lẽ mai mốt lại đi nơi khác, chưa biết đi đâu vì vùng này đã được lệnh tản cư rồi.

Thiếu niên mang nước rồi đem bánh lên: ba chiếc bánh dứa đã lột và cắt hai ra đựng trong một đĩa, đĩa kia có mấy miếng com nếp.

Không để mời đến hai lần, Vi đi rửa mặt rửa tay rồi ăn bánh.

Vừa ăn, Vi vừa hâu chuyện cụ già.

Câu chuyện từ thời cuộc qua đến các lý thuyết Đông Tây và không hiểu vì có nào lại sang đến vấn đề xã hội ở Việt Nam và hải ngoại, hai nhà đối thoại để bênh vực lý lẽ mình đã đem văn chương ra dẫn chứng.

Thế là sau một cơn kinh hoàng, Vi đã điềm tĩnh thảo luận với cụ già như không có gì xảy ra. Thiếu niên yên lặng bắt ghé sau lưng ông cụ ngồi để hâu trà. Một già, một trẻ nói chuyện với nhau rất tương đắc về nhiều vấn đề liên quan tới Việt Nam sau này. Vi phải thán phục cụ già sáng suốt và hiểu rộng, gần như một nhà bác học. Còn cụ, trước những câu trả lời và cất vấn thông thái của Vi, cụ không giấu được sự ngạc nhiên, phải hỏi Vi đã dùng thì giờ cách nào mà với cái tuổi 23, 24 của chàng, thâm thái được bao nhiêu là tinh hoa của các nền học cổ kim như thế!

Trong cơn hùng chí, cụ thân hành vào buồng đem ra một bầu rượu bằng đất nung cổ kính, giới thiệu với Vi:

- Đây là Bách hoa tửu, một thứ rượu của tôi nấu ra bằng một trăm thứ hoa, uống vào sáng khoái tinh thần. Ít khi tôi gặp được người trẻ tuổi hiểu biết rộng như chú. Vào thời loạn này, một lần gặp nhau, không biết bao giờ tái hội. Vậy xin mời chú một chung rượu này để ta hăng hái bàn thêm vài câu chuyện nữa.

Vi không từ chối và câu chuyện lại tiếp tục.

Chàng không nghĩ gì đến việc nghỉ ngơi để lại đi nữa. Nhưng lần lần chàng thấy nặng đầu, mí mắt sụp xuống, chàng ráng nhướng lên để tiếp tục câu chuyện với cụ già, song chẳng bao lâu chàng gục xuống bàn, tai hãy còn nghe cụ già bảo:

- Lại ngủ rồi! Hà! Hà! Nhân sinh đắc ý tu tận hoan, cũng là một tay thiếu niên lỗi lạc đấy!

Vi mở mắt dậy thì trời đã sáng tỏ và mình nằm trong một cái mùng trắng tinh giăng bên cửa sổ, dưới trải một cái nóp mới, cái áo gối bằng vải trắng có thêu chim và hoa, hương thơm thoang thoảng.

Tay chân đau rần, Vi nằm thẳng người hít mạnh không khí, vừa nắn mấy nơi lắc léo, vừa ôn lại những việc vừa qua.

Chàng nhớ rõ mình chạy tới đây gọi cửa rồi hầu chuyện với một cụ già lỗi lạc. Trong khi nói chuyện thì chàng buồn ngủ đến không cưỡng được và chắc có người đỡ hay khiêng chàng lại đây giăng mùng cho chàng ngủ.

Chàng hổ thẹn vì đã ngủ trên bàn ăn giữa câu chuyện đang tươi. Đó là một cử chỉ bất lịch sự mà chưa bao giờ chàng mắc phải.

Chàng không khỏi không nhớ đến cậu bé xinh xắn, dễ thương, lễ phép và yên lặng ngồi hầu trà suốt buổi chuyện.

Chàng đứng lên nhìn lại đồng hồ tay thì đồng hồ đã hết dây thieu tự bao giờ. Chàng mở mùng xếp lại gọn ghẽ rồi bước ra ngoài.

Ánh nắng đã xuyên qua những lùm kiềng màu cắt xén khéo léo. Vài con chim sâu chuyền trên mấy cây vú sữa, đeo ngực mình trên vài cành liễu rũ, đưa bụng màu vàng ánh mịn như tơ.

Vi xuống cầu ao bên góc liễu rửa mặt và lấy lược ra chải đầu.

Chàng vừa lên thì thấy cụ già từ một con đường ra bờ sông đi vào.

Thấy Vi, cụ cười bảo:

- Chú ngủ ngon giấc quá! Khỏe rồi chứ!

Vi nghĩ đến việc ngủ gục hồi hôm, bẽn lễn đáp:

- Dạ! Có lẽ tại cháu mệt quá.

Và chàng xin lỗi ông cụ.

Cụ già cười ha hả kéo tay Vi vào nhà rồi ra sau khệ nệ bung lên một mâm cơm.

Vi ái ngại trước sự trọng đãi của ông cụ, cảm ơn đôi ba lần rồi cùng cụ ngồi lại ăn.

Đang khi ăn, chàng thấy ông cụ có vẻ băn khoăn, nhìn luôn ra cửa. Chàng hỏi thiếu niên thì ông cụ bảo thiếu niên đi chợ phía bên kia sông mua đồ ăn.

Bữa cơm vừa xong thì thiếu niên về tới. Ông cụ có vẻ mừng rỡ:

- A! Ông trông cháu về để đưa anh qua sông rồi chỉ đường cho anh đi Vị Thanh.

Thiếu niên dạ rồi đi thẳng ra sau.

Một lúc sau thì Vi từ giã ông cụ, xuống xuống cùng thiếu niên sang sông.

Lên đến bờ, thiếu niên cột xuồng vào một gốc dừa rồi đưa Vi qua mấy dãy nhà ra bờ ruộng.

Vi cố tìm cách gợi chuyện, song thiếu niên chỉ lạnh lùng dạ dạ và trả lời rất ít. Vốn là một thanh niên giao thiệp nhiều và hoạt bát, Vi cho rằng thiếu niên là một cậu học sinh tánh còn rụt rè trước người hơn tuổi và chàng xoay đủ lối để bắt thiếu niên phải mở miệng.

Thật thế, những câu chuyện duyên dáng của Vi về cuộc đời học sinh ở trường trung học làm cho thiếu niên phải bật cười nhiều lần và trong một đổi đường, hai chàng tuổi trẻ đã trở nên một đôi bạn thân như quen nhau nhiều năm rồi.

Tuy với bộ y phục bằng vải đen mộc mạc của Chi - tên thiếu niên - vẫn không mất vẻ tuấn nhã của một thư sinh. Vi nhận thấy đôi bàn tay Chi nhỏ nhắn rất đẹp và dưới vành nón lá rộng, đôi mắt long lánh dưới hai hàng lông mi dài, màu môi đỏ thắm như sắc điệp ăn với nước da trắng hồng mịn trên một khuôn mặt đều đặn, dịu dàng.

Vi nghĩ đến chuyện “Hồn bướm mơ tiên” nhưng chàng tự cười thầm rằng mình giàu tưởng tượng. Chàng nhớ lại lúc ở trường trung học, chàng cũng thường thấy thiếu niên đẹp như con gái nhưng khi lớn lên thì chân tay lại kịch cộm, da mặt lại đầy mụn.

Dẫu sao chàng thấy mình có nhiều thiện cảm với thiếu niên và Chi cũng có vẻ mến chàng.

Đến một góc điệp ở cuối ruộng, thấy đã hơi xa, Vi dừng lại bảo:

- Thôi em trở lại để ông trông. Tôi có thể tìm đường sang đó được.

Chi nhìn thẳng vào mặt chàng, không nói. Thấy đôi mắt thiếu niên có quầng thâm, Vi hỏi:

- Hình như hồi hôm Chi thức sáng đêm?

Chi hơi tái mặt, gượng trả lời:

- Không!

Vi không hỏi thêm, cầm lấy tay Chi. Chàng ta toan rút lại, song Vi siết chặt. Cảm thấy một vật cứng trong tay Chi, Vi nâng bàn tay xinh xắn ấy lên xem, thì ra là một chiếc nhẫn vàng nạm một viên kim cương nhỏ đeo ở ngón tay giữa. Chàng mỉm cười bảo:

- Lúc này không nên đeo nhẫn xoàn!

Chi chỉ cười, rút tay lại rồi bảo:

- Của mẹ tôi để lại.

Vi dặn:

- Em có đeo thì nên trở mặt nhẫn vào trong.

Rồi vịn vào vai thiếu niên, chàng bảo:

- Thôi em về! Rồi sẽ gặp nhau lúc thời bình!

Thiếu niên dạ nhỏ nhỏ rồi đưa tay cho Vi bắt một lần chót, mắt không rời người trẻ tuổi vừa gặp gỡ không được bao lâu quyến luyến.

Sang đến Vị Thanh, Vi vô cùng hoảng hốt khi nghe người giữ trường bảo rằng hồi khuya có người mang lệnh và giấy tờ đề tên Huỳnh Trọng Vi, Trưởng ban công tác khu 9, lãnh tất cả học sinh đưa xuống Ngã ba đình.

Vi cấp tốc xuống Ngã ba đình thì học sinh đã tụ họp đủ ở đây.

Thế là phận sự của chàng, tưởng bê trễ vì ngủ mê, đã xong xuôi đâu đó!

Trước khi về báo cáo phận sự với thượng cấp, Vi ghé Vĩnh Chèo, quyết khám phá việc bí mật ấy. Song đến nơi thì gian nhà cổ mà chàng tá túc hồi hôm đã vắng ngắt. Dân vùng ấy cũng đã đi cả rồi. Gặp một người câu cá, chàng hỏi thăm cụ già và thiếu niên ở đây thì người ấy ngơ ngác rồi sợ sệt bảo chàng:

- Đó là nhà ông Cả Khải. Cách đây hơn một tháng, ông Cả đau có mấy bữa rồi chết. Vài bữa sau, con trai út của ông cũng đau chết theo. Nhà không có ai ở cả, bỏ trống lâu rồi.

- Ông Cả có bà con gì không? - Vi hỏi.

- Có một con gái có chồng đầu ở miệt Rạch Gòi, về lo đám ma cho ông Cả với cậu Út rồi chở đồ đạc đi đâu mất!

Rồi người ấy ngập ngừng:

- Hay là anh gặp... ông Cả với cậu Út!...

Vi thấy lạnh ở xương sống. Nhưng là con nhà khoa học, chàng không thể tin là ma nhưng cái màn bí mật ở Vị Thanh, chàng chưa khám phá được...

Từ một năm nay, những người chờ đợi ở trước khám lớn Sài Gòn mỗi sáng thứ Ba, thứ Sáu vẫn thấy một cậu bé độ mười hai tuổi, mặt mũi thông minh, nói năng lễ phép, có vẻ là con nhà gia giáo, thường mặc sơ mi, quần cụt trắng sạch sẽ, xách giỏ đựng đồ ăn đứng xó rổ ở mấy gốc cây trước giờ được gọi đồ cho tù nhân trong khám.

Thấy cậu bé dễ thương, có người tọc mạch hỏi cậu đem đồ gọi cho ai thì cậu trả lời: “Dạ! Cho anh tôi”. Nếu hỏi: “Anh cậu làm gì bị bắt?” thì cậu chỉ cười, không đáp. Nhưng rồi người ta cũng biết rằng anh cậu làm “Việt Minh” bị bắt và cậu không còn cha mẹ, anh em nào khác nữa.

Mấy cụ già thường chỉ trỏ cậu cho các bà khác:

- Kinh quá! Bậy lớn mà nó nói tiếng Tây rọt rọt, không biết thằng anh nó bực nào nữa!

Một thiếu nữ ghé vào tai cô bạn, cũng xách giỏ đứng chờ ở đấy, cười bảo:

- Cái thứ đó lớn lên rồi... cũng vậy!

Sáng nay, cậu bé vẫn đến nhưng có vẻ khác hơn mọi ngày. Cậu mặc sơ mi trắng mới, quần sọt kaki xanh, giày da mới và tóc cũng mới hớt!

Cậu không xách giỏ nữa, đến ngay trước cửa khám như trông ngóng, vẻ mặt như mọi hôm, lạnh lùng, dăm dăm.

Khi cậu đi dài dài trở lại, chào mấy người quen thì một bà hỏi:

- Sao bữa nay cậu không đem đồ cho?

- Dạ, bữa nay anh con ra.

Mấy người đàn bà chung quanh đó cũng tỏ vẻ mừng, sẵn đón:

- Được tha hả?

- Dạ bị xử một năm tù nhưng ở đủ rồi.

Trong khi cậu bé đứng sau một gốc cây nhìn về phía cửa khám thì một thanh niên không cao không thấp, dáng dấp mạnh mẽ, mặc sơ mi cụt tay vải trắng, quần dài trắng từ phía đường G. de Gaulle đi dài theo rào tòa án đến, nhìn quanh trong đám đông như có ý tìm ai. Chợt thấy cậu bé, thanh niên đi ngay lại vỗ vai cậu. Cậu bé giật mình quay lại, nhìn lên, bật ra một tiếng vui mừng:

- Vi!

Rồi cậu nhảy lên tay Vi. Với hai cánh tay gân guốc, thanh niên nâng cậu bé lên như nâng một trẻ con, hôn mạnh vào hai bên má cậu. Cậu bé cũng ôm lấy cổ chàng hôn lại:

Vi để cậu bé xuống đất hỏi:

- Sơn đến hồi nào?

- Em đến từ nãy giờ. Anh ra hồi nào, em không thấy?

- Người ta đưa anh về bót Catinat hồi sáng sớm, làm giấy tờ rồi thả luôn ở đó.

Rồi chàng nắm tay em dắt đi.

Một thiếu phụ còn trẻ lăm xách gói đứng đó, đưa khăn tay lên chạm mắt, cười gượng bảo nho nhỏ với mấy người đàn bà đứng gần:

- Tây quá mà cũng ở tù... thứ đó!

Mấy cụ già tha hồ đưa khăn trầu lên mắt, luôn miệng bảo:

- Tội nghiệp mặt mũi sáng sủa quá!... Không mẹ, không cha!

Vi - chính Huỳnh Trọng Vi - bị bắt trong một cuộc bố lớn ở vùng Rạch Giá và được đưa về Sài Gòn.

Cha mẹ chàng bị giết trong lúc “Thỏ dậu” ở Sóc Trăng, chàng đem em - Sơn - xuống Rạch Giá và ở đó.

Sau khi chàng bị bắt, Sơn được một người bạn thân của Vi dìu dắt về Sài Gòn gởi ở nhà một luật sư, bạn học của Vi lúc ở trường Đại học Hà Nội để “nuôi” Vi mỗi thứ Ba, thứ Sáu.

Còn chút đỉnh vàng và hột xoàn mà mẹ đã chia cho Vi cất lúc rục rịch tản cư, Sơn nhờ vị luật sư bán giúp một ít để có tiền sống trong một năm nay.

Vi nhìn đồng hồ để trên bàn viết, hãy còn 25 phút nữa mới đầy 4 giờ.

Chàng ra ngòai bên cửa sổ quay mặt ra phía ngoài đường.

Con đường hẻo lánh của thành phố Sài Gòn vắng lặng dưới ánh nắng gay gắt của một buổi chiều hè. Thịnh thoảng, vài người vội vã đi qua, có lẽ là những người ở giúp việc trong các biệt thự lân cận, im lặng như những cái bóng.

Trong vòng rào, một cây điệp vươn cành, hoa đỏ ối. Mấy cánh hoa thắm nhẹ nhàng rơi sau một hơi gió thoảng nhắc Vi nhớ đến những mùa điệp xa xôi, những mùa thi cử rộn rịp, những buổi già trường ngậm ngùi.

Vi chép miệng: “Đã ba mùa điệp đỏ!”.

Đã ba mùa điệp đỏ từ ngày Vi bỏ trường, mà vì bận bôn tầu Vi đã không có dịp nhìn lại màu hoa của tuổi thơ.

Hôm nay, ngày được trả lại tự do, Vi thấy khỏe người.

Theo em về nhà, gặp ngay Sinh, bạn chàng, cũng vừa bỏ phòng việc để về nhà chờ Vi.

Sinh chưa vợ, một mình ở một biệt thự khá rộng tại vùng Tân Định. Gia đình Sinh không được khá giả lắm cho nên lúc ở Hà Nội, Sinh đã được Vi thành thật giúp đỡ nhiều. Đôi bạn ấy đối đãi nhau như cật ruột.

Được dịp giúp lại bạn, Sinh đã đem em Vi về nhà ở và hết lòng lo lắng cho Vi.

Bởi thế, về đến nhà Sinh, Vi được bạn dẫn ngay đến một gian phòng rộng rãi mà chàng đã sửa soạn cho bạn. Hai cái ghế bố mới mua trải phủ trắng, một cái bàn viết và mấy cái ghế để Vi tiếp khách, một cây đàn piano mà Sinh biết bạn rất thích và có biệt tài lúc còn ở chung nhau khi trước, và nhiều món cần dùng khác để trang hoàng cho bạn một cảnh trí giống như ngày Vi còn là một sinh viên giàu có.

Sinh không có em nhỏ, rất yêu Sơn, cậu bé thông minh và có giáo dục.

Sinh muốn cậu bé trở lại một trường Pháp để tiếp tục học hành, song Sơn không chịu bỏ việc đem đồ ăn cho Vi mỗi thứ Ba, thứ Sáu.

Vi nghĩ đến việc học, khuyên Sơn, cậu bé gằn xiêu lòng thì một hôm vào thăm anh, Sơn thuật rằng hôm Vi ra thăm án - lúc ấy tòa án binh còn ở đường Charner - khi anh lên xe về khám thì một thiếu nữ đứng ở ngoài rào tòa án đón cậu bé lại hỏi cậu là gì của Vi rồi tự giới thiệu rằng cô là bạn cũ của Vi.

Thiếu nữ đưa Sơn vào một nhà hang, hỏi thăm về Vi mà cô biết rõ là Huỳnh Trọng Vi, sinh viên năm thứ ba trường thuốc Hà Nội và công việc của Vi làm lúc ở Rạch Giá. Tín nhiệm ngay, Sơn thành thật bày tỏ về thân thế và gia đình mình. Cảm động, thiếu nữ đưa Sơn về nhà, một căn phố buôn bán tại Sài Gòn, hứa sẽ dạy cậu học trong ngày Chủ nhật và cho bài vở mỗi ngày về nhà làm trong những ngày thường theo trình độ học của Sơn, lớp thứ năm ở ngành trung học Pháp.

Từ đó, Vi thường nhận những đồ cho của thiếu nữ do em đưa vào và chàng băn khoăn mãi với cái tên Kim Chi xa lạ và với hình dạng do em chàng tả lại: một thiếu nữ đẹp, có đôi mắt thật đen, cái cằm nhỏ, thường mặc y phục đen hay trắng.

Vào thăm Vi, Sinh cũng nhận rằng bài vở của “cô giáo” cho Sơn rất đầy đủ cho cậu học, khỏi cần đến trường. Vi có cậy Sinh dò xem có phải là một người quen chăng thì Sinh chỉ cho biết là một thiếu nữ đẹp, nghiêm chỉnh, nhỏ hơn hai chàng độ sáu, bảy tuổi, nghĩa là không thể là bạn học được.

Vi chỉ đành nhận những sự lo lắng của thiếu nữ do em kể lại với một sự băn khoăn.

Sự băn khoăn ấy - Vi quay lại nhìn đồng hồ rồi đi ra cửa - vài phút nữa chàng sẽ được giải.

Sơn có bảo chàng rằng 4 giờ chiều nay, chị Kim Chi sẽ đến thăm và “chị vừa đỗ Tú tài phần thứ nhất!”.

Sinh đi làm việc, Sơn đang đọc sách ở phòng bên kia. Vi mở rộng cửa phòng thông ra trước, chờ đợi.

“Đã quá 4 giờ”. Vi nóng nảy nghĩ thầm. Nhưng kia, một chiếc xích lô vừa trò tới và đỗ lại trước cửa rào.

Tính vốn điềm tĩnh, Vi vẫn ngồi ở ghế, quan sát.

Đôi bàn chân nhỏ nhả dưới vạt áo đen bước xuống đất. Thiếu nữ đứng quay lưng lại chàng mở ví trả tiền xe.

Vi đứng lên bước ra mở cửa rào.

Vành tóc buông xuống phủ cổ nằm thanh thanh trong chiếc lưới, cái lưng đều đặn phủ một làn lụa đen của chiếc áo may khéo, cái dáng nhỏ nhỏ ấy không gợi trong trí Vi một bóng quen nào cả.

Bốn mắt gặp nhau. Vi sừng sốt. Đôi mắt đen láy dưới làn mi dài và cong ấy, đôi môi thoa hường ấy đánh dậy trong tiềm thức Vi một cái gì êm êm thân mật nữa.

Đúng như Sinh bảo, thiếu nữ đẹp và nghiêm nghị nhưng Vi không nhớ đã gặp ở đâu.

Chàng thấy như nghẹn ở cổ, bối rối, cảm giác của cậu học trò đi thi gặp một bài toán đã làm rồi, sắp đến kết quả lại gặp sự rắc rối, mà giờ hạn đã sắp hết.

Chính Vi đang đứng trước cảnh ấy. Chàng đang gấp rút tìm một cái “chìa khóa” cuối cùng để giải thoát mình trong sự bối rối ấy: một người có những nét quen thân mật nữa, lại không quen.

Nhưng rồi chàng nhớ ra chắc chắn đôi mắt ấy. Chàng đã nhìn tận vào nó. Chàng chỉ còn ngờ vực thôi vì *không tin mình!*

Giây phút kéo dài không quá năm giây đồng hồ mà Vi tưởng chừng như đã qua một thế kỷ, khi chàng thoáng thấy bàn tay trái của thiếu nữ: chiếc nhẫn quay mặt vào lòng tay.

Vi thở mạnh ra, vô tình bảo nhỏ, như tự nói với mình: “Hồn bướm mơ tiên”. Thiếu nữ yên lặng gật đầu, nhìn Vi nhưng chàng nói trước.

Vi đã thật tỉnh mộng, mỉm cười bảo thiếu nữ:

- Chi hãy vào nhà. Có lẽ câu chuyện phải dài!

Ngồi trên ghế gần bên, Vi ngả mình đến trước, nhìn chiếc nhẫn quay mặt vào lòng tay thiếu nữ, bảo:

- Đã hai năm mà em vẫn còn nhớ lời tôi.

Chi hơi nhích miệng:

- Có phải vì chiếc nhẫn này mà anh dám quả quyết em là “cậu bé” ở Vịnh Chèo ngày xưa không?

Vi gật đầu rồi hỏi lại:

- Nhưng sao em lại biết rõ tên họ và công việc của tôi. Hình như chưa bao giờ tôi nói với em điều đó mà.

Thiếu nữ bối rối, đỏ mặt rồi thú thật:

- Chính giấy tờ trong túi của anh báo cho em biết.

Rồi nàng cười:

- Đêm ấy anh ngủ say quá!

Vi cắn môi rồi lắc đầu bảo:

- Không phải tôi ngủ say đâu, chính tại mấy ly Bách hoa tửu.

Chợt nhớ đến cụ già, Vi hỏi Chi thì Chi cho biết cụ đã mất hồi năm ngoái tại Sài Gòn. Chi bảo thêm rằng vì lúc ấy ông cụ và Chi có nhiệm vụ dò xét những người lạ mặt. Gặp Vi là một thanh niên hiểu biết rộng mà trong câu chuyện chàng lại không chịu bảo thật sự mạng của chàng, thành thử ông cụ phải đánh thuốc mê để xét mình chàng. Khi thấy giấy tờ và nhiệm vụ cấp bách của Vi, ông cụ phải sai nàng thay thế đang đêm sang Vị Thanh vì thuốc mê chỉ giải sau năm giờ đồng hồ. Còn việc nàng biết Vi bị bắt là nhờ đọc báo rồi đi dò thăm; kết luận câu chuyện, nàng bảo:

- Trong thời loạn không thể phân biệt ai ngay, ai gian. Phải cẩn thận là hơn.

Vi thăm phục những cử chỉ anh hùng của cô gái giả trai và cảm động về những cảm tình mà nàng đã biểu lộ đối với chàng trong một năm nay.

Một cách đột ngột, Chi hỏi:

- Anh ra rồi định làm gì?

- Tôi sẽ cùng Sơn sang Pháp để học thêm.

Chi hỏi gặng:

- Học để làm bác sĩ à?

Vi không trả lời được.

Nàng tiếp:

- Em định đến đây để xin anh cho Sơn đi với em sang Pháp học. Em không còn cha mẹ, anh em gì nữa. Anh cũng vậy. Em sẽ thay anh lo cho nó và để anh khỏi bận vì nó.

- Còn anh? - Vi buồn rầu hỏi.

- Còn anh! Anh là người thông thạo Hán học như em biết lúc anh bàn cãi với ông nội em: “Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”. Anh phải ở lại tìm cách giúp đỡ quê hương. Anh không có quyền trốn phận sự. Anh không có quyền đào ngũ.

Mấy câu sau chót nàng gằn mạnh như đập vào tai Vi.

Vi lắng nghe. Rồi chàng ngược đầu nhìn Chi, cầm lấy tay nàng, run giọng:

- Được rồi! Như thế cũng tạm xong! Riêng phần chúng ta, em có lời hứa nào với tôi về tương lai không?

Nàng cười, đôi mắt ướt long lanh ngân lệ:

- Tôi đã cảm phục anh vì chí khí, vì sự hiên ngang của anh. Tôi ước ao tôi sẽ không làm.

Và để tay lên bàn tay Vi, nàng tiếp:

- Trong ba hôm nữa, tôi và Sơn sẽ xuống tàu. Giấy tờ tôi đã lo xong cả rồi. Chúng ta sẽ gặp trong ngày vinh quang của dân tộc Việt Nam. Anh hãy tự liệu lấy! Tôi chỉ có thể hứa được bấy nhiêu thôi...!

*

VĨ TUYẾN XI

Một sáng mùa thu năm 1945...

Trên cánh đồng lúa xanh rờn ở miền Đông Nam Bộ, một người y phục kỳ dị, màu vàng xanh, đầu đội nón sắt, lưng quây bị (sac) và mang một cây liên thanh nhẹ, đi mau về phía những rặng cây xanh đen.

Mặt trời chưa lên nhưng đã sáng tỏ, vài con cò trắng dưới ruộng lúa gần đấy nghe động, vươn cổ cao lên khỏi những bụi lúa xanh, ngơ ngác nghiêng đầu nhìn qua, nhìn lại, hé mỏ kêu vài tiếng rồi bay lên chậm chậm và đáp xuống một nơi khác xa hơn.

Một luồng gió lướt nhẹ trên ngọn lúa, lành lạnh.

Người ấy ngược mặt lên, hít mạnh một hơi dài và đưa tay hất cái nón ra sau ót, vuốt lại mái tóc, để lộ cái trán cao của một gương mặt thông minh với đôi mắt sáng và dịu dàng dưới đôi mày không rậm lắm. Hàm râu lún phún từ mang tai chạy xuống phủ cả cằm làm cho vẻ mặt người trở nên rần rỏi. Mặc dầu hàm râu ấy và cái mũi cao cao, người ta vẫn nhận thấy đó là một thanh niên từ 25, 26 tuổi trở lại. Một thanh niên khôi ngô.

Qua khỏi mí ruộng, đến một đám lạt cao quá ngực thì thanh niên nhìn thấy một cái rạch con, nước lớn lên đầy chắn ngang trước mắt. Chàng dừng chân lại nhìn quanh quất rồi đi đến một gốc cây bàng, để bị và đặt súng xuống, ngồi bẹp trên cỏ.

Chàng ngược mắt nhìn bầy chim trao trao riu rít trên cây gần đó, nhái theo giọng chim một cách vui vẻ, ra dáng thảnh thơi lắm.

Sau khi ấy, chàng rút ở túi quần sau một quyển sổ tay và một cây viết máy kiểu “nguyên tử”. Lật đến một trang trắng trong sổ, chàng bắt đầu biên:

“Đây là quê hương tôi, sau 15 năm đi khắp Âu Mỹ, tôi vô cùng sung sướng khi nhìn lại cây, cỏ, chim chóc, sâu bọ quen biết hồi thuở tôi còn nhỏ.

“Cách đây không bao xa, về hướng Nam, ở vĩ tuyến X và kinh tuyến 104 là nhà tôi. Nơi đó, cha mẹ tôi, chú bác tôi và em trai tôi có lẽ vẫn còn đủ.

“Về đây trong hàng ngũ Đồng minh để giải thoát Việt Nam khỏi tay phát xít Nhật, tôi đã nhảy dù xuống tổ quốc thân yêu của tôi, trên một địa

điểm về tả ngạn sông Vàm Cỏ, vào một bình minh trong, đẹp nhưng chưa một người hay biết.

“Đây là một vùng trời, một không khí, những cảnh vật mà tôi nhớ nhung, cảnh vật của quê hương tôi: Việt Nam! Việt Nam!

“Trên vĩ tuyến XI, một sáng Trung thu tươi mát”.

Chàng đọc lại, gật gù tỏ vẻ bằng lòng và xếp sổ tay, viết máy lại đặt vào túi, sửa soạn hành trang, tìm cách sang sông.

Giữa khi ấy, một giọng trong trẻo từ xa, rõ rệt từng tiếng một:

Đây trời Việt Nam ngàn năm tươi sáng luôn.

Thanh niên muôn năm đấu tranh vì non nước.

Đây người Việt Nam ngàn năm anh dũng luôn.

Thanh niên cang cường chí trai không sờn.

Hồn Việt Nam...

Thanh niên lắng tai nghe rồi ngẩn người tự bảo:

- Đây là một khu vực tự do của phe Việt Nam kháng Nhật. Mà phe ấy hẳn là có cảm tình với mình và mình có thể gặp họ không nguy hiểm gì cho mình.

Tuy nghĩ thế, chàng vẫn dè dặt nhắc chiếc ống dòm mang bên hông lên mắt, nhón mình nhìn về phía có tiếng hát. Giọng trong trẻo khi nãy giờ đã có thêm nhiều giọng khác hòa theo, hùng hồn vang động giữa nơi vắng lặng càng lúc càng gần thêm.

Khách đoán chắc bọn người ấy đi thuyền và chăm chú nhìn về khúc quanh của dòng rạch chờ đợi. Thật thế, một chiếc thuyền, theo lối “ghe hầu” màu xanh, nhô ra, một thiếu niên mặc quần đùi, sơ mi trắng gọn ghẽ và một thiếu nữ mặc “blouse” trắng như nhân viên Hồng thập tự đứng vịn vào mũi thuyền.

Thuyền ra khỏi khúc quanh, khách thấy rõ ở sau còn hai thiếu nữ và một thiếu niên khác, tất cả là người Việt Nam.

Khách chú mục vào lá cờ treo ở lái thuyền, trên lá cờ Hồng thập tự. Đó là một lá cờ màu sắc tuyệt đẹp.

Dầu sao đây không phải là bọn nghịch, chàng linh cảm như thế và đứng thẳng mình lên, đưa tay vẫy.

Thiếu nữ đứng trước mũi thuyền trông thấy trước nhất, chỉ cho mọi người, cả bọn nín bật tiếng hát, quay nhìn về phía chàng, có vẻ bàn tán.

Thuyền đã đến gần, chàng bỏ ống dòm xuống, đưa tay lên miệng làm loa, gọi kéo dài giọng ra:

- Ghé lại tôi hỏi chuyện, ghé lại!

Rồi chàng vệt lát đi ra sát bờ rạch.

Sau vài lời bàn nhau, thuyền từ bờ sông bên kia quay mũi về phía chàng đứng. Chàng mừng lắm, cười vang lên và nhận thấy những thiếu niên, thiếu nữ trên thuyền đều có vẻ như những sinh viên hay học sinh. Họ nhìn chàng chòng chọc, hơi ngạc nhiên nhưng không có ác ý.

Thuyền sắp cập bờ, chàng hỏi:

- Tất cả là người Việt Nam, phải không?

Họ nhìn nhau mỉm cười rồi một thiếu niên gật đầu:

- Phải.

Yên lòng, chàng vỗ tay la: “A! A!” như một trẻ nhỏ.

Thuyền đậu lại. Thiếu niên chèo thuyền cắm sào rồi nhanh nhẹn nhảy lên bờ, thiếu nữ nhảy tiếp theo với mấy người khác.

Ông khách ăn mặc kỳ dị ấy ôm chầm lấy thiếu niên hôn rất mau trên hai má rồi hôn luôn thiếu nữ như thế. Những người khác thấy vậy đều dang ra. Nhưng khách bước tới ôm hôn từng người. Giữa sự bất ngờ, không ai nghĩ đến sự phản đối gì cả, chỉ ngạc nhiên cực điểm.

Hôn xong, chàng nhìn những kẻ cùng nòi giống đang yên lặng nhìn chàng một cách triu mến và vô cùng cảm động.

Để phá tan sự yên lặng bất ngờ gây ra bởi cử chỉ khác thường của người khách lạ trẻ tuổi, một thiếu niên suýt soát tuổi chàng hỏi:

- Ông là người Việt Nam?

Chàng mỉm cười trả lời:

- Phải, họ Nguyễn, Nguyễn Phi Hoàng.

Giọng nói hơi cứng vì ít khi có dịp nói tiếng mẹ đẻ và vẻ khô hài của chàng làm cả bọn bật cười.

Dáng điệu và giọng nói của chàng đem ngay đến sự thân mật giữa chàng và cả bọn. Họ xúm xít quanh chàng, một thiếu niên độ 15, 16 tuổi liến thoắng hỏi:

- Người Việt Nam sao râu nhiều quá vậy?

Chàng rờ râu, nhăn mũi cười:

- Tại lâu quá tôi không cạo.

Mọi người phá lên cười.

Cậu nhỏ không tha, chỉ một thiếu niên bảo chàng:

- Anh này cũng không cạo lâu lắm rồi, sao râu anh không như ông?

Chàng rờ ngay cằm thiếu niên ít râu rồi nói:

- Ay! Ya! Ya! Ông này ít râu quá!

Rồi rờ cằm mình:

- Tại tôi ở xứ lạnh lâu quá!

Mọi người cười bò lăn trên cỏ lát, nước mắt ràn rụa.

.....

...

Để hiểu thêm về thời cuộc hiện nay của nước nhà, hầu tính phương tiện sẽ phải dùng, Hoàng nhận lời mời của đám thiếu niên mà chàng vừa gặp gỡ bước xuống thuyền nghe họ bày giải.

Chàng được biết thanh niên lớn tuổi trong bọn là một sinh viên trường thuộc, các thanh niên, thiếu nữ khác đều là học sinh ở các trường trung học Pháp Việt, nghĩa là một thế hệ trẻ trung, đủ thành thật, đủ mức bày tỏ những tình hình gần đây cho chàng rõ. Họ là ban cứu thương của một quận bộ, đi thành lập những ban cứu thương thôn bộ trở về.

Khi biết Hoàng là một bác sĩ y khoa, Cử nhơn Sử ký và Địa dư, cả bốn đều tỏ vẻ kính trọng.

.....

...

Chàng thanh niên lớn tuổi giải rõ tình hình nước nhà cho Hoàng biết: Nhật đã đầu hàng và Việt Nam đang củng cố nền độc lập.

Mặt trời đã lên khỏi rặng tre xanh. Hoàng cũng theo về với bốn thiếu niên để đứng chung với dân tộc mình trong cuộc tranh đấu giải phóng quốc gia.

.....

...

Bỗng Hoàng giật mình khi thoáng nghe một câu, một lời kết luận mà vì bận nghĩ ngợi Hoàng đã không nghe đoạn đầu. “Thế giới đã thoát khỏi nạn phát xít, chế độ thực dân đã được long trọng bãi bỏ thì trong thế hệ mới này, Việt Nam phải được tự do đứng lên, được tự do sinh sống như những dân tộc khác. Có thể hòa bình, công lý, nhân đạo mới giữ được cái nghĩa thông thường của nó”.

Hoàng mỉm cười, gật đầu với phụ nữ có đôi mắt huyền vừa nói câu ấy và bảo:

- Phải như thế! Tôi sẽ đứng bên cạnh anh chị em để tranh đấu cho sự giải thoát tổ quốc chúng ta.

Một loạt tiếng vỗ tay vang rền trên lạch nước.

Chàng trở lên mang đồ đạc xuống thuyền.

Và khi thuyền nhỏ sào, chàng xin phép đứng riêng trước mũi thuyền, lật sổ tay ra đặt trên mũi ghe, hí hoáy viết thêm:

“Tôi đã rơi xuống đây với một mơ tưởng tượng về Việt Nam. Sau suốt một giờ đồng hồ bàn bạc với các thanh niên đồng bào mà tôi thành linh gặp gỡ.

.....
...

Tôi cảm động khi thấy những khuôn mặt sáng sủa của thanh niên xứ tôi, những chàng tuổi trẻ, những cô thiếu nữ đã không được may mắn như tôi, sống nhiều, hiểu rộng nhưng cương quyết ghi chặt lấy mảnh đất chôn nhau, sẵn sàng vùi vào đây mơ tuổi ít oi của họ để vun quén cho những thế hệ tương lai của dân tộc chúng tôi.

Thế là trên một địa điểm ở vĩ tuyến XI, kinh tuyến 104,2, tôi đã thảo hoạch và mang theo một mơ ý nghĩa để định đoạt cuộc đời tôi, hợp theo tinh thần của tất cả dân tộc yêu chuộng dân chủ thành thật trên khắp mặt địa cầu”.

*

NHỮNG CÁNH MAI VÀNG

Ánh đèn màu bật lên làm cho khung cảnh gian phòng rộng nhuộm một màu huyền ảo như trong cõi mộng xa vời.

Nhạc bắt đầu thổi, êm êm len trong bầu không khí thoang thoang những mùi nước hoa sang trọng, ve vuốt những mái tóc, những tà áo xa lạ.

Bên cửa sổ trông ra vườn hoa, mấy nhà quý phái trong các đại triều phục trào Louis XIII đứng nói chuyện với nhau. Giữa phòng, các bà mạng phụ vừa ăn bánh ngọt, vừa cười nói vui vẻ.

Đầu này, mấy viên quan tòa bệ vệ trong những bộ áo ngày đại lễ viền chỉ vàng lóng lánh. Đầu kia, vài tay kỹ mã gọn ghẽ trong những bộ áo đi săn với những mái tóc chằm vai, oai phong lẫm lẫm.

Những bộ áo ấy toàn bằng giấy, những mái tóc đẹp ấy toàn là tóc giả. Vì hôm nay là ngày khai mạc hội chợ tỉnh C... trong vườn hoa của viên chủ tỉnh. Và đây là cuộc khiêu vũ trá hình theo triều đình Louis XIII. Bởi thế đàn ông đều mang một miếng lụa đen che khuất nửa mặt, chỉ chừa hai mắt, đàn bà thì mang lưới đen phủ cả mặt, không thể nhìn ra được.

Bỗng mọi người đều lao nhao ngó về buồng bên trái. Vua ra. Đó là một vua Louis XIII với cái mũi rất đẹp nhưng là một cái mũi Á Đông và cái miệng hơi mỉm cười rất hợp với vai tuồng đài các. Bộ áo sẫm màu tím của ông lóng lánh những vòng hoa kết kim tuyến, ăn sát vào khổ người tầm thước của một thiếu niên khỏe mạnh. Sau ông là các hoàng thân, các vị hầu tước, công tước danh tiếng của triều đình. Người ta thấy cái mũi cao và đôi mắt xanh của viên chủ tỉnh trong vai Richelieu giáo chủ trong đám ấy.

Cánh cửa phòng bên phải mở ra. Tất cả con mắt đều dồn về phía ấy. Hoàng hậu Anne d'Autriche bước ra trong bộ áo sẫm màu da trời, theo sau là những công chúa, mạng phụ cao cấp, lưới đen phủ mặt.

Cả một thế giới đài các xa hoa Tây phương hiện ra trên một địa điểm Việt Nam như từ một thời xưa xa xôi của lịch sử Pháp lạc lõng về đây.

Trái với lịch sử, vua không tiếp đón hoàng hậu để khen ngợi cách trang sức của ngài. Và mỗi người chia nhau ngồi ở các bàn, tiếng Pháp chen lẫn tiếng Việt. Những thiếu nữ trong triều - con của các thân hào trong tỉnh - mặt không mang lưới, lo việc thết đãi các quan khách với những nụ cười tươi như hoa xuân.

Hoàng hậu ngồi ở một bàn ngang bàn vua, nàng bỡ ngỡ nói rất ít và từ chối những ly rượu của những thiếu nữ mời. Mà Vân - chính hoàng hậu Anne d'Autriche bỡ ngỡ thật.

Hôm nay là lần đầu tiên nàng đi đến một buổi dạ hội như thế này với cha theo thiệp mời của viên chủ tỉnh. Đến đây, nàng lại gặp cảnh bất ngờ là bắt thăm nhằm bộ đồ hoàng hậu. Nàng cư xử thế nào với vai thứ nhất của buổi dạ hội này? Đó là một lẽ khiến nàng băn khoăn, nàng chỉ là một nữ sinh không kinh nghiệm, chưa bao giờ tiếp xúc với người lạ, hẳn phải bối rối trước trường hợp này là lẽ dĩ nhiên.

Cha nàng, người thân duy nhất của nàng nơi đây, trong y phục một hầu tước như nàng đã biết sau khi bắt thăm, đang ngồi cùng bàn với vua và giáo chủ Richelieu.

Vân nghĩ lại mà hồi hận. Nếu nàng ngờ gặp cảnh này thì thà ở nhà đánh bài chơi với các em hẳn vui hơn vì hôm nay là tối mồng ba tết, các em nàng tha hồ thức khuya và cười đùa.

Chiều mai, nàng đã phải lên Sài Gòn nhập trường, một đêm vui vẻ với các em còn thú vị hơn là ở nơi xa lạ này, giữa những người không quen biết và trong một vai tuồng khó xử.

Nhưng kìa, giáo chủ Richelieu đã đứng lên nói. Người nhân danh vua Louis XIII và nhân danh... chủ tỉnh C... cảm ơn quan khách, các tiểu thơ đã sẵn lòng dự cuộc vui đầu năm trong tỉnh.

Những tràng pháo tay nổ lên giữa những tiếng nổ của rượu bọt và những tiếng cười nói vang dậy.

Nhạc trỗi lên một bản valse quen biết, cổ điển, tuyệt tác của Strauss: “Ngày xưa khi đôi ta còn trẻ”. Bản nhạc du dương lãng mạn ấy đã bao lần thấm thía trong lòng Vân mỗi khi nàng nghe nó, khi những chiếc lá rụng trong vòng rào trường nữ học. Thanh, người bạn nghệ sĩ của nàng với đôi mắt đẹp, như nhìn vào một dĩ vãng dịu dàng xa, mơ màng buông ra trên dây tơ đồng điệu nhạc trầm vô tận ấy.

Những chiếc lá rụng trong màn sương lạnh, bên những bạn trẻ mà nàng đang xa và mong gặp là những giờ phút êm thấm nhất đời Vân, và bản nhạc kia, Vân tin rằng nó sẽ là mối dây nối liền với dĩ vãng xinh tươi, một khi nàng sẽ từ giã công trường vĩnh viễn. Nàng yêu bản nhạc ấy cũng như yêu những đứa bạn liến thoắng và dịu dàng. Nó đến với nàng lúc này rất hợp thời và nàng cảm thấy như không bị lẻ loi nữa.

Nhưng nó không đến một mình, vì kia, vua Louis XIII đã đứng lên đến bên nàng, nàng sẽ phải cùng người thiếu niên ấy khai mạc buổi dạ hội này.

Không tránh được một việc không thể tránh, Vân đành đứng lên đưa tay cho người ấy để cùng bước ra sân khiêu vũ, và lần thứ nhất, Vân biết được cái cảm giác là lạ trong tay một thiếu niên không quen biết.

Chàng đưa Vân bước nhẹ nhàng theo nhịp đàn giữa những tiếng hoan hô của khách dự hội.

Hoa giấy muôn màu sắc, những vòng serpentin được tung ra chung quanh đôi niên thiếu, rơi trên vai, trên tóc hai người làm thành một tấm lưới màu sắc sỡ: xanh, đỏ, trắng, vàng...

Những cặp khác cũng lần lượt bước ra xen vào điệu nhạc quay cuồng trong tòa nhà lộng lẫy.

Vân nhắm mắt lại để mặc người thiếu niên đưa đi. Chàng quay nhẹ nhàng và bước đi tuyệt đẹp. Vân không nhìn mặt chàng nhưng nàng đã quan sát lúc nãy, đó là một thiếu niên trẻ tuổi, hình như không phải người trong tỉnh vì cái mũi ấy, gương mặt ấy nàng không nhớ được ở đâu. Cử chỉ và cách ăn nói của người ấy tỏ ra một người có học chắc chắn và rất sang trọng, nhất là mùi nước hoa đang phảng phất bên nàng, một mùi dịu dàng do nhiều thứ pha lẫn để thành một mùi riêng biệt có thể gây thiện cảm một khi tiếp xúc với ai.

Nhưng Vân không muốn để ý nhiều đến người ấy. Nàng hãy còn trẻ lắm, với cái tuổi 17 thân yêu của nàng, nàng hãy còn muốn ở lâu với các bạn trên băng trường. Với lại sau buổi dạ hội này thì nàng đã không còn phải gặp người ấy nữa, cần gì phải suy nghĩ đến kẻ mà mình chỉ gặp một lần.

Bỗng Vân nghe chàng hỏi:

- Cô là ai?

Vân không biết phải trả lời thế nào, đành ra vẻ dí dỏm:

- Là hoàng hậu Anne d'Autriche.

- Còn tôi, tôi là hoàng đế Louis XIII...

Vân không ngờ câu trả lời nên nóng mặt lên và im lặng.

Nhưng chàng lại hỏi:

- Hẳn cô còn đi học?

- Còn.
- Trường nào?
- Hình như ông biết không có ích lắm!

Chàng ta thản nhiên bảo:

- Có lẽ.
- Rồi tiếp:

- Dầu sao tôi cũng chắc rằng một ngày kia, khi cô đã có gia đình, thỉnh thoảng cô cũng sẽ nhớ đến buổi dạ hội ít có này mỗi khi cô nghe đến bản “Ngày xưa khi đôi ta còn trẻ”.

Vân không trả lời vì nàng không biết phải nói gì. Vừa lúc ấy, chàng bước chậm lại, vói tay lên tường gỡ một tờ lịch nhét vào tay nàng:

- Để cô sẽ nhớ buổi dạ hội hôm nay, cô hãy giữ tờ lịch này, vì cô sẽ không bao giờ biết được mặt tôi, cũng như tôi chưa biết mặt cô. Nhưng cái “không biết” được ấy hẳn cũng thú vì ta chỉ nhớ người của lịch sử, Anne và Louis XII mà hai thiếu niên Việt Nam chúng ta đang mang trong vai giờ...

Vân nhìn đăm đăm trên mặt bàn viết. Xa xa, tiếng súng nổ đi đùng. Đây là một ngày tết nhưng một cái tết không xuân.

Cái tết năm xưa vừa tan trong trí não nhưng dư hương bản nhạc êm đềm vẫn còn văng vẳng giữa vắng lặng.

Trên bàn, tờ lịch năm xưa vẫn còn đó, chữ mờ ba tháng Giêng năm... bằng mực đỏ vẫn còn chói lọi, và bên nó, một tờ lịch khác, một cái xuân khác cũng đã qua.

Hôm nay, Vân không còn ngần ngại nhớ đến bóng chàng thiếu niên năm xưa vì không phải nàng nhớ một kẻ không tên nhưng là một người sẽ phải là chồng nàng.

Nàng mỉm cười vì bỗng dưng nàng cảm thấy “sự thật” ấy là một chuyện bất ngờ!

Sau đêm dạ hội ấy, Vân lơ đãng bỏ tờ lịch vào một hộp thơ chung với những giấy tờ mà nàng muốn để dành, rồi quên hẳn đi người thiếu niên xa lạ.

Nàng có ngờ đâu cuối niên học ấy, khi vào hạch miệng của cuộc thi bằng Cao đẳng tiểu học thì nàng gặp cái mũi ấy, cái miệng ấy với cặp mắt nguyên vẹn không bị tấm lụa đen che khuất trên khuôn mặt của viên giám

khảo, một giáo sư thật trẻ mà nàng được biết tên trước khi bước vào phòng thi: Ngô Thanh Trinh.

Chàng là một viên Cử nhân văn chương ở Pháp về được một năm như nàng đã nghe tiếng.

Chàng nhìn Vân có vẻ suy nghĩ và Vân có cảm giác rằng chàng đã nhìn ra, mặc dầu tối mỏng ba tét, mảnh lưới đen phủ kín mặt nàng.

Nàng biết mình tin đúng, khi chàng nghiêm nghị hỏi mình về Richelieu giáo chủ (vì Trinh hạch khoa Sử ký) và trận đánh La Rochelle của Louis XIII thân chinh.

Chót hết, Trinh nói một câu ngoài chương trình:

- Hoàng hậu Anne d'Autriche tính tình không được tốt lắm nhưng đó là lịch sử Pháp, còn hoàng hậu Anne d'Autriche Việt Nam thì rất dịu dàng và rất xứng đáng.

Giọng nói của Trinh vẫn nghiêm nghị, rất có vẻ “giám khảo” nhưng Vân hiểu chàng muốn nàng biết rằng chàng đã nhớ được mặt nàng.

Vân còn nhớ rõ Trinh nhìn kỹ một lần chót giây căn cước của mình rồi trao trả với tiếng “cám ơn” thường lệ của các giáo sư sau khi hỏi học trò.

Bãi trường năm ấy. Vân có dịp trao tay mình cho người ấy lần thứ nhì, trong buổi lễ vị thành hôn tại dinh đốc lý. Chiếc nhẫn ấy hãy còn đây để đánh dấu một ngày kỷ niệm qua.

Song, một cái tết kia, một ngày xuân khói lửa, trong khi gia đình nàng sắp sửa đồ đạc đi tản cư thì Trinh đến để giã từ. Tờ lịch trên bàn là dấu vết của ngày chia ly ấy.

Đã ba cái tết, gia đình Vân rời khỏi tỉnh nhà, sống lây lất nơi Sài Gòn để đợi chờ sự ổn định của thời cuộc. Cha mẹ nàng đều già yếu, Vân vừa buôn bán tiếp mẹ, vừa theo học ở ban Đại học. Những cảnh xa hoa phù phiếm của cuộc đời trưởng giả ngày xưa chỉ còn là một kỷ niệm trong lòng Vân và nàng cũng không ước mong được sống trở lại. Nàng công nhận rằng thời ấy đã qua hẳn rồi. Thế hệ ngày nay, trong lúc giao thời, phải tự đào luyện mình cho thành người hữu dụng sau này để theo kịp sức tiến triển của trào lưu tiến hóa.

Nhưng đêm nay, trong những ngày nghỉ, câu chuyện ngày đầu xuân, Vân không khỏi nhớ lại những kỷ niệm tươi thắm của tuổi thơ. Những cánh mai vàng rơi rụng nhưng xuân xưa đã bao lần làm Vân bồi hồi nhớ

nhưng một thời cô kính không tên. Đêm nay lại gọi trở lại trong lòng Vân cái buồn nhẹ nhẹ của cái xuân sắp qua. Nàng nhớ cái giọng sang sảng của cụ cai tổng bên láng giềng lúc còn ở tỉnh nhà, khi cụ ngâm hai câu thơ Đường trong một ngày xuân:

Xuân nhựt khứ đa vô hạn hận,
Cự đường mai lạc, nguyệt mông lung. (Tạm dịch: Ngày
xuân qua mãi bao niềm hận,
Thềm cũ mai rơi, ánh nguyệt tà.)

Làm sao nàng khỏi nhớ đến hiên cũ nhà mình, khi mùa mai rụng, nhất là nơi hiên ấy, Trinh đã dừng lại với nàng giây lâu trước khi cất bước.

Đã ba năm Vân theo dõi bóng dáng người thanh niên trên khắp nước non nhà cho đến khi chàng ra hải ngoại. Nàng vẫn nhận được những dòng chữ thân yêu của chàng từ bốn phương gửi về. Và đêm nay, Trinh ở đâu? Hẳn không phải ở một dạ hội nào trong một vai hoàng đế bên một hoàng hậu lệ kiều như ngày mồng ba tết nọ.

Để không phải nghĩ ngợi miên man, Vân đưa tay vặn nút máy vô tuyến điện để nghe tin tức thế giới. Bỗng nàng chú ý một giọng văng vẳng bằng tiếng Việt Nam. Giờ này, những giờ bá âm trong xứ đâu còn phát thanh nữa. Vân cố tìm và tìm được ở bên kia bờ quốc giới, ở một địa điểm xa xăm, một người Việt Nam đang nói cho khắp thế giới nghe.

Đó là một giọng rõ ràng của người Việt miền Nam, trong trẻo và hùng hồn. Vân đã mất đoạn đầu:

“... Nước Việt Nam, với những sự thành thật và cố gắng mà tôi đã giải bày ở trên, cương quyết tiến triển để đoạt tự do của mình, hầu cùng các dân tộc yêu mến công lý trên hoàn cầu giữ vững hòa bình cho nhân loại.

Năm mới của Việt Nam đem đến cho dân tộc ấy những hy vọng thành công. Và sự thành công của Việt Nam là một viên gạch chung vào công cuộc xây dựng nền tảng hòa bình của thế giới...

Nước Việt Nam muôn năm!

Hòa bình thế giới muôn năm!”

Mặc dầu những tiếng nổ lấm khi che lấp tiếng người trong máy vô tuyến, Vân vẫn nhận rõ giọng quen thuộc thân mật ấy: giọng Trinh.

Nàng ngòì thừ ra, mắt nhìn đăm đăm như người mất hồn trên mặt kính của máy vô tuyến mà một bản nhạc từ một đài phát âm nào đấy

thoảng đưa ra giữa những tiếng nổ giòn, bản đàn của nhạc sĩ thành Vienne: “Ngày xưa khi đôi ta còn trẻ”...

Cảnh dạ hội năm xưa, buổi chia tay xuân nọ như trên màn ảnh diển lại trong đầu Vân, rơi rớt lại, hợp thành một chữ S treo lủng lẳng dưới bản đồ nước Trung Hoa. Trên hình chữ S ấy, những hình người ló nhố, tay cầm tay, bước tràn trên dãy Hoành Sơn, từ Nam chí Bắc, theo nhịp quay cuồng của một bản valse vui mừng, dưới những cánh mai vàng chập chờn như những cánh bướm xuân trong một ngày nắng sáng...

Vân đang lắng hồn trong một viễn ảnh của dân tộc mà trong ấy, hẳn nàng sẽ tìm thấy bóng chàng thanh niên thân yêu giữa đám người Việt Nam điên cuồng sống giờ toại nguyện...

*

S.O.S

Trời đã sáng tỏ. Những hàng cây hai bên bờ sông đã hiện ra rõ rệt, thỉnh thoảng một vài cái nhà lá ló ra rồi lại biến mất sau những lùm cây dày đặc.

Ngồi trong đò máy đang chạy xình xịch giữa dòng sông, Bình nghĩ đến một lối chết thật hiệu quả để đối phó với những việc mà nàng sắp phải gặp.

Hồi rạng đông, bỗng dung có người đập cửa nhà nàng. Nàng chạy ra cửa sau định trốn ra ruộng nhưng vừa mở cửa thì một kẻ khác đã nắm chặt lấy hai vai nàng, đẩy nàng ra trước. Trong khi ấy thì mẹ nàng đã mở cửa trước và kẻ đập cửa khi nãy đã đứng trong nhà.

Dưới ánh đèn dầu lửa, nàng thấy rõ hai người ấy không phải ai đâu xa lạ. Đó là Năm Hoàn và Chín Kỹ, hai tên vô loại chuyên nghề cờ bạc và ăn trộm thưở nọ ở trong chợ. Đã lâu lắm nàng không gặp hai tên ấy, song có nghe nói rằng trong lúc lộn xộn hồi ba năm trước, chúng đã dẫn Thổ đi giật đò, giết người rất nhiều trong chợ. Hiện nay, nó làm nghề gì, Bình cũng không biết rõ.

Bình đã bỏ làng đi lâu lắm rồi và vừa về thăm mẹ hôm qua, không ngờ bị hai tên ấy rình rập vào bắt.

Năm Hoàn buông Bình ra, cười gằn bảo:

- Đồ phản quốc! Hôm nay tụi tao mới bắt được mày!

Bình uất lên:

- Anh nói tôi phản quốc, chớ anh có biết phản quốc là gì không?

Hoàn sùng sộ, tát mạnh vào mặt Bình:

- Phản quốc là con Đ.M. mày. Mày muốn hỏi gắt tao hả?

Mẹ Bình năn nỉ:

- Thôi mà cậu Năm à! Bà con mình biết nhau mấy chục năm rồi mà, có cái gì xích mích với nhau đâu. Tôi mẹ góa, con cô, tiền của cũng hết sạch. Cậu Năm với cậu Chín thương giùm bà con tội nghiệp.

Chín Kỹ điềm mặt bà già:

- Còn con mẹ già này. Đ.M... cho con phản quốc. Mấy năm nay tại tao để yên cho làm ăn là may!

Rồi day sang Bình:

- Thôi đi!

Bình biết không thể năn nỉ gì được nữa, đành liều cho số phận, để chúng đưa đi đâu thì đưa rồi tùy cơ ứng biến. Nước cùng của nàng là chết, chớ không để bị ô nhục.

Hai tên ấy đưa Bình ra bờ sông chờ đò máy đưa hành khách từ T... về để đi vô chợ.

Lối xóm chỉ cắm gan ngồi trong nhà nhìn theo vì họ biết hai tên vô loại, dốt nát ấy có khí giới là đủ can đảm giết họ không gớm tay nếu ai ngăn cản chúng.

Bình nhìn những hành khách ngồi ở hai băng đối diện trên đò máy. Toàn là những người quen trong chợ thuở xưa: anh biện làng đi lên tỉnh về, thiêm hương quản, vợ “chết” Lù bán cao lâu, con Hai bán mía, xã Vòng, một người Trung Hoa sang trọng và một ông sư lạ mặt.

Nàng thất vọng vô cùng. Những người quen không dám nhìn nàng vì họ biết nàng đi lâu lắm rồi và không hiểu nàng làm gì trong lúc vắng mặt ấy.

Hai tên vô loại ấy không làm một chức tước gì chánh thức nhưng hình như là những kẻ rất nguy hiểm vì hay nịnh nọt dung công với người trên. Mặc dầu có lệnh rằng ngoài lính tráng của cò bót thì không ai tự tiện bắt bớ ai nhưng hai tên ấy vẫn bắt người này, người kia mãi làm cho dân trong làng đều sợ sệt chúng.

Bình chỉ còn thấy cái chết.

Bỗng nhiên một tia hy vọng đến với nàng. Nhà sư và người khách trú sang trọng lạ mặt. Ủ, biết đâu! Trong thời này, những kẻ lạ lùng vẫn thường có. Biết đâu hai kẻ ấy chẳng ở trong hai hạng người khác thường kia. Nhà sư hãy còn trẻ, không quá ba mươi tuổi. Còn người Trung Hoa thì độ ba mươi ngoài. Đó là hai cái hy vọng chót của nàng.

Nàng cũng nhận thấy hình như họ để ý đến nàng, một vẻ đẹp thù mị trong bộ đồ vải đen đã cũ.

Nhưng làm thế nào thử cầu cứu với họ, trong khi hai tên khốn kia ngồi kẹp hai bên không ngớt trông chừng Bình.

Bình sực nhớ đến lúc còn nhỏ, hồi cha nàng làm việc ở Sài Gòn, cho nàng vào đoàn hướng đạo, nàng có học qua lối đánh chữ “Morse”. Nàng thử dùng chữ “Morse” xem.

Sẵn tay để trên gối, Bình đánh nhịp bằng ngón tay trở xuống đầu gối, nếu hai tên kia có thấy thì chúng không để ý, chỉ tưởng nàng buồn nhịp chơi thôi.

Nghĩ thì làm, Bình thông thả gõ ba nhịp rời, ba nhịp đôi, rồi lại ba nhịp rời rất phân biệt:

- S.O.S.

Rồi tay trái giả ôm trán, luôn tiện che mắt, nàng trộm nhìn qua kẽ tay ông sư và người khách.

Nàng lặp lại như thế nhiều lần.

Ông sư thỉnh thoảng nhìn nàng rồi lại trầm tư, thản nhiên như tượng Phật, còn người khách thì còn bận xem phong cảnh ngoài sông.

Bình nản chí và sắp tuyệt vọng.

Bỗng nhiên trái tim nàng đập mạnh.

Nàng mường rỡ vô cùng: Đôi dép của nhà sư nhích nhẹ xuống nền ván của chiếc đòn:

- S.O.S. tại sao?

Nhà sư hiểu dấu hiệu cầu cứu và hỏi nàng tại sao?

Bình cắn răng để giấu sự vui mừng, trả lời:

- Tôi bị bắt.

- Ai?

- Hai tên hai bên.

- Bắt đi đâu?

- Không biết. Cứu tôi. S.O.S.

Bình đã chỉ cho nhà sư hai tên hai bên bắt nàng. Chưa biết nhà sư có cách gì cứu nàng, song nàng vẫn nghĩ cần phải cho ông ta biết rõ nàng bị bắt về tội gì. Nàng gõ tiếp:

- Tôi không ăn cướp - sát nhơn.

Nhà sư gõ thêm:

- Biết rồi. Còn ai phe chúng nữa không?

Nhà sư đã biết nàng bị bắt vì lẽ gì rồi và hỏi còn ai là phe của chúng nó nữa không. Bình nhìn quanh, chỉ còn người khách trú là lạ mặt, nàng cần cho ông sư hay để đề phòng:

- Người Trung Hoa lạ mặt không biết là ai.

Sư liếc nhìn người Trung Hoa rồi gõ tiếp:

- Cô yên lòng, được rồi.

Bình buông tay trên trán xuống, nhìn ra ngoài sông. Trên đò, hành khách vẫn nói chuyện với nhau inh ỏi, máy vẫn xình xịch. Hai tên vô loại vẫn không hay biết gì về câu chuyện nàng vừa nói với nhà sư.

Trong bộ râu sồng, nhà sư vẫn là một thanh niên khỏe mạnh. Nước da đen sạm và vẻ mặt lạnh lùng, cương quyết làm cho Bình được phép tin tưởng ở lời hứa của ông.

Ông liếc nhìn Năm Hoành, Chín Kỹ. Chúng đang yên lặng hút thuốc, nghĩ đến số tiền thưởng và những bằng cứ chúng sẽ đặt ra để hại Bình. Bình nóng nảy nhìn đồng hồ trên tay của người biện làng. Hãy còn hơn nửa giờ nữa đò mới tới chỗ, nàng chẳng biết hai tên kia đưa nàng đến đâu. Đến sào huyết của một bọn sát nhọn, cướp bóc chẳng? Hay đến một viên quan, làng nào? Nàng không biết. Nhưng quyết hai tên bắt lương ấy sẽ làm hại nàng, nàng cần phải được giải thoát.

Ông sư vẫn thản nhiên, mở cái bao da lấy thuốc ra vắn, rồi nhấc tay nải trong lòng lên đứng dậy, đặt tay nải xuống chỗ ngồi.

Ông đến trước mặt Chín Kỹ, nhỏ nhẹ:

- Thầy làm ơn cho môi thuốc.

Chín Kỹ vắt điều thuốc tòn xuống đất, quắc mắt:

- Á! Cái thằng thầy chùa này rộn chuyện. Mọi người khác không được sao?

Ông sư khúm núm:

- Dạ, môi thuốc mà có gì đâu thầy giận.

Tức thì một cái “chát” đổ lửa vào mặt ông sư. Nhưng ông sư đã le làng đưa bấp tay trái lên mặt đỡ cái bạt tai của Chín Kỹ và nắm tay mặt của ông nhảy mạnh lên cầm của anh ta: Chín Kỹ bật ngựa và ngã ngay vào người bên cạnh. Năm Hoành vừa đứng lên thì một cái móc như thế của ông sư làm anh ta rơi xuống, mềm nhũn như một cây thị.

Nhà sư vẫn không đổi sắc mặt trong khi cả tàu đều tái xanh, xoa tay mỉm cười nhìn hai cái thầy:

- Chúng không chết đâu. Nếu không ai phun nước cho thì mười lăm phút nữa họa may chúng mới ngồi dậy.

Bỗng có một giọng khách trú bảo:

- Ông thầy zỏi lắm!

Nhà sư và Bình nhìn sang người Trung Hoa mặc âu phục vừa nói câu ấy. Bình đứng lên, còn ông sư thì đi chậm rãi lại người ấy, chòng chọc nhìn ông ta.

Người khách chìa hộp thuốc Ăng-lê mời ông sư, vừa cười hà hà:

- Hút chơi một điếu!

Nhà sư không ngần ngại đưa tay lấy một điếu thuốc rồi cười:

- Lú mời hóa hút thuốc thì đừng có vô chợ, anh em của hai thằng du côn nó đánh lú đa.

Người khách trề môi:

- Khon hề gì mà! Hóa cũng li dới lú lớ. Ai mà đánh đượ á!

Rồi đứng lên bật lửa đốt thuốc cho nhà sư, người khách chỉ vô bờ:

- Tới dôi!

Ông ta hô “tốp” một tiếng lớn. Tức thì đèn tắt máy chạy chậm lại và một chiếc tam bản từ bờ đâm ra.

Ba người chào hành khách rồi bước xuống tam bản.

Đò chạy rồi người khách vỗ vai nhà sư, nói khôi hài bằng cái giọng rõ rệt Việt Nam:

- Lú đượ cái cú móc đó thần tình quá!

Ông sư nhìn ông khách tò mò. Người ấy cười lớn:

- Hò! Cái này ông sư hồ mang không biết hóa, chớ ông sư thì hóa biết nhiều lắm mà. Ông sư hồ mang ăn thịt chó ai mà không biết.

Sư cũng cười:

- Sao lú giỏi vậy.

Người khách chỉ vào ngực:

- Ông chủ biểu hóa đi rước ông sư mà, ông đi kinh lý ở quận hóa mà!

Bình thấy cuộc đời vô cùng tươi đẹp.

Mặt trời đã lên cao từ bao giờ. Ánh nắng sáng loáng rơi nhẹ xuống cánh đồng bát ngát làm tan trong đầu nàng những u ám ban nãy.

Cả một bầu trời trong sáng như buổi ban mai đang chờ nàng.

Lúa thơm lẫm, không khí của đồng ruộng Việt Nam trong sạch lẫm, người Việt Nam còn nhiều kẻ ngu đần như hai tên trộm cướp Chín Kỷ, Năm Hoàn nhưng những kẻ nhân đạo, hào hùng như nhà sư trẻ tuổi hãy còn nhiều và rất nhiều...

*

MUỐN NHÀ

Xe ghé lại trước một biệt thự. Vân bước xuống, mở khăn tay lấy tiền trả phu xe.

Trong chiếc áo lụa trắng sơ sài, không nữ trang và chỉ điểm một chút phấn trên da mặt, Vân vẫn không mất vẻ đẹp trang trọng, không lộng lẫy song dịu dàng.

Nàng nhìn lại số nhà, lầm nhảm: “Chính đây rồi!”.

Chính đây là cái biệt thự mà chủ nó đã đăng báo muốn cho mượn lại một căn phòng rộng.

Cửa cổng đóng chặt. Vân toan đến chỗ nút nhận chuông thì nhận thấy một người trẻ tuổi mang kiếng trắng, áo sơ mi trắng, quần kaki xanh cũng vừa đến.

Thấy Vân đi vào phía cổng, chàng có vẻ ngần ngại rồi lễ phép hỏi:

- Thưa cô, cô là người trong nhà?

- Dạ không! Tôi chỉ đến để xem căn phòng mà người chủ nhà đăng báo muốn cho mượn.

Người ấy “à” một tiếng rồi bảo:

- Chính tôi cũng thấy báo đăng, đến xem đây!

Vân không biết phải nói sao trước một sự trùng như vậy. Vừa nghỉ học mới có mấy tháng, Vân hãy còn giữ tính cách của một nữ sinh rụt rè, ít nói và thiếu nhiều những lời xã giao.

Thanh niên hình như hiểu sự bối rối của Vân nên đề nghị:

- Nếu vậy, mời cô cứ vào nói chuyện trước với chủ nhà. Nếu thỏa thuận được thì tất nhiên là không đến phần tôi, bằng trái lại thì tôi sẽ vào hỏi thăm khi cô nói chuyện xong rồi.

Nhiều tự ái, Vân không muốn đương không lại mang ơn một người lạ mặt nên từ chối:

- Cám ơn ông. Ông cứ vào trước, tôi về, chiều trở lại cũng được.

Chàng ta nhìn hai quyển sách trên tay Vân, bảo:

- Hình như cô không được nhiều thì giờ vì còn bận dạy học. Tôi thì rảnh lắm, chờ bao lâu cũng được. Với lại góc đường đằng kia có cái tiệm nước, chỗ nghỉ chơn rất tiện của đàn ông chúng tôi.

Vân nghĩ: “Quái, sao ông ta biết mình dạy học!”. Vì chính nàng vừa dạy riêng cho mấy đứa học trò xong thì đến đây. Không muốn giữ một sự nghi ngờ gì trong lòng, nàng tò mò nhìn ông khách, hỏi:

- Sao ông biết tôi dạy học?

Thản nhiên chàng trả lời:

- Vì cô đem theo quyển tạp chí giáo khoa đóng bìa cứng kia, cuốn Đại số học cho học trò lớp đệ nhị, đệ tam niên ban Cao đẳng tiểu học và mấy cái bài của học trò có dấu mực đỏ kẹp giữa hai quyển sách đó. Với lại, nếu cô còn đi học thì hẳn phải học khỏi mấy lớp ấy ít ra là ba, bốn năm rồi!

Vân yên lòng. Chàng ta không phải là người đã biết mình. Dáng điệu trong cách nói năng tề chỉnh của người thanh niên cho Vân biết chàng ta là một người có học thức và làm cho nàng bạo dạn. Không muốn kéo dài sự nhường nhịn mất thì giờ ấy, Vân tỏ ý kiến:

- Hay là ông cũng cứ vô với tôi, như vậy công bình hơn. Xem những điều kiện của chủ nhà ra sao.

Thanh niên gật đầu:

- Vậy cũng được.

Và chàng bấm chuông.

Một người đàn bà có vẻ là bồi bếp chạy ra. Thanh niên bảo:

- Chúng tôi đến để xem căn phòng đăng báo.

- Dạ, xin ông bà cho danh thiếp.

Hai tiếng “ông bà” làm Vân khó chịu. Nhưng nàng thấy hình như thanh niên không để ý, rút quyển sổ tay và viết ra biên: Lê Anh Toàn, mécanicien rồi trao cho Vân để nàng biên tên vào.

Vân nhìn những chữ của Toàn viết, có vẻ suy nghĩ rồi gỡ tờ giấy trong sổ tay trao cho tên người nhà đang chờ và trả sổ lại cho Toàn.

Tên người nhà lại chạy trở ra mở cửa, kính cẩn:

- Xin mời ông bà vào.

Vân và Toàn vừa vào đến thềm nhà thì bà chủ chạy ra đón đả chào và vui vẻ nói một cách lanh lợi khi vừa vào phòng khách:

- Ông bà đến để xem phòng? À! May lắm. Từ hôm qua tới nay có bốn, năm người, đàn ông có, đàn bà có đến hỏi thăm. Nhưng tôi không bằng lòng những người không chồng không vợ!

Bà mời hai người ngồi:

- Mời ông bà ngồi. Tôi không chịu cho những ai không chồng, không vợ ở vì tôi góa bụa mà còn trẻ. Nhà cửa chồng tôi thì ngang đây, ông già bà già còn đủ, mà em chồng thì đông, sợ tai tiếng lộn xộn. Thà là đủ đôi như ông bà đây thì tốt lắm. Ông bà đều đàn ông, trẻ quá và xứng đôi quá. Nhà tôi mà được ông bà ở thì vô cùng hân hạnh.

Bà còn nói nhiều nữa. Bà kể những điều thuận tiện trong nhà, đưa ăn người ở lễ phép, dễ dạy, vườn tược rộng rãi, hoa lá thơm tho.

Vân then cứng đến cô họng, tai đỏ bừng, muốn cải chánh song tìm không ra lời. Với lại nàng nghĩ rằng đương khi bà vui miệng mà biết mình làm thì hẳn là một “cú” sét vào tai bà nếu nàng nói lại. Nàng muốn Toàn cho bà biết thì phải hơn. Song chàng ta vẫn tự nhiên nghe bà chủ nhà, vẻ mặt không lộ ra một sắc gì khác vì sự nhận lầm của bà chủ.

Bà chủ cho biết những điều kiện: đưa trước 1.000 đồng, đó là tiền “nước” và mỗi tháng trả 150 đồng tiền mướn, kể cả tiền bồi quét dọn.

Trong khi Toàn và Vân chưa nói được một câu nào thì người bồi lại đem vào một lá danh thiếp. Bà chủ xem qua bảo:

- Mời vào!

Một thiếu niên độ hai mươi tuổi bước vào. Bà chủ đứng lên:

- À! Cậu Tú! Hôm nay cậu đến chơi chắc lại để nói chuyện căn phòng! Ông bà đây cũng đang nói chuyện đó.

Nhưng khi nhìn thấy Toàn, thiếu niên mừng rỡ bước tới bên chàng:

- Thưa ông, bây giờ ông ở đâu?

Toàn cười:

- Em Lân! À! Tôi vẫn chưa tìm được chỗ ở, đang kiếm đây!

- Ông còn dạy học không?

- Không. Tôi đang làm thợ máy ở hãng...!

Thiếu niên nắm chặt tay chàng:

- Ông thì giỏi quá! Làm gì cũng hay cả. Những bài của ông dạy hồi ở Première giúp tôi rất nhiều lúc đi thi. Sau tôi tìm ông để học lại mà không gặp.

Thiếu niên day qua Vân để chào, bỗng chàng reo lên:

- Ô! Chị Vân! Chị còn nhớ tôi không?

Vân đã nhớ ra Lân là em của chị Liễu, bạn nàng hồi ở trường “Nhà trắng”. Nàng mỉm cười:

- Nhớ! Chị Liễu bây giờ ở đâu anh?

Lân chỉ cười:

- Chỉ theo chồng chỉ rồi!

Và chàng hỏi lại:

- Còn anh Triền thì hình như năm nay làm “thèse” hả chị?

Vân lắc đầu:

- Anh Ba tôi mất hơn hai năm rồi, ở Cù lao Giêng.

Nàng thoáng thấy Toàn như giật mình khi Lân nhắc đến Triền và chăm chú nhìn nàng lúc nàng trả lời như thế.

Sau vài câu qua lại, Lân trao cho Toàn địa chỉ mình, ân cần mời “ông và chị” đến chơi rồi xin phép về để câu chuyện đang nói giữa bà chủ nhà và hai người được tiếp tục.

Lân ra rồi, Toàn chậm rãi móc ra 500 bạc trao cho bà chủ:

- Đây là tiền tôi gửi trước, kể như đã nhận những điều kiện của bà rồi. Nội trong tuần này sẽ bắt đầu ở và khi đến ở sẽ trả tất cho bà.

Rồi chàng đứng lên cáo từ.

Bà chủ cố cầm hai người ở lại uống nước, nói chuyện thêm nhưng Toàn tìm có thôi thác.

Vân cũng cùng ra với chàng. Bà chủ đưa ra tận ngõ và không ngớt nói chuyện.

Ra ngoài, chỉ còn có mình và Toàn, Vân rất khó chịu. Nàng chưa biết nói gì thì Toàn đi bên nàng nói trước:

- Tôi lấy làm tiếc mà thấy có sự hiểu lầm của bà chủ. Xin cô kể như là không có gì hết. Và bây giờ thì tôi cần hỏi cô một vài chuyện.

- Ông cứ nói.

Toàn hỏi:

- Cô là em của anh Ngô Văn Triền, là Ngô Hồng Vân?

- Phải!

Toàn tiếp:

- Gia đình cô, cứ theo Triền nói thì chỉ còn có một người chị nhưng cô không thể ở với người chị được. Vậy hiện thời cô ở đâu?

Vân hiểu ngay Toàn là bạn thân của anh nàng khi trước mới biết rõ việc gia đình nàng như thế.

Cha nàng đã mất lúc Nhứt thuộc, chỉ còn anh Ba và chị Hai nàng là người thân thuộc. Nàng không thể ở với chị Hai vì chồng chị ấy là một người trọc phú, tính tình gắt gỏng, bên gia quyến nàng không ai chịu được. Nàng ở với anh. Đến khi chiến cuộc Việt Pháp xảy ra, Triền có phận sự nên phải gởi nàng theo gia quyến vị hôn thê của chàng. Triền mất, người vợ chưa cưới của chàng để tang hai năm và vừa có chồng, nghĩa là Vân phải tìm nơi khác ở.

Câu hỏi của Toàn làm nàng nghĩ đến tình cảnh của mình, một nạn nhân của thời cuộc, mà xúc động:

- Tôi ở với vợ chưa cưới của anh Ba tôi. Nhưng chỉ vừa lấy chồng.

Và nàng hỏi lại:

- Anh là bạn của anh Triền tôi?

Rồi chàng thuật lại trường hợp bạn mất, có khác hơn những câu chuyện Vân đã nghe thuật lại nhưng những lời gởi gắm về nàng với Toàn của Triền làm cho Vân tin ngay là thật ở miệng anh nàng thốt ra. Nhất là những câu về tính tình của nàng, người em thân mến của Triền thì ngoài Triền ra không ai có thể đặt ra được.

Toàn tiếp:

- Như vậy, dầu cô có muốn hay không muốn, tôi đã có bổn phận giúp đỡ cô. Tôi đã tìm cô mấy năm nay song đến nay mới gặp. Vậy xin cô nhận sự giúp đỡ nhỏ mọn thứ nhứt của tôi là: cái phòng vừa mượn là phòng của cô.

Vân ngần ngại:

- Tôi hiện rất cần chỗ ở thật nhưng nơi ấy đã có sự hiểu lầm như thế vừa rồi, rất bất tiện cho tôi!

Toàn đột ngột hỏi:

- Cô đã có fiancé (vị hôn phu) chưa?

- Tôi vừa ở trường ra và không bao giờ nghĩ đến điều ấy.

Toàn kêu hai cái xích lô lại, móc sổ tay ra biên địa chỉ mình đưa cho Vân, nói bằng tiếng Pháp, sắc mặt vẫn thản nhiên như Vân đã thấy từ lúc gặp chàng:

- Xin cô nghe cho kỹ những lời tôi sắp nói đây và đừng trả lời tôi ngay bây giờ. Trong năm hôm nữa sẽ có giấy tôi gửi lại cho cô, chừng ấy cô hãy trả lời. Giờ thì xin cô nghe để suy nghĩ:

“Chúng ta đều là những nạn nhân của thời cuộc và riêng cô, cô hiện thời là người trợ trợ trên đời, cần sự nương dựa với một người bạn mà cô chưa có. Nếu về phần cô không có gì cản trở thì chúng ta sẽ hứa hôn với nhau trước mặt pháp luật. Trong thời gian hứa hôn, nếu ái tình đến thì ta sẽ cưới nhau. Cô hãy suy nghĩ. Quyền định đoạt đều về phần cô”.

Và chàng mỉm cười bước lên xe, chào Vân:

- Chào cô, sẽ gặp lại!

Và bảo xe chạy đi.

Vân sững sờ trước những câu hết sức đột ngột và cử chỉ vô cùng tự nhiên nhưng không kém phần lịch sự, nhã nhặn của chàng thợ máy trẻ tuổi.

Lời dàn xếp của chàng ta rất khéo: bắt nàng phải ngậm miệng mà suy nghĩ!

Nàng bước lên xe, lòng băng khuâng với những cảm giác mới lạ mà chưa bao giờ nàng có trong lòng!

*

ĐÁP LỜI SÔNG NÚI

Những tiếng nổ đã dứt...

Tiếng reo hò cũng xa dần, theo sự ước đoán của Điệp thì trong khi bọn Thổ kéo đến đốt phá làng, bỗng nhiên có một đám người Việt đến kịp đánh đuổi chúng chạy đi.

Lửa vẫn còn cháy dữ dội, nhà Điệp chắc chắn phải ra tro.

Nàng dè dặt ngồi dậy, leo lên bờ nhìn về phía làng rồi cúi xuống đỡ mẹ đứng lên:

- Bây giờ mình ra bờ sông, chờ có ghe đi ngang mình quá giang.

Bà Huyện, mẹ Điệp, run lập cập, ừ như rên và mặc cho Điệp nắm tay đưa đi trong đêm tối. Bà Huyện đã định với nàng phải sang nhà cậu nàng ở Đại Ngãi để nương náu đỡ một thời gian.

Dân làng đã đi tất cả rồi.

Sở dĩ bà còn ở lại là vì bà tin rằng Thổ vùng này đều là tá điền nhà bà, họ sẽ chẳng làm hại bà đâu. Với lại hồi đi lên Sài Gòn, ông Huyện có bảo bà cứ ở tại nhà đừng đi đâu hết.

Là một ông Huyện hàm, lại có chun trong một đảng nợ của mấy ông danh tiếng ở Sài Gòn, ông Huyện rất ghét những phong trào “Độc lập” mà ông gọi là “Đập lật”. Ông thường nói với bà: “Annam mà cũng đèo bồng này nợ”. Không thể nhìn những cảnh mà ông cho là chướng mắt, ông bỏ làng trốn lên Sài Gòn tìm “đồng chí”, mặc dầu nhà đương cuộc bấy giờ mấy phen mời mọc ông ra hợp tác.

Bà Huyện thật là một người đàn bà Việt Nam kiêu mẫu của thời xưa: nghĩa là trung thành hết dạ với thuyết phu xướng phụ tùy. Cái gì chồng nói, bà nghe cũng có lý và hết bụng tin theo. Tuy không dám nói ra sự khinh miệt của bà về những việc làm của dân chúng trong xóm làng; song bà quyết không giao thiệp với ai và cấm con gái dự những công cuộc của thanh niên nam nữ xướng lập.

Điệp là một thiếu nữ ở trường vừa về, tính rụt rè, nhút nhát và vì thuở nay nàng không quen biết nhiều với các bạn gái trong làng nên dễ dãi tuân theo lời mẹ.

Có nhiều khi nàng nghĩ đến anh: Quan, một sinh viên học ở Hà Nội, rồi vì “làm chính trị” sao đó, bị đày đi Lao Bảo. Và hiện nay là một nhân vật có tầm tiếng ở Bắc Bộ.

Cha mẹ nàng đã từ bỏ người anh mất dạy ấy nhưng nàng cảm thấy rất yêu kính anh.

Nàng không hiểu tại sao nàng yêu anh, có lẽ vì anh ấy dịu dàng, chiều Diệp từ chút nhưng không hiểu tại sao mình kính anh từ khi nghe tin anh bị đày.

Sự kính trọng ấy chỉ là một cảm giác tự nhiên và vì chưa có một quan niệm rõ rệt về cuộc đời, Diệp không thể giải nghĩa được. Nàng chỉ biết người anh ấy không giống tính cha nàng, thế thôi!

Đang đi với mẹ, bỗng nhiên Diệp nghe có tiếng động sau lưng. Nàng giật mình quay lại, rú lên hãi hùng: Một bóng người đi thật nhanh trên bờ ruộng.

Nghe tiếng nàng, bóng ấy dừng lại một giây rồi hỏi to:

- Ai đó?

Bà Huyện run bầy bầy:

- Tôi đây cậu ơi!

Bóng ấy bảo:

- À! Đừng sợ!

Rối bước đến chỗ hai mẹ con Diệp.

Trời tối lắm, Diệp không thấy rõ mặt người ấy. Nhưng người ấy đã nhận ra mẹ nàng:

- Bà Huyện hả?

Bà Huyện vẫn run lập cập trả lời:

- Dạ phải! Ai đó?

- Hai Tịnh, cháu ông cai đây mà.

Bà Huyện mừng rỡ:

- Ủa! Cậu Hai! Trời, mẹ con tôi trốn ngoài này từ đầu hôm tới giờ đây cậu.

Cậu Hai Tịnh, cháu ông cai tổng. Diệp có nghe tên nhiều lần nhưng chưa biết mặt.

Cậu là bạn học của anh nàg ở trường Canh nông, hiện nay hoạt động ở đây, cha nàg rất ghét.

Tịnh hỏi:

- Bây giờ bà với cô định đi đâu?
- Tôi định đi kiếm ghe đặng quá giang qua Đại Ngãi.
- Dạ, đi là tốt đó bà! Còn ghe của bà đâu?
- Ôi! Mấy thằng bạn nó giựt hết rồi.

Tịnh phàn nàn:

- Tôi biết rõ ý bà! Có lệnh biểu đi mà không chịu đi. Giờ thì nhà cửa bị thiêu rụi rồi mới làm sao đây!

Bà Huyện chỉ sụt sùi khóc, không trả lời.

Tịnh tiếp:

- Thôi bà với cô Ba đi với tôi. Qua sông rồi sẽ tính.

Điệp dắt mẹ theo Tịnh.

Người trẻ tuổi vẫn không ngớt phàn nàn ông Huyện, bà Huyện hy vọng hảo huyền, để cho lửa thiêu rụi cả sự nghiệp mà không tản cư đi một món nào.

Chàng cho biết rằng anh em phiến cứ chỉ của ông bà, song vì vị tình Quan nên để mặc ông bà làm theo ý muốn.

Đến mé sông, Tịnh dẫn bà Huyện và Điệp đến một đám lá dứa nước rậm rạp. Một chiếc ghe tam bản không mui đậu ở đó.

Chàng bảo mẹ con Điệp xuống ghe, rồi mở dây xô ghe ra.

Ghe ra khơi, Tịnh cho biết chàng và anh em được tin Thổ dậy và đêm nay kéo đến đốt làng nên đến đánh cho nó sợ.

Trăng sắp mọc.

Nhờ trời sáng dần, Điệp thấy rõ con sông Bassac rộng lớn mà ngại. Nàng lấy làm lạ sao một thanh niên con nhà giàu, học giỏi như Tịnh lại xông pha nguy hiểm như vậy.

Tịnh vẫn im lặng chèo.

Bỗng từ xa có tiếng hú dài văng vẳng.

Tịnh bỏ chèo, mò tay xuống khoan ghe lấy lên cây đèn chai đưa cho Điệp với cái hộp quẹt.

- Cô làm ơn đốt lên cho họ thấy rõ.

Chẳng biết họ là ai nhưng Điệp vẫn làm y theo lời chàng. Nhờ trời im nên Điệp đốt chai dễ dàng.

Nhờ ánh đèn chai, Điệp nhận rõ mặt Tịnh, một gương mặt cương quyết với dáng dấp trung trung nhưng khỏe mạnh trong bộ đồ vải ta đen, đưa hai chèo xuống nước một cách thông thạo.

Trăng đã sáng tỏ, những bóng tam bản khác hiện dần ra trên mặt sông độ hơn mười chiếc.

Hình như đếm xong, Tịnh bảo Điệp dập tắt đèn.

Mấy bóng ghe tiến đến.

Họ kêu tên nhau, chuyện vãng, cười đùa như trong một cuộc đi chơi. Tịnh cũng nói to lên góp chuyện với họ.

Ghe đã lên đều nhau, dàn thành một hàng tiến từ từ trên sông rộng.

Ánh trăng rơi xuống làm thành một vùng sáng dài, nhấp nhô trên mặt sóng lăn tăn.

Một người bảo:

- Hát lên anh em!
- Phải! Hát lên đi!
- Tịnh ra lệnh đi!
- Bài gì?
- “Thanh niên hành khúc”.

Tịnh hô to:

- Sẵn sàng! Một! Hai! Một!

“Này thanh niên ơi! Đứng lên đáp...”.

Cùng một loạt, những tiếng hát cất đều lên, hùng dũng vang trên sông lặng.

Đây là lần đầu tiên Điệp để ý nghe bài hát ấy, lần đầu tiên nàng thấy sự nghiêm trang, đứng đắn, hùng mạnh của bài hát tiếng Việt này. Và một cảm giác xa lạ xâm nhập vào lòng nàng. Có lẽ vì vừa thoát khỏi con hải hùng và tình cờ tìm được sự bảo bọc của một kẻ mà gia đình nàng ghét.

Vừa được biết Tịnh nhưng Điệp có cảm tưởng rằng đó là một người không đáng ghét, mà trái lại, phải cảm phục.

Sự cảm phục đối với Tịnh, Điệp thấy giống như đối với anh nàng.

Anh nàng cũng trạc như Tịnh, vẫn gương mặt ấy và có lẽ tánh tình ấy; Điệp nghĩ thế.

Sành âm nhạc, nàng để ý đến giọng hát của Tịnh, một giọng cao và trong sành sỏi, tỏ ra một người biết rành về hát. Chàng cân giọng thật đều và ngân như một bài hát Pháp do một tài tử danh tiếng trình bày!

Bài hát hùng hồn không kém các bài hát điệu hùng của ngoại quốc. Và giọng hát ấy, Điệp chưa nghe một tài tử về âm nhạc Việt Nam nào có được.

Nàng nghĩ thầm: “Chắc anh ta đã nghiên cứu kỹ càng giọng mình và dày công trau chuốt lắm mới được như vậy!”.

Những tiếng ngân sau cùng mỗi câu của Tịnh vượt hẳn các giọng khác, rõ mồn một làm cho bài hát càng tăng giá trị.

Điệu hát lặp đi lặp lại, vang lên giữa vùng trời rộng, cương quyết cao cả...

Trời mưa như trút. Gió thổi từng hồi, dữ dội.

Chiếc xích lô vừa ghé vào thêm một biệt thự thì Điệp bước xuống chạy nhanh vào hàng ba, mở bóp trả tiền xe.

Nàng toan đẩy cửa vào, chợt để ý đến tiếng đờn của vô tuyến điện và một giọng hát của người trong nhà hát theo. Đó là bản “Thanh niên hành khúc”.

Giọng hát tuy không lớn lắm, song rõ rệt. Điệp đoán chính Thi, người ở trọ một gian phòng trong nhà.

Nàng ngạc nhiên vô cùng “Có lý nào lại giống đến thế, hay anh ta chính là Tịnh?”, nàng tự hỏi.

Cái đêm năm xưa hiện lại trong trí nhớ Điệp.

Tịnh đưa bà Huyện và nàng sang đến bờ sông thuộc địa phận Sóc Trăng thì chàng ghé lại trước một trụ sở, bảo với bà Huyện:

- Tôi cần phải đi nơi khác ngay bây giờ. Tôi sẽ ghé nhà mấy người bạn ở đây gọi gắm bà và cô Ba để nhờ họ đưa bà xuống Đại Ngãi.

Và chàng đưa bà Huyện và Điệp lên trụ sở, gọi người gác quét ván, trải chiếu cho hai người ngủ đỡ.

Trước khi đi, Tịnh ân cần dặn mẹ con Điệp hãy yên tâm, rồi nhét vào túi Điệp một gói nhỏ, bảo rằng:

- Cô hãy giữ gói này, có khi phải cần đến!

Điệp chưa biết trả lời sao thì Tịnh đã bước ra, đi rất mau xuống mé sông.

Sáng ra, bà Huyện và Điệp được đưa xuống Đại Ngãi tìm cậu. Gói của Tịnh đưa là một trăm đồng bạc và một chiếc nhẫn vàng. Có lẽ chàng hiểu rõ tình cảnh mẹ con nàng ở bước túng cùng.

Tuy có tiếng là giàu có nhưng lúa thóc góp không được, tiền mất chỉ còn độ một ngàn, bà Huyện đem theo mình, mà cảnh bơ vơ này biết bao giờ mới xong. Số tặng của Tịnh tuy nhỏ nhưng lòng tốt của người đồng hương trẻ tuổi ấy cảm kích bà Huyện và Điệp vô cùng.

Bà Huyện thường bảo: “Nó nghĩ tình thằng Quan, bạn bè với nhau, nếu không thì số phận mình không biết ra sao!”.

Bà Huyện và Điệp đã theo cậu tản cư chỗ này sang chỗ nọ và sau chót về đến Trà Vinh thì nghe tin ông Huyện đã về làng, oai quyền vô cùng.

Nghe những hành động của chồng, bà Huyện bán một mớ nữ trang làm vốn rồi cùng Điệp lên Sài Gòn, trọ nơi nhà một người bà con ở biệt thự này, tìm kế buôn bán nuôi Điệp học lại.

Ông Huyện có lên rước về nhưng bà không màng sự phú quý của ông, nhất định ở lại. Bà đã mất mấy tháng rồi, sau một cơn đau dữ dội.

Trong lúc lang thang, Điệp đã được sống gần dân tộc mình nên không tán thành hành động của cha. Bởi thế mấy lần ông Huyện lên để nói cùng Điệp về chuyện gia thất nàng với con ông này, cháu ông nọ nhưng Điệp lấy cớ còn muốn học để thoát thác.

Thật ra nàng khinh miệt những hạng giá áo túi com, nở mũi vênh mày với những công danh hão.

Luôn luôn nàng nghĩ đến anh và không thể quên Tịnh, người có những cử chỉ đáng kính trong đời với mẹ con nàng và đối với quê hương.

“Nếu cần phải có chồng, ít ra người ấy phải như Tịnh”, nàng tự dặn mình như thế.

Cảm thấy đời sống của mình bơ vơ, vô nghĩa và được tin anh đang ở một nước láng giềng, Điệp dò thăm đường lối rồi tìm cách qua đó ở với anh.

Bản “Thanh niên hành khúc” đã hết và máy truyền thanh đưa ra bản khác. Điệp đã lắng tai nghe rõ và không ngờ vực gì nữa:

Nàng nhớ lại cử chỉ của người trẻ tuổi tự xưng là thợ máy ấy.

Đó một người bạn của chú Điệp, chủ nhà, giới thiệu, Thi đã đến đây mượn lại một gian phòng trong và ngày ngày đi làm ở một xưởng máy nọ từ mấy tháng nay.

Mặc dầu trong bộ đồ xanh lem luốc, gương mặt thông minh, nói năng nhã độ của Thi làm Điệp ngỡ rằng địa vị của chàng không phải như thế nếu chàng muốn nhiều hơn nữa. Nhất là những lúc chàng rảnh rang, nói chuyện học hành với mấy đứa học trò, con của người chủ họ, Điệp thấy chàng ta biết rất nhiều và rất rành rẽ. Nhiều khi các em nàng hỏi tại sao Thi không đi làm việc hằng này, sở nọ thì chàng bảo rằng sự chọn nghề là một tự do của chàng và chàng khuyên các em chớ có thành kiến về nghề nghiệp vì nghề nào cũng đáng trọng và ai thích gì thì làm nấy, đừng câu nệ. “Cứ gì làm ông thầy mới sang? Ở một xứ kỹ nghệ còn thấp kém thì một người thợ giỏi là rất cần!”, chàng thường bảo thế.

Không hay hỏi thăm về đời tư của người khác, Thi không biết gì về thân thế của Điệp.

Bất ngờ bắt gặp giọng hát của Thi, Điệp bối rối. Nàng đã nhận chắc chắn Thi chính là Tịnh. Nhưng sao giờ phút này Tịnh lại bình thản lo cho sự sống của riêng mình như thế. Nàng cảm thấy một sự thất vọng đến giận tức khi biết được tông tích của người thợ máy, kẻ đã gieo vào lòng nàng nhiều cảm tình và kính phục.

Tuy không có một quyết định gì và như người mất trí, Điệp mở mạnh cửa bước vào. Người nhà chưa ai về giờ này.

Điệp đi thẳng vào phòng Thi gõ cửa. Tiếng Thi trong phòng nói vọng ra: “Cứ vào”. Lần này Điệp mới để ý: đó chính là tiếng của Tịnh, mặc dầu nàng chỉ gặp Tịnh một lần trong đêm tối và nghe Tịnh nói có một vài lời.

Điệp xô cửa rộng ra rồi bước vào phòng. Chính lúc ấy, Thi đang ngồi viết ở bàn trong, mới xếp tập lại ngẩng lên. Thấy Điệp, chàng vẫn thản nhiên gật đầu chào và im lặng chờ Điệp nói.

Cử chỉ của Điệp cũng hơi khác thường vì từ khi Thi đến ở đây, trừ chú Điệp và mấy cô, mấy cậu nhỏ thì không ai vào phòng chàng cả.

Điệp đi thẳng đến bàn Thi và với giọng hơi run, nàng hỏi:

- Chính anh vừa hát khi nãy?

Thi đứng lên đưa tay tắt máy vô tuyến điện trên bàn, mắt vẫn nhìn Điệp, trả lời:

- Phải!

Và chàng mỉm cười:

- Tôi tưởng không ai nghe, ngờ đâu cô lại về sớm vậy?

Rồi chàng bước chậm chậm ra phía cửa, cố ý đưa Điệp ra khỏi phòng để nàng muốn nói gì thì nói vì hình như Thi không thích tiếp khách không thân lắm trong phòng riêng, nhất là khách lại là một thiếu nữ ở cùng một nhà.

Biết ý, Điệp cũng bước theo ngang với chàng, vừa nói tiếp:

- Anh hát hay lắm và hình như không phải là lần thứ nhất tôi được nghe!

Vừa đến cửa phòng, nghe câu ấy, Thi quay lại nhìn thiếu nữ, hơi ngạc nhiên.

- A! Cô đã nghe tôi hát ở đâu?

- Ở một vàm sông Bassac ban đêm.

Thi không trả lời, ngồi xuống một cái ghế bành ở phòng khách, trong khi Điệp cũng ngồi xuống ghế ngang đó, rồi nhìn thiếu nữ như cố nhớ xem là ai.

Điệp tiếp:

- Anh là Tịnh! Cậu Hai Tịnh!

Thi lắc đầu nhè nhẹ:

- Cô làm. Nhưng quê cô ở đâu?

- Tôi là em của kỹ sư Nguyễn Văn Quan, con ông huyện Cương.

Thi nhếch miệng cười.

- Đó là một lời giới thiệu cũng rõ ràng. Quan đang ở ngoại quốc, còn ông Huyện đã về dưới rồi, sao cô không về với ông Huyện?

Điệp hơi phật ý, cười gượng:

- Đó là việc riêng của tôi nhưng tôi có thể trả lời với anh rằng tôi sắp sang với anh tôi để “đáp lời sông núi” như anh và các bạn sinh viên của anh đã lặp lại nhiều lần trong hành khúc của các anh.

Thi vẫn im lặng, vẻ mặt không thay đổi, chậm chạp móc gói thuốc ra, lấy một điếu đốt để lên môi, hít mạnh hơi thuốc rồi ngước mắt lên trần nhà phun khói.

Điệp vẫn quen thấy sự lạnh lùng của người thanh niên, thông thả bảo thêm:

- Mẹ tôi và tôi đã mang ơn anh. Riêng tôi, tôi kính anh, người thứ nhất đã gián tiếp giác ngộ tôi bằng giọng hát, hành động.

Thi vẫn nín lặng, hít khói thuốc.

Điệp mở bóp lấy ra một xấp bạc và chiếc nhẫn để lên bàn:

- Trước khi đi, tôi hoàn lại những vật anh đã tặng cho mẹ tôi và tôi, và vô cùng cảm tạ anh.

Thi với tay cầm chiếc nhẫn Điệp vừa đặt trên bàn, nhìn một lúc rồi đặt lại chỗ cũ.

Điệp bảo:

- Xin anh hãy cất những vật này.

Chùng áy Thi mới chịu thốt lời sau một cái cười lạnh lùng:

- Tôi không có quyền nhận, vì lẽ giản dị tôi không phải là Tịnh.

Rồi không một liên lạc, chàng hỏi:

- Chùng nào cô đi?

- Hai hôm nữa.

Và nàng tiếp:

- Còn anh? Tôi tưởng một người như anh mà tôi đã biết trước kia, anh không có quyền ích kỷ. Những bạn của anh đang...

Rồi nàng nghiêm giọng.

Thi thản nhiên đưa tay đẩy bạc và nhẫn về phía Điệp:

- Cô hãy cất những vật này, để người ngoài thấy thì bất tiện. Cô cứ sang đây với Quan và trao lại những lời cầu chúc thành công của tôi.

Chàng ngừng một lúc rồi tiếp:

- Còn tôi, tôi chỉ là Thi, người thợ máy tầm thường với những ràng buộc riêng của tôi. Tôi yêu cầu cô nên tạm dứt câu chuyện này ở đây.

- Còn “lời sông núi”?

- Đó là việc riêng của Tịnh; nếu anh quên thì cử chỉ của cô đã nhắc cho anh ta phải nhớ.

Và chàng đứng lên. Trước khi vào phòng, chàng nhắc lại:

- Cô cất những vật kia đi để sau này đưa lại cho Tịnh.

“Chúc cô sẽ toại nguyện và có lẽ sẽ gặp lại ở một ngày khác trong sáng hơn buổi chiều mưa âm u này, nếu chúng ta còn sống đủ”.

Từ nhà bên, tiếng dương cầm có lẽ do đôi bàn tay của một bé gái tập đàn vọng sang chậm chậm, rụt rè từng chữ một:

“Này... thanh... niên... ơi!

Đứng... lên... đáp... lời... sông... núi...”.

*

TIẾNG ĐÀN TRONG NGỤC TỐI

Chúng đẩy Vinh vào khám rồi đóng sầm cửa lại.

Vinh vẫn tỉnh táo như thường.

Khám tối đen như mực, song Vinh cũng nhận thấy hình dáng người lồ nhố dưới chân.

Một tiếng thật nhỏ kêu chàng: “Vô xích đây, anh Vinh”.

Vinh lần vào góc có tiếng người vừa gọi chàng.

Những người ngồi dưới chân chàng đều nhích ra tránh chỗ cho Vinh đi.

Người ấy nắm chân Vinh, bảo nhỏ: “Ngồi xuống”.

Một tên Thổ ở ngoài nói vọng vào: “Đ.M... thằng nào mở trói cho nó, sáng cũng bị bắn như nó đã!”.

Trong khám đều im lặng. Một sự im lặng hãi hùng.

Với cái giọng thật nhỏ vừa đủ nghe, tiếng người lúc này bảo Vinh:

- Sao anh để họ bắt được?

- Họ vây chặt quá.

Vinh hỏi lại:

- Anh là ai?

- Thằng Ba thợ mộc xóm ngoài.

- À! Em Ba! Em bị bắt hồi nào?

- Hồi chiều hôm kia, lúc tối lên thăm nhà.

Rồi Ba tiếp:

- Máy người ở đây đều lạ cả và hình như không có ai quan trọng. Chỉ có tôi và anh. Chắc khuya nay mình...

Vinh nhận thấy Ba ghen giọng.

Chàng bảo:

- Em sợ chết à?

- Sợ hay không gì cũng chắc mềm rồi. Ngặt má tôi già quá và chỉ có một mình tôi...

Vinh an ủi:

- Bà Tư ở lại cũng còn có lối xóm. Em đừng lo. Còn chúng ta chết là một cái vinh dự.

Ba nói:

- Phần tôi thì tôi không tiếc gì hết. Có gan thì có chịu.

Vinh gật đầu trong bóng tối, lòng vui vui vì biết được ý kiến của một phần tử trẻ tuổi như Ba trước cái chết.

Ba chẳng nói gì nữa.

Những người kia lúc này ngồi dậy để lo ngại nghe ngóng khi Vinh bị tra khảo ở ngoài bây giờ đã nằm xuống, co rút, chen chúc nhau trên gạch, trên những mảnh đệm rách như mảnh đệm Vinh đang ngồi chung với Ba trong một gian phòng chật hẹp.

Đây là quê nhà Vinh mà chàng đã bỏ đi mấy tháng nay nên chàng hiểu rõ lắm. Nơi chàng đang ở là tư gia của một địa chủ. Cái khám này là buồng ngủ của ông, một lối “buồng gối” bít bùng cho nên rất nóng.

Vinh lại nhớ những chuyện xảy ra hồi chiều, lắc đầu lẩm bẫm:

- Không ngờ chiều nay...

Cha mẹ, mấy em chàng đã theo đoàn dân đi tản cư, giờ này ở nơi nào, Vinh không biết!

Vinh cố xua đuổi những ý nghĩ về gia đình vì chàng hiểu rằng dầu lo lắng, nghĩ ngợi, chàng cũng chẳng cứu vãn được gì.

Khuya nay, lúc gần sáng, người ta sẽ đưa chàng đến sân banh!

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo ngoài vách buồng nghe rõ mồn một. Thỉnh thoảng một vài tiếng súng canh bắn lên, vang dội.

Độ 10 giờ đêm, Vinh đoán thế.

Ở thôn quê, vào giờ này, trong lúc bình thường cũng thế, mọi người đều đóng cửa ngủ cả.

Vinh gọi lại một lần chót cảnh vật của quê nhà: những dãy phố, sân tennis mà lúc nọ đi học ở tỉnh về, Vinh thường đem cặp “patin” lên chạy, những tiệm nước khách trú mà Vinh cùng các bạn đồng trang hợp nhau chuyện gẫu mỗi sáng và cái sân banh mà trưa nay chàng sẽ được đưa đến.

Ồ! Nếu không xảy ra việc gì thì cuộc đời của chàng bình dị biết bao!

Nhà đủ ăn, Vinh đã theo học hết bằng Tú tài, đang học năm thứ nhứt trường thuốc và cái bằng bác sĩ như đã gắn chặt vào đời chàng cùng một tương lai đầy hoa đẹp. Nhưng Vinh không hối tiếc gì cả.

“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”, chàng đã tròn sứ mạng của một người dân lúc quốc phá gia vong.

Những luồng tư tưởng đang chạy không mạch lạc trong trí óc Vinh bỗng chàng ngừng lại rồi ngẩng đầu lên trong bóng tối: những tiếng đàn của một người nào đang thử dây violon.

Vinh hơi ngạc nhiên. Giữa lúc này lại có người đàn violon!?

Vinh chờ đợi.

Thử dây xong, bản đàn bắt đầu.

Vinh chau mày nghĩ ngợi: đó là một bản nhạc cải cách Việt Nam mà chàng thích nhất.

Ai lại đàn giờ này, mà đàn bản đó?

Chàng cố đoán, song không nghĩ ra.

Bỗng chàng giật mình. Một tia sáng lóe lên trong trí. Vinh đoán chắc người đàn:

- Cẩm Lìn, chắc chắn Cẩm Lìn. Lìn ở lầu khích bên đây.

Vì câu chót của bài đàn có một chỗ chàng sửa đổi lại và bản đó chính chàng đã dạy cô bạn khách lai nhỏ tuổi của chàng. Chàng đã nghe nhiều lần Cẩm Lìn đàn bản ấy.

Vinh hình dung lại cô gái, một cô bé mười tám tuổi, con một nhà tai mắt Hoa kiều ở đây, thường cùng chàng đi chung một chuyến xe đến Tua Chàm, ở đó tẻ lên Đà Lạt vào trường “Couvent des Oiseaux”, Vinh đi thẳng ra Hà Nội.

Mỗi kỳ bãi trường, cha mẹ Cẩm Lìn thường nhờ Vinh dạy thêm toán học cho cô.

Vinh thương cô gái nhỏ xinh xắn như em và cô cũng triu mến Vinh lắm. Vinh đã dạy Cẩm Lìn nhiều bản đờn và đây là bản mà Vinh thường nói với Cẩm Lìn rằng chàng thích nhất. Lìn chịu ảnh hưởng nhiều của Vinh, thích những cái chàng thích.

Sao đêm nay Lìn lại đàn bản ấy? Hay Lìn biết ta bị bắt về đây? Vinh tự hỏi.

Nhưng Vinh tin ngay rằng Lin đã hay chàng bị bắt và đang ở đây. Ở một chợ nhỏ, chuyện gì lại không bay đi như chớp nhoáng, huống chi là tin chàng, một người mà khắp làng đều biết từ khi còn nhỏ.

Có lẽ Lin đã biết Vinh đang ở đây và bản đàn ấy nàng có ý cho Vinh nghe lần chót để tiễn mình. Vinh nhất định tin như vậy.

Chàng mỉm cười tỏ ý cảm ơn cô bạn nhỏ thân yêu.

Hai tay bị trời thúc ké sau lưng, Vinh không nắm được. Chàng tựa mình vào vách khám, nhắm mắt lại lắng tai nghe.

Những dòng máu ri ri từ đầu xuống mặt và âm ấm nhưng Vinh không chú ý lắm.

Bản đàn đã dứt ba lần và lần thứ tư bắt đầu.

Vừa du dương, vừa hùng tráng, bản đàn tả lại cả một thời xưa cường thịnh của dân tộc Việt Nam anh dũng.

Vinh cảm thấy lòng mình sống dậy lần lần, máu trong huyết quản chạy mạnh thêm.

Cả một thời xưa rộn rịp hiện lên với sự thồn thức của Nguyễn Trãi khi nghe lời dặn nhủ của cha:

Thương cha, con phải lo cho nước,

Đừng để giang sơn chịu thiệt thòi.

Với những trận Bạch Đằng giang, ải Chi Lăng, tiếng quân reo dậy đất, chiêng trống khua vang trời; những nhịp ngựa gõ mạnh trên đường, những lời hịch oai hùng bay trên rừng quân sĩ gươm giáo tuốt trần đứng im trong chiều lặng...

Những hình ảnh hùng vĩ ấy hiện liên tiếp nhau như một khúc phim trên màn ảnh; rồi những đoàn người kéo nhau đi biểu diễn trong ngày vui mừng đã qua mới đây, những khẩu hiệu, những bàn tay, Vinh thấy rõ những mặt quen biết, hăng hái, hân hoan mà ngày nay đang tản mát khắp nơi.

Những đoàn người ấy đi đi rồi ngã quy xuống, chông chát lên ngổn ngang rồi biến dần, rồi mất hẳn trong một màu hồng rộng như sắc máu.

Từ chân trời, một vầng sáng nhô lên chói lọi, rạng rỡ.

Vinh nói mê: “Một chân trời mới cho thế hệ tương lai”.

Chàng đã thiệp đi hồi nào. Và trong khi ấy, tiếng đàn vẫn êm ả đưa ra một nhạc điệu vừa hùng tráng, vừa du dương như tiễn một người bạn thân yêu không bao giờ thấy lại...

MƯA

Trời còn tối đen. Cả nhà hãy còn ngủ kỹ. Phan nhìn đồng hồ tay: cây kim ngắn có chất dạ quang sáng xanh chỉ vào điểm thứ 5 và cây kim dài nằm ở điểm thứ 10. 5 giờ kém 10, Phan ngồi lên, rón rén bước xuống đất, cẩn thận mở cái hộp quẹt để trên cái bàn nhỏ trong phòng ngủ của chàng, quẹt lên châm vào ngọn đèn dầu lửa.

Chàng bung đèn đi nhẹ nhẹ lại cửa hông mở ra nhà sau rửa mặt, chải đầu.

Trọn đêm nay Phan thao thức mãi và vừa chớp mắt được một giờ đồng hồ, lại giật mình tỉnh dậy. Cũng như bao nhiêu đêm rồi, không lúc nào chàng lại không nghĩ đến kỳ thi sáng hôm nay.

Sáng hôm nay, Phan sẽ dự thi Tú tài phần thứ hai về toán Pháp. Chàng sẽ đỗ một cách dễ dàng, Phan tin chắc chắn như thế.

Chàng đã học ngày, học đêm suốt một năm nay và luôn luôn trong lớp Phan giữ địa vị của mình trong năm người giỏi nhất.

Tương lai của chàng, căn cứ vào sức học của mình đã rõ rệt. Sau khi đỗ Tú tài, Phan sẽ thi tham tá chánh phủ, để đợi kỳ thi huyện, chàng sẽ trở nên một ông phủ, một viên đầu phòng của một ông tổng trưởng và sẽ là tổng trưởng nữa, không biết chừng. Ừ, cứ đi bằng cái lối đó, chắc chắn hơn là đeo đuổi một cái bằng cao đẳng hao phí mất thì giờ. Ở cái xứ gần 80% số dân thiếu học này, cái bằng Tú tài hứa hẹn với ta nhiều lắm.

Nhưng những điều trên chưa phải là ý chánh của Phan. Công dụng thứ nhất của cái bằng ấy là Phan sẽ được phép cưới cô Joséphine Xuyến, một thiếu nữ học sinh kiêu lệ, đang theo học ban Tú tài ở một trường trung học Pháp, con một phú gia sang trọng ở Sài Gòn.

Gia đình Xuyến giàu có hơn bên Phan thập bội, lại đang có thanh thế, có thể làm một bậc thang cho chàng leo lên nấc công danh cao vợi. Nhưng dù sao trên chiếc Mercury của Xuyến và ngồi bên Xuyến để chạy qua các đường phố, trông những con mắt thèm thuồng của bao nhiêu người khác, Phan cũng thỏa rồi. Đó là cái mộng suốt năm nay của Phan, nó đã bắt chàng học ra rả như quốc kêu hè và ngày mà chàng có thể bắt đầu thực hiện cái mộng ấy đã đến. Chỉ còn vài giờ nữa, chàng sẽ thi và trong độ nửa tháng nữa, chàng sẽ là ông tú, một ông tú toán Pháp, bảnh chưa!

Phan thay đồ xong xuôi, kiểm tra lại giấy tờ thi và dụng cụ cần thiết. Đâu đó đều đủ cả.

Gần 6 giờ rồi! Phan mở cửa sổ bên hông phòng để nhìn ra sân đợi sáng.

Phan ngạc nhiên khi thấy mọi người lân cận cho đến mấy người ở xóm nhà lá phía trước đều đã mặc quần áo đi làm việc đứng lao nhao, lố nhố trước cửa nhà hình như chờ xem một việc gì. Kia, ông Ba già “công táp” mọi khi lúc chàng đi học mới thấy ông ra lu nước sau nhà đánh răng, hôm nay cũng chỉnh tề với cái nơ đen trên cổ.

Phan ra trước mở cửa ra sân xem có chuyện chi. Thấy chàng, thầy hai Nghi vừa tới cửa rào nhà chàng, chào:

- À, cậu Ba, cậu cũng thay đồ rồi đó à? Tôi lại tưởng cậu chưa hay, muốn qua kêu cậu đây.

Phan càng ngạc nhiên:

- Có chuyện gì đó thầy hai?

- BỐ! Ủa cậu chưa hay sao?

Phan choáng váng nhưng chàng gương trả lời:

- Có hay gì đâu. Bữa nay tôi có việc đi sớm nên chừng này thức dậy đây.

Thầy hai Nghi khôi hài:

- Việc gì cũng hoãn lại cả! Ít ra thì 9, 10 giờ mới bắt đầu tính toán làm ăn được.

Phan chán ngán. Chàng nhớ lại kỳ bố trước, đến 11 giờ chàng mới được về. Nếu bữa nay như thế nữa thì nguy lắm!

Nhưng chàng còn hy vọng chót và sẽ trình giấy tờ xin đi liền, sẽ khỏi phải lại bót.

Cảnh binh tới lũng từng nhà, gọi tất cả đàn ông ra ngoài lề đường. Phan đưa giấy tờ ra nói chuyện với một người biện nhưng người ấy nói mình chỉ có phận sự thi hành lệnh thôi, chớ không có quyền gì cho chàng đi cả và khuyên chàng nên làm theo những người khác ra ngồi sắp hàng ngoài lề đường cho có trật tự. Phan chỉ còn nước tuân theo.

Xe đến, Phan leo lên về bót định bụng sẽ xin ra trước. Về đến đó, chàng thấy vô số người đã đến trước chàng và tìm một chỗ đứng cũng đã khó nhọc lắm rồi.

Mỗi phút qua là một thế kỷ đối với Phan, chàng không ngớt nhìn đồng hồ.

Một người bảo:

- Hãy còn sớm, người ta chưa xét hỏi đâu.

8 giờ, cuộc xét hỏi bắt đầu sau khi bao bố nhìn mặt; công chức được ra trước, Phan chen sống chết vào nhóm công chức để đến cửa. 15 phút sau, chàng đã đưa được giấy học sinh ra trình nhưng người xem giấy trả lại với câu: “Anh không phải là công chức”.

Phan phân trần nhưng thi cử là việc riêng của chàng, ai cho điều đó là quan trọng như chàng tưởng.

Thế là Phan đành lòng chờ đợi. 9 giờ. Hy vọng của Phan đã tiêu tan. Người ta đã vào phòng thi nửa giờ rồi.

Chót hết, vào 10 giờ kém 5, Phan được ra.

Chàng nhảy lên xích lô bảo chạy đến trường, họa may còn phân giải được điều chi không nhưng ở đó, cửa trường đã đóng chặt và người ta nhất định không để chàng vào.

Phan lang thang trên lề đường Dupré. Tóc chàng hớt cao lên và chải sơ sài, khác hơn mọi khi với mái tóc bóng nhoáng chấm ót. Chàng chỉ mặc áo sơ mi vải, không ủi và chiếc quần ngắn xanh. Bóng dáng của chàng học trò diện “keng” nhất trường đã không còn ở Phan.

Đã hai tuần nay chàng đi luôn không trở về nhà, chỉ gửi về cho mẹ và chị một bức thư xin phép đi chơi trong ít lâu để ở nhà khỏi lo sợ thôi. Trong thời gian ấy, chàng nằm tại nhà một người bạn thân viết báo ở ngoại ô Chợ Lớn.

Trong một gian nhà lá nhỏ và bên cuộc sống giản dị của bạn, một ký giả danh tiếng, hiểu rộng, kiêu hãnh, Phan đủ yên tĩnh suy nghĩ những quan niệm về cuộc sống hiện tại.

Chàng không ngớt nghĩ đến Xuyến và đến sự tuyệt vọng của chàng về cái mộng sống bên người đẹp.

Nhưng đối với vấn đề này, bạn chàng đã phân tách cho chàng thấy rằng hạnh phúc của đôi vợ chồng không phải ở trên đồng tiền của, trong một cái nhà lầu hay chiếc xe Huê Kỳ nào cả.

Bên Xuyến đã chọn chàng làm rể chỉ vì chàng là con của một danh gia, tuy bị sa sút nhưng cái bằng Tú tài của chàng sẽ vớt vát lại được. Bởi

thế, người ta nhất định chàng phải đậu và nếu chàng không có được mảnh giấy ấy, tức nhiên là người ta không còn có gì tha thiết đối với chàng nữa.

Về phần Xuyến, Phan chỉ được gặp nàng hai lần, nàng chưa có một lời hay cử chỉ gì hứa hẹn với Phan một hạnh phúc gia đình sau này.

Nàng hiền hậu, khiêm tốn, chưa tỏ ý gì phản đối hay tán thành quyết định của cha mẹ. Nhưng với Phan, nàng chỉ đối đãi như người quen, không hơn, không kém, nghĩa là nàng rất lễ phép và cư xử đúng phép xã giao.

Có lần Phan hỏi ý kiến nàng về việc tạo lập gia đình sau này, Xuyến chỉ yêu cầu chàng nên kéo dài thời kỳ vị thành hôn để nàng được sống tự do trong cuộc đời một thiếu nữ ít lâu nữa. Nàng nói:

- Tôi chưa nghĩ gì về gia đình và cũng chưa muốn suy nghĩ bây giờ trong khi tôi còn phải bận với bài vở và với các bạn gái thân mến của tôi. Tôi cũng chưa có ý kiến gì về lời hứa của cha mẹ tôi với gia đình anh vì tôi định ninh rằng quyền định đoạt về hôn nhân vẫn còn ở tôi, chừng nào muốn nghĩ tới, tôi sẽ nghĩ. Hiện thời thì tôi hãy còn yêu cuộc đời nữ sinh của tôi lắm.

Suy xét lại, Phan không thấy mình yêu chân thật một phút nào người con gái đẹp và giàu có ấy.

Bởi thế, dầu biết rằng cuộc hôn nhân kia đã bất thành, Phan nhờ cách chỉ dẫn của bạn về phương pháp suy xét nên thấy rằng mình đau khổ là vô lý. Nhờ vậy chàng đã nguôi dần những sự buồn rầu về việc rui ro kia và bình tĩnh tìm một quan niệm mới cho cuộc đời mình.

Quan niệm ấy chưa đến với chàng. Vì quen với phương pháp làm việc rất toán pháp và quy củ, chàng chưa vội ra sức suy nghĩ về quan niệm ấy, trong khi chàng cần được nghỉ ngơi sau một năm học quá sức.

Hôm nay, lần thứ nhứt từ ngày ở nhà bạn đến giờ, Phan ra Sài Gòn để thấy lại những đường phố, những cảnh vật thân thuộc mà chàng đã quên bỏ.

Vừa tới góc đường Dupré-Catinat thì trời đổ mưa. Phan vội nép vào hiên.

Bỗng nhiên, từ phía nhà thuốc Tây, một thiếu nữ chạy băng qua đường Catinat, Phan nhận ra ngay là Xuyến và chiếc Mercury của nàng đậu trước mặt chàng ở đường Dupré. Nàng chạy lại xe, Phan nghĩ thế. Chàng muốn lánh mặt Xuyến nhưng không kịp, Xuyến đã tới và đã thấy chàng. Lạ chưa, Xuyến mừng bước mau đến bên Phan đưa tay và reo lên:

- Anh Phan!

Anh nhận tay nàng và ghé hôn vào má Xuyên lấy lệ. Nhưng cái mừng rỡ của Xuyên rất chân thật.

- Anh về hồi nào?

Và nhìn từ đầu chàng đến chân, giọng cảm động:

- Anh Phan, tôi không ngờ! Tôi đã khinh anh, định nói thật ý nghĩ cho anh hay nhưng hiện nay...

Tay nàng vẫn siết chặt tay Phan.

Tim Phan đập mạnh như muốn phá vỡ lồng ngực, mặc dầu chàng biết rằng Xuyên lắm! Chàng hiểu ngay Xuyên tưởng chàng đi đâu và từ đâu về đây. Lối ăn mặc khác hơn ngày trước của chàng có thể làm Xuyên lắm dễ dàng. Do đó, chàng hiểu Xuyên đã có những tư tưởng gì về con người và những ý nghĩ gì về cá nhân của chàng trước kia và hôm nay. Nhưng chàng không can đảm thú nhận sự thật. Chàng chỉ cố làm vẻ tự nhiên, lạnh nhạt cười nói với Xuyên:

- Nhưng tôi không có bằng Tú tài, cô Joséphine à!

Xuyên yên lặng một giây nhìn chàng:

- Anh đừng gọi tôi Joséphine, mà hãy gọi tôi là Xuyên, là Lưu Thị Xuyên cũng như tôi gọi anh là Nguyễn Quốc Phan.

Nàng đứng nép vào tường để tránh một giọt nước trên mái hiên chảy xuống, buông tay Phan ra để phủi bụi nước trên áo, tiếp:

- Trước kia tôi tưởng rằng anh muốn cưới tôi để tiện việc công danh của anh thôi. Nhưng bỗng không anh bỏ thi ra đi, làm cho tất cả ý nghĩ của tôi về anh đổ vỡ hoàn toàn. Và hôm nay, tôi thấy rằng tôi chưa hiểu gì về những ý nghĩ của anh đối với tôi cả.

Phan không bỏ mắt dịp, chậm rãi trả lời:

- Tôi vẫn yêu Xuyên.

Lời nói ấy buông ra, Phan không thấy hối hận chút nào, mặc dầu chàng cảm thấy tất cả sự quan trọng của nó và chàng phải lấy danh đảm bảo nó. Chàng biết rõ nó đã được Xuyên chờ đợi mấy hôm nay và sẵn sàng tin ngay. Xuyên im lặng, nhìn xuống đường ướt át, mưa bay tới tấp. Giây lâu Xuyên ngược lên nhìn Phan và nói:

- Tôi sắp đi, anh Phan.

Phan hoảng hốt hỏi:

- Đi đâu?

- Anh không hay gì à? Tôi bị dính líu vào cuộc vận động chính trị và bị đuổi học. Thật ra tôi oan nhưng tôi không trách ai cả.

Và nàng thuật cho Phan hay rằng một hôm vừa ra khỏi trường, nàng và nhiều bạn gái khác bị xét cặp. Trong cặp nàng và nhiều bạn khác có vài tờ truyền đơn mà nàng không biết ai đã lén bỏ vào từ lúc nào, có lẽ muốn cho nàng xem.

Nhờ cha nàng hay và can thiệp liền, nàng không bị lôi thôi gì lắm, song cha nàng quyết định cho nàng sang Pháp để dứt đi những sự liên lạc mà thật ra nàng không có.

- Sáng mai, tôi sẽ lên máy bay. Phan ở lại gắng học để trở nên người hữu dụng cho tương lai của Việt Nam. Người chung quanh ta còn dốt nát, còn lầm than, ta không nên chỉ lo phần riêng của ta nữa.

Bống Xuyên nhìn sang đường Catinat, bảo:

- Trời bớt mưa, ba má tôi trong nhà sắp qua. Anh hãy lánh mặt đi, hình như ba má tôi không thích thấy chúng ta đứng như vậy.

Phan, bống chốc trong nửa giờ qua, đã trải qua bao nhiêu sự xúc động.

Chàng hôn mau lên hai má Xuyên, siết tay nàng, run giọng:

- Thôi, Xuyên cứ bình tâm đi, gắng học. Phan sẽ không phụ lòng Xuyên. Ta sẽ gặp nhau!

Phan bước lên một chiếc xích lô, bảo chạy về đường Paul Blanchy trong khi Xuyên nhìn theo, trao đổi nhau một nụ cười buồn và một cái vẫy tay từ biệt chót.

Ngoài trời mưa đã ngớt hột, chỉ còn những sợi nhỏ như tơ giăng mờ khắp ngõ đường, trùm phủ những mộng tương lai mới mẻ và êm đềm của hai thiếu niên bắt đầu một mối tình chân thật.

*

NHỮNG KẺ NGHÈO

Dur đẩy cửa bước vào nhà, đặt đôi gióng quảy trên vai xuống đất lơ đãng nhìn về bộ ván đặt cạnh vách buồng, trên ấy một người trùm mền kín mít đang rên một cách mệt nhọc.

Dur rón rén đến bên bộ ván, vừa gỡ mền, vừa hỏi nhỏ:

- Má bớt không má?

Bà cụ, vì đó chính là một bà cụ già, mẹ Dur, nín rên mở mắt ra, nhăn nhó phều phào:

- Lúc thì nóng như lửa đốt, lúc thì lạnh, khó chịu quá.

Bà trở mình nằm nghiêng qua, day mặt ra ngoài, co quắp thít lại như lạnh lắm, hỏi con:

- Sao bữa nay con về sớm vậy?

Dur ngập ngừng:

- Dạ... bán hết sớm thì về sớm chớ sao.

Rồi nàng móc trong túi ra một gói nhỏ.

- Tôi mới nài cô Năm đặng 3 hườn ký ninh đây, để rót nước má uống nghe.

Và không đợi bà cụ trả lời, Dur ra sau rót một chén nước âm ấm cho mẹ uống.

Trông cho bà cụ uống xong và đắp mền lại kỹ lưỡng, Dur mới đem gióng gánh ra sau cát. Nàng soát lại khạp gạo còn đủ nấu vài nồi nữa và đồ ăn cũng còn. Dur ngồi trên bộ ván cạnh bếp, lưng tựa vào vách, vẻ buồn bã lắm.

Mỗi ngày, Dur thức sớm nấu hai nồi bánh canh để đi bán. Tiền lời bán được cộng với tiền của chồng Dur làm thợ nguội ở một xưởng người Việt cũng đủ chi dụng trong nhà, một gia đình gồm có một mẹ già của nàng, hai vợ chồng và một đứa em trai.

Vất vả lắm, song gia đình bao giờ cũng êm ấm nên Dur không thấy khổ.

Nhưng nay thì Dur lo ngại. Mới đây, lúc nàng đang bán ở chợ cũ, bỗng nhiên mấy người buôn gánh bán bưng phát nhau chạy. Nàng biết xảy

ra chuyện gì rồi nhưng còn bận thôi tiền chưa kịp chạy thì những cái đá thí mạng vào hai nồi bánh canh, làm cho bánh canh trắng, bánh canh ngọt tuôn ra đầy đất và chén, muống, việ, keo văng bễ loảng xoảng.

Nàng phải chạy tránh đi, để một lát sau trở lại lượm miếng bẻ đem đến đóng rác và quảy gióng gánh không về nhà.

Trong hai năm nay, Dư mua sắm đồ nghề đã bảy lần. Năm lần trước thì bị chở đi, mất luôn cả gióng gánh, hai lần sau này thì chỉ bị đá nồi thôi, gióng gánh vẫn còn, cũng đỡ tốn.

Hôm nay, Dư phải lo vì chồng nàng vừa qua trận lên mùa, tiền dành dụm đã sạch. Anh mới đi làm lại từ đầu tháng tới nay được năm ngày, kế mẹ lại đau. Chuyện xui xẻo nhè lúc túng bấn này mà tới nữa. Vốn liếng chỉ còn không tới trăm bạc, nay phải mua một cặp trả mới và chén, muống thì chắc hết sạch. Nhưng Dư còn hy vọng chút nữa anh về, mình sẽ bảo anh đi kiếm mượn đỡ năm, bảy chục, một trăm nữa, chớ không thì làm sao xây xài cho tới cuối tháng.

Có tiếng động ở trước, Dư đứng lên hỏi:

- Ai đó?

Thằng Tư, em nàng chạy vào:

- Ủa, chị Hai sao về sớm vậy?

Dư tát nhẹ vào má nó, có ý bảo đừng la lớn, rồi kéo em lại bộ ván, ngồi xuống. Thằng nhỏ như cảm biết có việc gì bất thường, để tập vở mà nó vừa đi học về lên ván, nhìn chị, chờ Dư kể lại cho nghe chuyện rui ro. Thằng Tư buồn thiu buồn thiu phàn nàn:

- Buôn bán làm ăn chớ có phải ăn cướp, ăn trộm gì sao mà...

Dư vội bịt miệng em:

- Mà nói bậy có ngày mang họa!

Thằng nhỏ không bằng lòng, gỡ tay chị, hần học:

- Họa gì chị, phải thôi chớ!

Dư nghiêm nghị:

- Biết sao là phải, sao là trái? Mình nghèo, người ta muốn buộc cách nào cũng phải chịu!

Thằng Tư tức lắm, còn muốn nói nữa nhưng Dư bảo:

- Thôi, em đi cắt tập rồi lấy nồi vo gạo, chị nhúm lửa nấu cơm, trưa rồi.

Tư lên buồng cắt tập rồi trở xuống, vừa lấy nồi xúc gạo vừa nói với chị:

- À! Chiều nay đóng tiền học đa chị Hai. Ông đốc mới đòi.

Dư lặng thinh, nàng sực nhớ đến hai mươi ngoài đồng bạc tiền học của em chưa đóng. Dầu sao nàng cũng phải ráng lo cho em học. Tuy nghèo nhưng trước kia, khi chưa có chồng và cha nàng hãy còn, Dư đã được đi trường và có được cái bằng tiểu học. Dư biết rằng việc học là cần. Em nàng còn nhỏ, nàng có bốn phận lo cho tương lai của nó, không thể để cho nó dốt. Hơn nữa, nó đáng cho nàng lo lắng vì nó rất thông minh, lại lớn lên nhằm lúc cha nàng đã mất, gia đình kém sút hơn xưa vì mấy năm chạy bom, tản cư.

Năm ngoái, Dư đưa em vào trường nhà nước học cho đỡ tốn, song trường từ chối vì học trò quá đông, thành thử nàng phải cố chạy thêm tiền học cho em mỗi tháng để nó có thể theo học ở một trường tư thục. Hiểu biết về việc đời chút đỉnh, Dư lấy làm buồn mà thấy vô số trẻ nhỏ nghèo dốt nát vì thiếu trường học, trong khi bao nhiêu kẻ giàu có ở những cái biệt thự rộng rinh... Ý nghĩ về những kẻ giàu có dư ăn, dư ở bắt Dư liên tưởng bọn nghèo của mình ở chui rúc trong những túp chòi, bên những đồng rác, bùn lầy thiếu vệ sinh. Những sự bất công hiện ra trong đầu Dư. Muôn nỗi khổ sở, tai họa mà dân cần lao phải chịu trên đất nước của họ. Ngoài hạng lao động, Dư nhớ tới bọn ăn mày đầu đường xó chợ và những đứa trẻ vô thừa nhận lê la khắp các ngõ thành phố.

Trong một thời gian ngắn ngủi đã qua và không biết bao giờ trở lại, bọn ấy được chăm lo rất châu đáo. Nhưng vì chiến cuộc xảy tới, bọn họ lại bị trả cho đường sá, sống vợ vất dưới chân những kẻ giàu sang tiền dư phung phí.

Dư còn liên miên suy nghĩ, bỗng có tiếng gọi đằng trước:

- Chị Hai ơi! Chị Hai. Chị có nhà không chị Hai?

Dư vội chạy ra, thấy anh Tám Bá cùng làm chung một xưởng với chồng Dư dựng xe máy vào cột nhà trước thềm đứng chờ nàng.

Dư hỏi:

- Gì đó anh Tám?

Anh Tám Bá không trả lời vội, đợi Dư ra tới gần mới nói nhỏ:

- Anh Hai bị bắt rồi!

Dư kinh ngạc hỏi dồn:

- Sao? Nhà tôi bị bắt rồi à? Sao vậy?

Anh Tám Bá thuật lại:

- Từ mấy hôm nay, anh em trong xưởng có bàn nhau xin chủ trả tiền công thêm vì giá sinh hoạt càng ngày càng mắc mớ. Cho nên sáng nay, anh em đồng lòng cử anh Hai Bình (chồng Dư) đại diện cho tất cả thợ thuyền trong xưởng và hai người nữa vào yêu cầu chủ tăng lương, nếu chủ từ chối thì cho chủ hay sẽ nghỉ việc tất cả.

Ông chủ xưởng tiếp đoàn đại biểu, quả quyết không tăng một xu lương, thách thợ cứ nghỉ và còn mắng thậm tệ. Bất bình, Bình cự lại. Rốt cuộc, ông tỏ vẻ đầu dụi, khuyên anh em cứ đi làm đi, rồi chiều lại ông sẽ trả lời.

Sau khi đó, ông ra xe hơi đi mất.

Tám Bá kết luận:

- Có lẽ ông ta thừa với nhà chức trách rằng thợ âm mưu phá hoại xưởng ông và anh Hai là người cầm đầu. Chớ xin tăng lương thì có tội gì đâu mà bắt bớ người ta.

Dư điếng cả người, mặt tái mét vịn tay vào cột nhà, răng rít lên. Tám Bá tưởng nàng sợ hãi nên an ủi:

- Chắc không hề gì đâu, chị ạ. Người ta xét ra mình không có làm điều gì trái phép thì cũng thả ra chớ gì.

Nhưng Dư cười nhạt:

- Hừ! Bọn nghèo chúng ta không tự vệ, không một nghiệp đoàn để binh vực quyền lợi thì người ta muốn làm gì lại không được.

Tám Bá ngơ ngác, anh không hiểu hết lời nói của Dư, chòng chọc nhìn nàng.

Những ngày mai đói khó hiện đến với Dư, nàng nhìn vào khoảng trống không lắm bả một mình:

- Công lý... cơm áo... nhân đạo...

*

CÁI ỒNG KHÓI

Từ hai tuần lễ nay, các giới trí thức ở thành phố C... không ngớt ngạc nhiên, thì thầm bàn tán...

Mỗi khi cánh cửa rào của một biệt thự nào đã khép kín và cài chặt sau khi đôi ba bạn thân đã vào đến phòng khách thì người ta lại dụi đầu vào nhau trước một chiếc bàn con, trước mấy ly rượu và bộ bài nhưng không phải để đánh bài mà để đọc một tờ báo.

Nói là tờ báo thì quá. Thật ra nó chỉ là một tờ giấy học trò, khuôn khổ lớn, gạch hàng vuông trên ấy chi chít những hàng chữ nhỏ rít, viết bằng ngòi lá tre mới.

Tờ giấy bốn trang ấy cũng chia ra làm bảy cột, mỗi trang có bài thời bình, thi ca, truyện ngắn và mục khoa học. Thì ra nó là một tờ báo bí mật dưới cái tên hùng tráng: “Chống phát xít”.

Các giới trí thức trong thành phố đều có đọc qua tờ báo ấy. Người ta trông ngóng nó, hỏi thăm nó, chẳng phải để đọc thi ca hay truyện ngắn, truyện dài của nó, mà để đọc mục thời bình và mục khoa học của nó thôi...

Người ta không biết tờ báo nhỏ nhắn, công phu ấy xuất xứ từ đâu, chỉ nghe phong thanh là do một nhóm học sinh trẻ tuổi của một trường trung đẳng chủ trương.

Nhưng các nhà trí thức có một sức học chắc chắn không tin thế vì cái mục thời bình của báo “Chống phát xít” phải do một tay chính trị cừ khôi, hiểu rõ thời cuộc thế giới và mục khoa học phải do một nhà bác học thâm hiểu những công cuộc phát minh chót hết ở Âu Mỹ vừa rồi mới viết nổi. Nhìn khắp thành phố, người ta không thấy một bóng dáng nào của hai cây bút ấy ở đâu cả.

Ở một tỉnh không rộng lắm, người ta biết lẫn nhau như anh em trong nhà. Bởi thế, tờ báo bí mật càng thêm bí mật.

Nhưng nhờ đó, những người thiện cận phải thối lui trước ý muốn cộng tác với Nhựt để mong chiếm một địa vị. Nhà bình luận của báo ấy vạch rõ như ban ngày cái dã tâm của phát xít Nhựt dưới cái mặt nạ “vùng thịnh vượng chung Đại Đông Á”.

Lần lượt mỗi tuần, nhà khoa học của “Chống phát xít” so sánh thực lực của hai đối phương: Nhựt và Đồng minh.

Người ta được nghe thấy những danh từ lạ tai về khoa học; trọng thủy (eau lourde), protium, dentérium và những chất để làm một thứ bom ghê gớm, bom nguyên tử.

Nhà khoa học nhất quyết rằng: vài quả bom nguyên tử đầu tiên sẽ thành công và không bao lâu nước Nhật sẽ là mảnh đất để chịu sự thí nghiệm của thứ khí giới khốc hại ấy.

Với những thí dụ thật dễ hiểu, nhà khoa học ấy giải nghĩa thế nào là nguyên tử, lối nổ của quả bom kia và những tai hại mà nó gây ra cho người, vật, cây, cỏ.

Và cái tờ báo bí mật ấy càng thêm bí mật, tuy nó vẫn được chuyền tay nhau rất đều và chiếm được sự mong mỏi, thán phục của mọi người.

Bữa ăn vừa xong, Phương về ngay phòng mình. Nàng chỉ trông có phút này trọn ngày nay.

Cửa phòng đã khép kín, Phương đến bàn giấy của mình, lấy một mảnh giấy nhỏ viết mau mấy hàng!

“Quả bom nguyên tử của anh đã rơi rồi, xuống thành Hiroshima ở Nhật. Không phải chỉ một mà hai. Hình như từ mấy tuần rồi, song tin đến trễ. Độc giả đang chờ bài thời bình của anh. Khởi viết về khoa học vì kết quả đã chấm dứt tất cả điều bày giải của anh rồi!...”

Nàng hồi hộp gấp tờ giấy nhỏ ấy làm tám, gấp thêm ba tờ như thế nữa, cuộn tất cả chung quanh một cái bút chì ngắn, cột vào một sợi dây gai dài... Phương làm công việc ấy một cách lẹ làng như đã quen thuộc lắm rồi. Nàng đến một góc tường. Đứng yên một giây nghe ngóng, rồi đưa tay nhẹ nhàng gỡ một cái khoen sắt ở một cái ống thiếc.

Bỗng khoen bật ra, để thấy môi nôi của cái ống.

Phương đẩy nhẹ phần trên ống ấy sang một bên, rồi bỏ cuộn giấy vào ống, thả dây.

Nàng biết rõ cái ống ấy lắm, vì đây là nhà nàng. Cha nàng là một viên quan hồi hưu, ở tại biệt thự rộng lớn trong thành phố.

Cách đây mấy tháng, Nhật đến bảo gia quyền nàng dọn tất cả đồ đạc ở tầng dưới lên lầu để cho họ mượn trọn phía dưới.

Bọn Nhật chỉ có hai võ quan và độ 10 người lính. Họ cũng không phá phách gì lắm nên gia quyền nàng cũng không đến nỗi khó chịu.

Một hôm, Phương nhận thấy bọn Nhựt về, vào lúc sắp tối, với một người trẻ tuổi Việt Nam. Ban đầu nàng tưởng đó là viên thông ngôn. Nhưng hôm sau, rồi hôm sau nữa, nàng vẫn không thấy người ấy ra vào, tuy nàng có ý tìm tòi. Và từ ngày ấy, bọn Nhựt cấm người nhà nàng không được đến gần một phía hè ở dưới. Máy em nàng bập bẹ tiếng Nhựt các có hỏi một người lính tại sao, thì anh ta bảo có một tên tù bị giam trong gian phòng ở dưới phía ấy.

Nàng lấy làm lạ lắm.

Dáng điệu của người ấy, như nàng thấy chiều nọ, cũng có vẻ phong nhã, sao lại bị cầm tù, và tù gì? Tội gì?

Tính hiếu kỳ của một nữ sinh liền thoảng thúc đẩy nàng. Phương tìm cách để biết. Nhưng vô ích.

Một sáng nọ, trong khi ngồi không trong phòng suy nghĩ đến người tù nọ. Phương chợt nhìn thấy cái ống khói trong góc phòng mình. Nàng biết rõ ràng ống ấy thông xuống một phòng phía dưới mà nhà nàng dùng làm bếp nấu ăn. Đó cũng là nơi giam người thanh niên nọ.

Phương cạy mở vòng khoen sắt bao chỗ ráp nối ống thiếc và chờ khi tất cả bọn Nhựt ra sân tập luyện, nàng viết một mảnh giấy hỏi thăm, dùng lối trên thả xuống.

Sự tưởng tượng của nàng rất đúng. Người ấy nhận được và trả lời.

Nàng biết chàng ta là một viên tẩn sĩ vật lý học, ở Pháp về bằng chuyến tàu chót trước khi chiến cuộc nổ bùng. Chàng bị Nhựt tình nghi là do thám cho Đồng minh vì những tư tưởng chống phát xít của chàng nên bị bắt từ Sài Gòn đưa về đây.

Với lối trao đổi thư từ ấy, Phương nói chuyện thời cuộc mà nàng đọc thấy ở báo chí với chàng để được chàng tả lại những phong trào bài phát xít gần đây ở các nước dân chủ.

Vốn có liên lạc với một nhóm bạn trẻ có tâm huyết và yêu dân chủ, Phương nhận đứng ra chủ trương một tờ báo bí mật để cảnh tỉnh đồng bào trước mãnh khỏe của Nhựt.

Nàng nhờ nhà bác học viết giúp. Không ngờ ảnh hưởng của những bài báo của chàng lại lan rộng một cách nhanh chóng trong các giới trí thức ở tỉnh nhà và ở các tổ chức của nhóm nàng.

Y theo lời chàng, Phương giữ bí mật tên tuổi của chàng và cũng là một lối giữ thân mình. Vì một khi việc liên lạc ấy bị vỡ lở, tức nhiên là nàng không khỏi bị hại.

Phương đoán là chàng ta đã gỡ xong cuộn giấy, rút dây lên ngòi chờ như thường lệ.

Nửa giờ sau, nàng lại thông dây xuống, chờ một lúc rồi kéo lên. Khép kín chỗ bí mật ấy, Phương mừng rỡ, hồi hộp, hấp tấp mở cuộn giấy ra.

Lần này bài chàng ngắn hơn mọi khi, song là một cú sét với cái tựa:

Chắc chắn Nhựt sẽ đầu hàng, Đồng minh đã thắng trận, Việt Nam sẽ độc lập.

Ngày ấy đã tới!

Phương đi đầu đoàn biểu tình, rần rộ tiến về phía nhà mình.

Đã đến trước cửa. Cái mộng của nàng đã thực hiện. Tim nàng đập liên hồi như sắp vỡ lồng ngực. Nàng hô to khẩu hiệu: Giải thoát nhà bác học “Chống phát xít”!

Như tiếng vang, cả đoàn người lập lại dậy cả một góc thành phố. Đoàn người ồ vào, vệt những tên lính Nhựt đang ngơ ngác sang một bên mà vào nhà.

Chiếc chìa khóa trong tay Phương thọc vào ổ khóa, cánh cửa bật ra. Như một cơn gió, Phương tuôn vào phòng nhảy vào hai tay người trẻ tuổi, râu tóc xồm xoàm đang mở rộng. Yên lặng!

Sự yên lặng của mỗi người chỉ giữ được một giây trước cảnh cảm động ấy, rồi tiếng hô vang dậy:

- Việt Nam độc lập muôn năm!...

*

NỖI OAN CHỊ VÚ

Càng ngắm nghĩ, cô Mạc-gờ-rít Thu Thủy càng thấy một nỗi vui thắm thía tràn ngập cả lòng.

Mới ngày nào đây, cô chỉ là con Tám Tọ, vợ cậu Năm Đĩa ở Trèm Trèm. Thế mà ngày nay, nhờ thời cuộc, cậu Năm nhảy ra lập đảng “Tam xà” và trở thành một chánh khách có thể lực nhứt, cô cũng nghiễm nhiên trở thành bà chánh khách và nhứt quyết bỏ cái tên Tám Tọ tục tĩu của cha mẹ không biết điều đặt cho để lấy cái tên rất Tây và rất mùi: Mạc-gờ-rít Thu Thủy!

Cô Ký Banh, bà huyện Phọt cho đến bà hội đồng Dinh đều gọi cô là bà lớn. Mỗi khi cô sai thắng xe ra trụ sở rước ông là cô lanh lảnh: “Tới giờ rồi nghe, mày không lo đi rước quan lớn đi!”.

Và với bất kỳ ai đến hỏi thăm, cô cũng bảo:

- Ông ngồi chờ quan lớn tôi một lát.

Hay:

- Quan lớn tôi vừa đi ra trụ sở.

Mỗi lần được nói như vậy là cô Mạc-gờ-rít khoái cả mười lăm phút.

Phố lâu nè, xe hơi nè, bura nè, sữa nè, máy lạnh nè, ra-dô nè nhưng cô Mạc-gờ-rít vẫn chưa thấy thỏa.

Quan lớn bánh thiệt nhưng cái mặt quan lớn sao mà đẹp đẹp, tương tá quan lớn sao mà tiểu hơn lạ, nghĩa là lùn xịt, còn nước da quan lớn, trời ơi! Thật chỉ hơn cầu tướng Corea⁽¹⁾ [(1) Cầu thủ da đen nổi tiếng trong hội tuyển Nam Kỳ tiền chiến.] một chút thôi.

Bởi thế, cô Mạc-gờ-rít tuy sang nhưng chưa vừa bụng.

Cô ước ao nếu quan lớn có được cái mũi nhọn, con mắt đục đục, hàm râu chồi xể thì mới là trai tài, gái sắc, phi nguyên sánh phụng đẹp duyên cõi rông! Và mới không hổ công bura sữa bấy lâu tầm bở.

Nghĩ đến chị đến em, cô thấy tung túc.

Con Sáu Mạc-ta, bạn học với cô hồi lớp bét, mặt như ông Tiêu⁽²⁾ [(2) Trong chùa thường có ông Tiêu và ông Hộ.], mà hiện nay cũng là bà xếp, sai bồi sai bếp toàn bằng tiếng Tây. Chị Tư Phăng-xoa, môm tới mang tai mà cũng đã thành bà quan tư, oai nhu hạch.

Nếu quan lớn được như...

Nghĩ đến đây, cô Mạc-gờ-rít đỏ mặt lên... chỉ được như ông xếp máy ở lâu kế bên thì cô sung sướng biết bao nhiêu, mà ra đường mới khỏi hổ chị hổ em. Tiếng Tây cô cũng khá khiên, tuy không bằng cô Ba gốc Diệp chớ cũng hơn bà Chánh Jô-sa-linh. Ủ! Bà Chánh thật không giỏi hơn chi bồi, cứ một câu là bà “dà-na” với “mỗi-yến” độ năm, sáu bận.

Hôm nay, quan lớn đi Hà Nội, ít ra cũng ba bữa mới về. Cô Mạc-gờ-rít thơ thẩn ra hiên để nhìn xuống đường xem người giải muộn.

Cô liếc sang bên kia thì chàng cũng đã đứng đó tự bao giờ.

Thấy người quốc sắc, ông xếp máy cười tình, “rua” ma-đam rồi lựa lời tán tỉnh. Bà lớn vốn văn minh, cũng chẳng từ chối câu chuyện lại qua.

Chuyện trời nắng trời mưa, sang qua thế giới. Nào xe Huê Kỳ đẹp, xe Ăng-lê êm, đồng hồ Xuýt bèn, còn ra-dô Đức thì thôi tuyệt tốt. Đến chánh trị trong xứ, nào quan lớn T. vừa được lãnh phụ cấp 30.000 mỗi tháng, quan lớn X. mới được mời sang Paris. Ông cũng không quên khen quan lớn nhà là một chánh khách tài, xứng đáng quốc gia lương đồng. Cà rà một lúc, ông xếp khen chiếc nhẫn xoàn bà rất đẹp, rồi với nắm tay bà xem kỹ, trầm trồ.

Đường đã vắng người. Ông xếp nhảy sang để bàn nốt các vấn đề văn hóa và xã hội. Và khi ông xếp làm hõn, chạm râu vào mũi bà lớn, bà chỉ gượng lại một tí gọi là, “xà-lù” lấy le rồi nhắm mắt hưởng món quà ngoại quốc. Đêm đã khuây, ông xếp đưa bà vào phòng rồi chính mình trở ra đóng cửa cho chắc chắn.

Nhưng khi ông xếp giở trò trên bệ trong dậu thì bà lớn chống trả rất dữ dội. Ông xếp bị bà xô té vào thành giường cái rầm. Và để phụ họa theo, gần đó bỗng có tiếng trẻ con ré lên phản đối.

Nàng trách yêu: “Ồ! Xê-ri, toa rê-vây-dê đê-dà Ăn-trê!” (tạm dịch: Ô! Người yêu hỡi, chàng vừa đánh thức thằng André!)

Ăn-trê, thằng bé mũm mĩm của bà lớn ngủ ở phòng bên, chỉ cách có một cái cửa hông.

- Măng-phú! Chàng nói. Dơ te-mơ, tu e dà moa, Mạc-gờ-rít (tạm dịch: Mặc kệ! Tôi yêu nàng, nàng là của tôi!)

Nhưng nàng không bằng lòng vì Ăn-trê khóc ó lên như thế mãi thì chị vú ở sau sẽ chạy ra. Chỉ mà thấy được cái cảnh này thì chắc chết!

Vốn biết thằng bé hay đòi mẹ, mỗi khi nó khóc như thế, nàng bỗng nó về giường mình là nó lại im ngay.

Ăn-trê càng la khỏe. Nó hét quá to, đặc chùng dưới đường người ta cũng nghe lòng lộng. Ông xếp đành buông Mạc-gờ-rít ra để nàng chạy đi bỗng nó. Rồi ông ra ngoài ghé ngò, móc thuốc ra phì phà cho đỡ sốt ruột.

Năm phút sau, Ăn-trê ngủ lại, nàng thì thăm bằng tiếng Pháp:

- Để moa đem nó qua bên kia.

Khi nàng vừa trở lại thì chàng bỗng nổi nàng lên đặt xuống giường, phều phào:

- Ô! Mạc-gờ-rít! Dơ te-mơ...!

Và nàng cũng nói qua hơi thở gấp:

- Fẹt-đi-năng... Fẹt-đi-năng...! Mông na-mua!... Ô...!...

Nhưng Ăn-trê lại ré lên!

Ông xếp tức tối chửi thề:

- Mông đi-dơ! In nơ va pa xơ te, xơ moọc-vơ là! (tạm dịch: Thằng ôn dịch! Nó không chịu nín hay sao?)

Thằng ôn dịch đã không chịu nín lại còn khóc ré lên nữa!

Năm lần như thế! Vừa đặt nó xuống nôi đúng hai phút là nó ré lên! Và thằng cha “Pánh pò dò chéo quảy” cũng đã la om dưới đường.

Ông xếp đành nuốt hận leo về.

Đêm sau, khi cuộc hội đàm về văn chương, chính trị, khoa học, thể giới vừa xong thì ông xếp quyết lòng thi hành bản hiệp định cũ.

Nhưng vừa bắt tay vào việc đòi hỏi chủ quyền nội bộ thì thằng Ăn-trê lại thọc gậy vào bánh xe.

Lần này thì xếp không còn kiên nhẫn nữa, nằm ì trên giường.

Mạc-gờ-rít đặt nó chính giữa ru: “Xòà-xòà, oi-dô ca-na sảng-tê xòà!” (nguyên tác: Soir, soir, oiseau - canard chanter soir. Người Việt ta dịch: Chiều chiều chim vịt kêu chiều...).

Ông xếp nghiêng rằng không thềm nghe hát, sờ soạn trong tối, nắm một tí thịt của thằng bé véo mạnh như khi ông cho kẹp ê-tô trong xưởng máy, rồi một cái véo tiếp kế bên, từ hông cho đến đùi, từ lưng cho đến mông một cách có lương tâm và đúng phương pháp.

Thằng bé giẫy lên như phỏng lửa, khóc điếng...

Mạc-gờ-rít quỳnh lên, nằng ôm con vuốt ve, hun hít, nó vẫn khóc ngất.

Sau cùng ông xếp dịu dàng bảo người đẹp: (tạm dịch)

- Em thử đem nó về nôi xem!

Nàng nghe lời, vừa “xòa xòa, oi-dô ca-na...” vừa bồng con đi.

Ra khỏi giường mẹ, thằng Ăn-trê bớt khóc và khi nàng đặt nó xuống nôi thì nó im ngay.

“Pánh pò dò chéo quảy...”.

Đêm sau, ông xếp lại trở qua nữa. Khi có tiếng động mạnh thì Ăn-trê cũng ré khóc như cũ. Nhưng ông véo rất kỹ, rất mạnh, rất lâu, làm thằng bé ẽnh ngược ẽnh xuôi, bọt mồm bọt miệng đổ ra.

Đêm sau nữa và đêm sau nữa, Ăn-trê nhứt định không khóc, dầu còi hụ bên tai nó cũng thế.

Chiều thứ tư thì quan lớn về.

Vì đi đường mệt mỏi, ông ngủ rất sớm. Đến khuya, ông mới giật mình thức dậy.

Sau khi làm xong bốn phận của một người chồng tốt, ông ngạc nhiên:

- Ủa! Thằng Ăn-trê sao đêm nay ngủ mê dữ vậy. Đâu mình bồng nó qua đây coi, tôi nhớ nó quá!

Mạc-gờ-rít bồng nó sang vừa đặt xuống nệm thì nó giãy giụa, khóc ngất lên, quan lớn đỡ thế nào cũng không nín, làm ngài phát khùng:

- Thôi! Đi đâu thì đi!

Sáng lại, vừa ra khỏi phòng thì quan lớn thấy thằng Ăn-trê dưới đất, trườn theo con lật đật. Thấy ông, Ăn-trê ngoảnh miệng cười, đưa tay ngoắc lia.

Cảm động, quan lớn chạy đến ôm sản phẩm của mình hun hít túi bụi, rồi mang vào giường để khoe với vợ sự dễ thương của con.

Đang cười giòn mà vừa bị đặt xuống giường, thằng bé giãy giụa khóc điếng như sắp bị cắt cổ.

Quan ngạc nhiên, cuống quít:

- Sao vậy con! Bộ nó bệnh hay sao?

Rồi tự nhiên ông giở áo nó lên!

Ông chỉ kịp “ồ” một tiếng, mắt trợn giọc, miệng há hốc!

Lung, nách, hông, vế, nơi nào cũng có vết xanh lón bằng đồng hai
cắc!

- Mạc-gờ-rít! Coi kia!

Nàng ngồi nhòm dậy, tái mặt nhìn con.

Chính giữa mỗi vết, nàng xem kỹ, hình như có một lần màu tím ứ
đọng!

Ông bà nhìn nhau, quan lớn thở dài:

- Phải mang nó đi đóc-tờ ngay! Những dấu gì như là của người cùi
vậy!

Rồi ông rơm rớm nước mắt.

Mạc-gờ-rít xanh như người sắp chết. Nàng nhìn kỹ những vết chàm
trên mình con, lốm đốm như một con cắc kè bông. Bỗng nàng rú lên:

- Đồ khốn nạn!...

Quan lớn kinh ngạc nhìn vợ:

- Hả! Ai? Mình nói ai?

Nàng đỏ mặt tận mang tai, thở hào hển, lảm bảm:

- Tôi... Tôi biết... rồi! Đừng đem đi đóc-tờ... chắc... con khốn nạn,
con vú! Nó véo cho thằng nhỏ nín đây chứ gì!

Quan nhìn kỹ, “A” một tiếng, rồi lôi đình thịnh nộ nổi lên, ngài chạy
ra ngoài xách đầu chị vú, vừa đá, vừa đập, vừa thoi bắt kẻ sống chết. Ngài
định lấy súng bắn nhưng nhờ Mạc-gờ-rít can mãi mới thôi.

Chị vú chôi dài, lạy như chạy đập, kêu oan nhưng bị tổng ngay khỏi
cửa.

Quan chưa hết giận, thảo ngay lời rao đăng báo với cả tên họ và ảnh
của chị vú để mọi người đều biết tách xấu của chị mà tránh xa.

*

CON ĐƯỜNG VONG QUỐC

“Tín dĩ truyền tín, nghi dĩ truyền nghi” đó là một nguyên tác chép sử của người xưa.

Quốc Ân đọc sử với con mắt của con người thế kỷ 20 nên không có chiếc nỏ làm bằng cái móng của thần Kim Qui, bắn một phát mấy ngàn người chết, cũng không có con rùa hóa người, quyền phép vô biên.

Với một sử quan mới, Trọng Thủy là một trùm gián điệp, thần Kim Qui là một nhà thông thái, một kiến trúc sư xây dựng Loa thành, một chiến lược gia cho đắp phòng tuyến, huấn luyện quân sĩ đánh giặc bằng cung nỏ với chiến pháp vô cùng hiệu quả làm Triệu Đà mấy phen vỡ mặt.

Tên gián điệp Trọng Thủy đánh cắp bản đồ các phòng tuyến, tìm hiểu chiến pháp, dùng vàng ngọc, chức tước mua chuộc lòng người, lũng đoạn cả một quân đội mà cướp được Âu Lạc.

Giải thích một điểm huyền bí của lịch sử đó là đề tài dùng để viết tân truyện này.

Thành quách còn đây dấu Cổ Loa
Trải bao gió táp với mưa sa.
Nỏ thiêng hờ hững dây oan buộc.
Giếng ngọc voi đầy giọt lệ pha.
Cây cỏ vẫn cười ai bạc mệnh.
Cung đình chưa sạch bụi phồn hoa
Hung vong biết chữa người thiên cổ
Tiếng quốc năm canh bóng nguyệt tà.

Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI

CHÁNH SỬ

Năm Đinh Hợi (214 trước Thiên Chúa) là năm thứ 33 của Tần Thủy Hoàng, tức là năm thứ 44 của Thục An Dương Vương (nước ta bây giờ là Âu Lạc), nhà Tần ham nước ta nhiều châu báu, muốn quận huyện, lấy những người bộ vong (đi trốn), chú tể (không tiền cưới đến ở nhà vợ) và người đi buôn ở các nơi làm lính, sai hiệu úy là Đồ Thư đem đi, sai sứ Lộc Đào Cừ vận lương, đi sâu vào Lĩnh Nam, giết vua rợ Tây Âu là Địch Hu

Tổng cướp lấy đất Lục Dương, đặt ra quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Người Việt đều ở trong rừng rậm không chịu để cho người Tàu sai khiến, ngầm đặt người Kiệt hiệt làm tướng, đêm ra đánh người Tàu, giết Đồ Thư. Nhà Tần mới đem năm mươi vạn quân bị đày sang ở Ngũ Lĩnh, cho Nhâm Ngao làm Nam Hải Úy, Triệu Đà làm Long Xuyên Lệnh, đem những dân ấy đi. Từ bấy giờ Nhâm Ngao và Triệu Đà có ý cắt cử coi đất và thôn tính nước ta.

Tháng 10 năm Tân Mão (210 trước Thiên Chúa) là năm thứ 37 của Tần Thủy Hoàng tức là năm thứ 48 của Thục An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng mất, con là Hồ Hợi lên nối ngôi, tức là Nhị Thế hoàng đế. Nam Hải Úy Nhâm Ngao và Long Xuyên Lệnh Triệu Đà đem quân xâm lấn nước ta. Triệu Đà đóng quân ở núi Tiên Du (tức là núi Lan Kha). An Dương Vương đem quân ra đánh, Triệu Đà thua chạy. Lúc bấy giờ Nhâm Ngao đem quân đi thuyền đến Tiêu Giang (nay không rõ ở đâu), bị bệnh trở về giao quân cho Triệu Đà. Triệu Đà biết An Dương Vương có phòng bị, lui giữ núi Vũ Ninh (nay là Vũ Giang), sai sứ xin hòa. An Dương Vương chia từ Bình Giang tức Thiên Đức, có tên nữa là Đông Ngạn, trở về phía Bắc cho Triệu Đà cai trị; từ Bình Giang trở về phía Nam là của An Dương Vương. Triệu Đà sai con là Trọng Thủy sang làm con tin, nhận cầu hôn. An Dương Vương có con gái là Mỵ Châu gả cho.

(Đại Việt sử ký tiền biên quyển 1 tờ 14A)

LÊ VĂN HỮU

Một sáng tinh sương về mùa đông...

Sương lam mờ phủ khắp các đồi núi chập chùng. Những rặng núi xa xa màu tím nhạt hiện lên giữa lưng trời như những nét chấm phá tuyệt mỹ trên bức tranh thủy mặc. Khí lạnh tự đá xông lên nghi ngút, hơi buốt trùn phủ khắp quãng đồi thông vắng lặng. Thỉnh thoảng một luồng gió bắc thổi đến, đánh thức cây cỏ ra khỏi sự tê liệt của giá rét, thông reo vi vu từng chập. Những giọt sương lả tả rơi nặng trên cỏ ướt và từng cánh lá vàng liên tiếp nhau rời cành, đánh những vòng rộng trên không gian, bay là là xuống ngọn hải đường lấm tấm hoa đỏ rồi xấn mạnh xuống đất.

Không một bóng chim trên vàng không xanh sậm. Không một đóa hoa lạ ngoài những chấm hải đường mọng đỏ là cành trên mấy chùm cây dại và những vũng máu vông rải rác đó đây trên bức thảm rộng dẹt bằng lá thông già.

Chung quanh ngọn lửa trên một quả đồi to, co ro trong những đồng mền cũ kỹ độ mười người đàn ông ngồi xôm, yên lặng nhìn ngọn lửa nhảy

nhót trên những cành củi thông tươi tí tách nõ giòn giã. Thỉnh thoảng, họ lại nhìn lên dãy núi cao ngất sừng sững gần đó, trông nom bầu khí lung mang gió, lom khom trong sương mờ hái trà trên sườn núi.

Bỗng một người trong bọn đứng lên chăm chú nhìn về phía Nam, theo con đường mòn hút giữa hai dãy đồi núi chón chỡ. Gương mặt họ đã tái ngắt vì rét lại càng tái thêm, rồi không ai bảo ai họ lẹ làng dập lửa và trái với cử chỉ chậm chạp ban nãy, họ biến nhanh sau những tảng đá, mắt vẫn không rời sự động tĩnh trên đường. Họ là thổ dân của vùng này trong quận Nam Hải, quanh năm cần cù trong rừng rậm, săn thú, bẫy chim sinh sống và đổi chác lẫn nhau. Thỉnh thoảng cũng có vài người kẻ chợ mang muối cùng những hàng hóa khác về đổi thổ sản của họ.

Ở cái thời đại mà pháp luật không phải để bảo vệ dân mà chỉ để tỏ oai quyền của kẻ mạnh, đám dân hèn cô tìm cách tránh nanh vuốt của võ lực để sống mộc mạc với cây cỏ núi rừng. Cướp bóc từ khắp nơi thỉnh thoảng lại kéo ngang đuổi thú, giết người, bắt đàn bà con gái. Quan quân đi ngang thì họ cũng phải bồng bế nhau rút về rừng để tránh việc cung cấp lương thực, mở đường, bắc cầu và có khi bị dẫn theo làm lính. Hồi đầu mùa xuân rồi, khi quân của Nam Hải Úy Nhâm Ngao đi qua, của cải của họ đã bị một lần lính cướp sạch, đàn bà con gái họ chậm chân chạy trốn đã bị hãm hiếp, trai tráng của họ làm phu dọn đường, bị đánh đập, lớp ngã gục dọc đường vì cực nhọc, kham khô, lớp chết vì khí độc của đất lạ. Họ đã nếm sự tàn ác của con người cho nên chẳng dám đến gần những kẻ xa lạ có hình dáng giống như họ.

Ông bà, cha mẹ họ đã sống bình yên ở đây từ muôn đời, chỉ mới năm năm nay, từ khi Nam Hải Úy Nhâm Ngao và Long Xuyên Lệnh Triệu Đà theo lệnh của Tần Thủy Hoàng đem quân đến đóng, họ mới phải chịu sưu, chịu thuế ở đất Lĩnh Nam này.

Hướng chi nơi đây sau dịp Nam Hải Úy dẫn quân cùng Long Xuyên Lệnh sang đánh Âu Lạc bị thua thì sưu thuế càng cao, mà tân binh của Úy càng lộng hành, cướp bóc dữ dội hơn trước.

Đoàn người ngựa đã hiện dần, rõ rệt trên đường, dẫn đầu là một tướng trạc ngoài tứ tuần, cầm vuông, râu rậm, cứ nhìn sắc phục là người ta đoán biết đó là quan quân tỵ Vũ Ninh Sơn kéo về hầu Nhâm Ngao. Vì từ khi thất trận rút quân về hồi giữ mùa thu thì Triệu Đà hãy còn ở lại núi Vũ Ninh, được Thục Vương cắt đất từ Bình Giang trở về phía Bắc giao cho cai trị. Mấy hôm nay nghe phong thanh Nam Hải Úy Nhâm Ngao trọng bệnh, có lẽ Long Xuyên Lệnh kéo về thăm chủ tướng.

Đoàn quân hàng trăm người ngựa rầm rộ kéo qua giữa cảnh núi rừng vắng lặng rồi khuất bóng sau lớp sương dày đặc...

Tại phủ đường của Nam Hải Úy, những tên quân mặc áo nẹp đỏ chạy lảng xảng trước sân, quanh hè, lo lắng đặt chỗ ăn, chỗ ở cho vệ quân của Long Xuyên Lệnh vừa đến. Thỉnh thoảng một vài người thì thầm với nhau, mắt trước mắt sau về bệnh trạng của Nhâm chủ tướng và sự có mặt của Long Xuyên Lệnh Triệu Đà.

Các viên quan cai trị trong hạt hay tin Triệu Đà sang cũng tề tựu đến phủ đường, chờ xem sự quyết định của Nhâm Ngao mà họ biết không thể thoát khỏi tử thần trong vài hôm nữa vì căn bệnh trầm kha, nửa vì chướng khí đã vướng phải lúc viễn chinh, nửa vì sầu não bởi sự tổn thất nặng nề của quân mình trước hùng binh Âu Lạc.

Trong một phòng, dưới ánh sáng trắng xanh của những ngọn bạch lạp, Nhâm Ngao nằm dài trên giường, chần phủ trên ngực, sắc mặt úa vàng vì chứng rét rừng lúc bấy giờ, gương mặt lơ lơ nhìn vị phó tướng Triệu Đà ngồi sát bên giường.

Giây lâu người mới gượng lấy chút hơi mồn phều phào bảo:

- Nhà Tần vô đạo, thiên hạ khổ sở, ta nghe bọn Trần Thắng lại đang khởi loạn, lòng dân chưa biết sẽ theo ai. Chỗ đất này hẻo lánh xa xôi, ta sợ bọn trộm cướp xâm lấn đến đây, muốn dấy quân tuyệt con đường mới, dự bị để đợi chờ hầu khởi biến mà hùng cứ phương này nhưng gặp bệnh nặng không làm gì được. Vả lại đất Phiên Ngung trong quận Nam Hải này lại dựa núi cách sông, đông tây đều xa vài nghìn dặm, nếu có người Trung Quốc giúp đỡ cũng có thể lập quốc xưng vương làm chủ một phương. Nhưng tương lai người trong quận không ai đáng cho ta phó thác công việc nên mới vời tướng quân đến đây.

Ngao nói xong với tay sang cạnh giường lấy một cuộn giấy trao cho Triệu Đà.

Đà mừng rỡ tiếp lấy mở ra đọc, mặt tươi tỉnh dần lên: đó là chúc thư của Nhâm Ngao giao chức Nam Hải Úy cho Triệu Đà.

Hôm sau, cùng với tin Nhâm Ngao mất, dân chúng trong thủ phủ tùm năm tùm ba ở các góc cây trong đường phố, đọc tờ hịch vừa dán:

“Quân giặc đã đến nơi, nên lập tuyệt con đường mới, hợp quân để tự phòng giữ. Nam Hải Úy Triệu Đà hịch”.

Cùng một lúc, trên các ngã đường về các cửa ải Hoàng Phố, Dương Sơn và Hoàng Khê, những sứ giả ngày đêm nằm sát trên mình ngựa, hỏa tốc đem hịch truyền đi khắp nơi.

Một mặt Nam Hải Úy ra lệnh tổ chức lại quân đội, tuyển chọn tráng đinh trong huyện luyện tập ráo riết, một mặt người tìm cơ hội dụng oai quyền diệt hết tất cả trưởng lại do người Tàu đặt ra, cho người thân thuộc thay vào.

Một chương trình mưu bá đồ vương cấp bách được tuân tự thi hành.

Bóng trăng đã lên đến đỉnh đầu...

Dãy Lĩnh Nam trùng trùng rẽ hai chạy thẳng xuống biển, bóng núi lờn lợt dưới ánh trăng như những ngọn sóng to trên biển cả làm thành hai dãy Vạn Lý thành bao bọc lấy Âu Lạc quốc.

Trên bao lơn điện, phò mã Trọng Thủy tựa mình bên cửa sổ, nhìn trời nước bao la, lòng ngổn ngang trăm mối.

Chàng sang đây thâm thoát đã qua một mùa xuân. Với tư cách là một con tin cho sự hòa bình của hai nước, chàng đã thành hôn với My Châu công chúa. Xuất thân là con nhà tướng ở biên thùy đầy giặc cướp, chàng đã thâm nhiễm tính hiếu chiến của cha, nay lại phải bó thân trong chốn gấm lụa là, thỉnh thoảng chàng chẳng khỏi thấy lòng mình rộn lên nỗi nhớ nhung thời bôn bả. Những tiếng chiêng trống đổ hồi, tiếng ngựa hí vang lừng, tiếng quân reo dội núi, đêm nay như thoang thoang quanh cảnh lá vi vu quanh biệt điện. Cây thương yêu mến của chàng đã từng nhuốm biết bao nhiêu máu đào thượng tướng hiện đang nằm mốc bên kia trời, bao giờ lại được chàng nâng lên tay, chỉ thẳng về phía địch quân mà phi ngựa.

Nhưng kìa, Loa thành sừng sững bao bọc đế đô. Chung quanh đây bao nhiêu tướng sĩ của cha chàng đã bỏ thân và hơn một lần chàng phải bảo vệ cho cha, giục ngựa chạy dài dưới cơn mưa tên của binh Âu Lạc.

Ba trăng rồi, chàng nghi chân bên người đẹp, say mê những tuyệt thú của yêu đương mà quên hẳn lời cha phú thác lúc ra đi:

“Sang đây con phải lợi dụng danh nghĩa phò mã mà hoạt động cho dân tộc chúng ta. Con phải tìm phương phá diệt đoàn quân cung nỏ hùng mạnh của An Dương Vương, mua chuộc các thượng tướng để sau này ta đột nhập được vào Loa thành kiên cố, chiếm lấy cố đô họ Thục, mở con đường sống cho toàn dân ta. Đất Âu Lạc là địa thế đồ vương, thú nhiều, cá

lắm, đất rộng, dân đông, giàu thanh vô cùng, con chó vì sung sướng riêng mình mà quên dân tộc, bỏ qua dịp tốt để lỡ cơ hội muôn đời”.

Mang nặng nhiệm vụ bên vai và từ khi tách khỏi quê nhà đến giờ, chàng chỉ ngày ngày săn bắn, tối dự yến viên, quên rằng mình là mối hy vọng duy nhất mà cha già trọn lòng mong cậy.

Nhưng chàng phải làm gì cho dân tộc chàng, cho cha chàng ở đây? - Trọng Thủy bối rối tự hỏi - Muốn chiếm lấy cố đô nhà Thục, chàng phải tiêu diệt cả đoàn quân hùng tướng mạnh của Âu Lạc, tàn phá Loa thành, những việc ấy đâu phải là dễ với sức của một người mà lại là một người ngoại quốc như chàng. Dù vua Thục xem chàng như con, công chúa hết dạ tin yêu nhưng các viên võ tướng, những vị văn thần thường nhìn chàng với con mắt nghi ngờ. Địa vị cao sang của chàng biết đâu chẳng làm cho họ bất bình, ghen ghét. Chàng quên sao được cặp mắt ngạo mạn của mấy viên tướng trẻ tuổi tài ba, những kẻ mà chàng đã gặp ngoài mặt trận lúc hai quân kinh địch và dầu sao họ cũng có quyền xem chàng như kẻ thù, một kẻ thù bại trận. “Ta sẽ gặp nhau một lần khác”, Trọng Thủy mỉm cười hứa hẹn.

Nhưng Trọng Thủy cũng không hoàn toàn thất vọng. Bản đồ những địa điểm quân sự trọng yếu của Loa thành chàng có thể lợi dụng My Châu mà đoạt được. Phá hoại lực lượng hùng hậu của đoàn quân cung nỏ thì chàng cũng có thể cậy chính tay của nhiều viên đại tướng chỉ huy. Chàng biết rõ trong đám rừng cột của Âu Lạc, nhiều người muốn cầu thân với chàng vì địa vị cao sang. Sẵn trong tay vô số ngọc ngà châu báu và với những chức tước hứa hẹn, chàng tin rằng có thể dùng để mua chuộc bao kẻ tham lợi mê danh. Họ có thể bán nước với ít viên đá quý, với vài tiếng khen láo. Nếu chàng khéo dùng, khéo hẹn. Một khi đã nắm trong tay một số người rồi thì chàng lại dùng chúng để giết đồng bào chúng, không có gì là khó.

Nhưng một khi mất nước, thân phận công chúa sẽ ra sao?

Hình dáng lệ kiều của người vợ thân mến hiện ra, uyển chuyển, dịu dàng như tượng trưng tất cả vẻ đẹp trên đời mà chàng hết lòng thờ phụng. Công chúa sẽ đối đãi với chàng thế nào một khi nàng thấy lại kẻ cướp nước của mình.

Chàng rùng mình. Chàng rùng mình tưởng đến người đẹp trong vũng máu đào một khi loạn lạc diễn ra và nhìn thấy đời mình tan nát. Không có My Châu, chàng sẽ không sống được. Đôi mắt nhưng của người ấy êm

đềm thay mà cũng đau đớn thay, sẽ thâu vào đấy cả một trời mền thương xán lạn, cả nguồn sống của chàng trai hải ngoại.

Trọng Thủy thấy lòng mình bị xẻ đôi: Một bên người yêu, một bên tổ quốc.

Mà dân tộc chàng nghèo đói ở một xứ khô khan. Số sinh sản càng ngày càng tăng làm sự sinh sống càng ngày càng thêm hẹp. Gia đình chàng suốt mười năm nuôi mộng cả hùng cứ một phương để vẫy vùng thỏa chí, không lẽ lại chịu chết mòn bên chân núi, ven rừng hẻo lánh.

Ở triều đình, Tần Vương vừa khuất, Nhị Thế hoàng đế nổi ngôi, thiên hạ oán giận nhà Tần bạo ngược đã nhiều, nhân dịp này nổi lên làm loạn. Chư hầu bốn phương nhân đây cũng chuẩn bị dấy binh dựng cờ giải phóng, diệt kẻ đã thâu đoạt giang sơn để ép dân chúng mình bấy lâu dưới ách nô lệ. Nếu không thừa cơn binh lửa chiếm lấy một phương để mở sinh lộ cho dân tộc đang đói khổ thì vận hội này ngàn năm còn đâu gặp lại.

Trong cảnh tịch mịch êm đềm của hoàng cung, tiếng trống vang lên từ các góc Loa thành và một vài tiếng quạ bay ngang oang oác đánh thức Trọng Thủy ra khỏi phút trầm tư.

Chàng đứng lên quay đầu về hướng Bắc, dăm dăm nhìn rặng núi ở chân trời xa, lẩm bẫm: “Phải sống! Sống cho gia quyến ta, sống cho dân tộc ta...”.

Trên lối mòn ngoằn ngoèo giữa hai rặng phi lao dẫn lên một ngôi chùa dựa triền núi ngoài cửa Đông Loa thành, trưa nay thỉnh thoảng người ta lại thấy một người vận võ bào màu đen ôm sát vào thân, lưng mang kiếm bạc chuôi vàng nạm kim cương lóng lánh phóng ngựa chạy như bay.

Dân chúng ở ngoài thành đã quen thấy thế nên không ai tò mò chú ý. Người ta độ chừng những buổi trưa mát trời như thế này, các công tử cùng các nhà quý tộc thả ngựa lên chùa vãng cảnh. Và lại chùa ấy là của riêng quan Lạc hầu Vũ Lộc, dân dã thường ít lên đến.

Đến quá Ngọ thì một võ sinh cũng vận y phục như thế, mình cưỡi bạch mã từ phía Nam phóng tới phi thẳng lên chùa có vẻ gấp rút lắm.

Vừa xuống khỏi mình ngựa, chàng quăng cương cho một tên tiểu hầu rồi bước nhanh vào cửa sau nhà chùa.

Vào đến chùa trong, chàng đưa mắt soát qua một lượt những người hiện diện rồi chẳng chào hỏi một ai, đi thẳng đến một chiếc ghế trống ở cuối hàng bên phải, yên lặng ngồi xuống.

Vừa lúc ấy, cánh cửa chánh liêu hé mở, một vị đạo sĩ bước ra.

Mọi người đứng lên một loạt, cúi đầu. Vị đạo sĩ chậm rãi phe phẩy phát trần, đi đến chiếc cắm đôn ở đầu hai hàng ghế. Người dong dỏng cao, mặt vuông, cằm rộng, chiếc đầu hơi bóng láng dưới ánh bạch lạp và đôi mắt sáng lộ vẻ thông minh và tuy chòm râu bạc buông thõng tận ngực nổi bật lên chiếc áo màu da, người ta vẫn nhận được người Lạc hầu cương trực ngày xưa, vị khai quốc công thần đã góp công lớn vào sự thịnh vượng của nước Âu Lạc.

Cụ đưa tay lên ra hiệu, tất cả hai hàng người lần lượt ngồi xuống, quay mặt hướng về cụ già quắc thước chờ đợi.

Và dầu đã bảy mươi, tiếng cụ vẫn sang sảng vang dội trong phòng:

“Hỡi các đấng công thần! Hỡi các tráng sĩ anh dũng!

“Có lẽ các người cũng đã đoán được mục đích cuộc triệu tập hôm nay của ta.

“Dù không còn dự bàn việc nước thường ngày ở triều nội, ta cũng được đầy đủ tin tức về sự hưng thịnh của tổ quốc ta. Ta đã hiểu nỗi khổ tâm của các người trước mỗi nguy hiểm dọa nèn độc lập của Âu Lạc quốc.

“Mai này Trọng Thủy sẽ về và như chúng ta đã biết, nó sẽ cùng Triệu Đà trở qua xâm lấn nước ta. Gần hai năm, thích trá vì đã đánh lui được bọn Tàu, đức vua mê đắm tử sắc, phé bỏ việc triều chính, phú thác quốc gia trong tay đưa con nít My Châu. Khờ dại tin chồng, nó đã thố lộ quân cơ, làm tay sai cho tên ngoại quốc, phé bỏ công hầu, xua đuổi dũng sĩ, trong mắt lòng người trung thực, ngoài nhân dân đồ thần, lòng người ly tán dần dần. Nhiều triều thần tham ngọc quý, tước cao; quên cả phẩm cách, bỏ cả nước non để theo đua bợ làm chó săn cho tên Trọng Thủy. Đến hôm nay thì triều chánh đã hoàn toàn trong tay bọn tà gian, sẵn sàng mở thành rước nghịch, bán nước buôn dân. Nếu chúng ta là bọn dũng sĩ không sớm kết hợp nhau, tổ chức sĩ phu trong nước thành những đoàn quân giết giặc cấp bách thì cảnh nước mất nhà tan sẽ không còn bao lâu nữa!”.

Tiếng vang chót vừa dứt, cụ ngồi xuống thì một người trạc độ tứ tuần đứng lên đồng dục:

- Chuyện cấp bách hiện thời là phải làm sao chặn đường Trọng Thủy, giết nó để đoạt lấy bản đồ Loa thành, hầu tuyệt đường tiến của giặc. Quan Lạc hầu nghĩ sao?

Mọi người đều xôn xao:

- Hay lắm! Hay lắm!...

Lạc Hầu đưa tay lên, sự im lặng trở lại. Cụ hỏi:

- Ai sẽ đứng ra chặn đường về của Trọng Thủy?

- Tiểu tướng xin đảm đương việc ấy!

Mọi người đều quay lại, ấy là vị tráng sĩ vừa vào lúc nãy. Có tiếng thì thào ở hàng ghế đầu trong: “A! Vô địch tướng quân Lê Dũng, cháu nội Lạc tướng Lê Hoàng!”.

- Tốt lắm! Lạc hầu bảo. Nhưng vô địch tướng quân chưa xuất trận lần nào, e sẽ thất cơ trước tên cướp Trọng Thủy đã quen nhuần trận mạc.

Rồi cụ nhìn lại hai hàng người: “Ta cử Đả Hồ tướng quân Mạnh Phát và Bình Phiên phó tướng Lưu Nghĩa Thục theo lược trận cho Lê tráng sĩ đó!”.

Hai tướng đứng lên chấp tay:

- Đa tạ Lạc hầu, chúng tôi vâng lệnh.

Đồng thời, Lạc hầu tiếp:

- Các tướng sĩ phải chia nhau ngay từ bây giờ đi khắp nước liên lạc với anh hùng bốn phương, chiêu binh mãi mã, rèn luyện quân lính để cùng nhau chống giặc trừ gian”.

Rồi cụ đứng lên, giọng run run vì cảm động:

- Ta mừng vì lòng yêu nước của các tráng sĩ. Tổ quốc đang chờ đợi sự thành công của chúng ta.

Tất cả tuốt gươm đứng dậy hô to:

- Thề giết giặc! Thề giết giặc...

Gió xuân phây phẩy đánh rơi vài cành mai vàng lẳng lơ rơi trong nắng sáng. Những khóm liễu bên lầu vọng nguyệt rũ tóc sầu thương thướt, nghiêng mình chia sót nỗi phân phiêu. Buồn đọng giọt trên cành sương lẻ, nặng nề rơi trên thảm cỏ lệ đầm tuôn. Chiếc vành khuyên gắng hát khúc ly tình như đưa tiễn một người đi không hẹn ngày tái hội.

Vạn vật như trùm phủ trong không gian đặc màu ly biệt.

Dưới cụm quỳnh hoa, bốn mắt nhìn nhau không biết từ bao giờ, tay cầm tay siết chặt một lần này để rồi sẽ buông nhau xa mãi mãi.

Một tiếng ngựa hí lừng lên trong yên lặng làm hai thiếu niên bừng tỉnh mộng đau thương.

Trọng Thủy gượng lay tay người đẹp, hơi nói nhẹ như cơn mơ:

- My Châu em! Nếu không may mà đôi ta gặp cơn binh lửa, ta muốn gặp em thì phải dò lối phương nào?

Mắt long lanh ngấn lệ. Công chúa nhè nhẹ lắc đầu:

- Em sẽ mang theo chiếc gối lông ngỗng, tình đôi ta mong được nối liền bởi dẫu lông kia! Thế rồi một phút buông tay, muôn đời ly hận.

Trọng Thủy giục ngựa khỏi cung điện thì bá quan văn võ đã châu chực đầy để tiễn đưa. Ra khỏi Loa thành chàng xuống ngựa quay về phía Nam cúi lạy hai lần từ biệt quân vương rồi thi lễ với đoàn đại biểu triều đình, lên yên cùng đoàn tùy tùng trực chỉ Bắc phương qui cố quốc.

Con đường về mới buồn não làm sao. Trời núi bao la, vó câu khập khễnh, sầu vạn cổ mông mênh trong không rộng. Bóng xiêm người đẹp, nét ủ dột trong mắt nàng như bay nhảy trên cỏ bên đường. Còn đâu những sáng thu trong rừng lặng, mộng kê đôi bên lưng ngựa song song. Còn đâu những chiều vắng bên bờ lau, chân nhẹ bước nghe gió đông tung mình trong biển lá.

Những giờ phút thần tiên ấy sẽ tan hắt trong màu đỏ buổi binh đao. Nhưng nghĩ đến những con mắt đang ngóng trông mình, Trọng Thủy không khỏi kiêu hãnh trước phận sự vương tròn của mình.

Trong vòng một năm chàng đã thành công trọn vẹn ở đất người. Với tước vị phò mã, quyền hành của My Châu, chàng đã lợi dụng vàng bạc Âu Lạc để mua chuộc lương tướng Âu Lạc, phá hoại tổ chức quân sự, loại trừ những phần tử trung quân ái quốc, tiêu diệt tất cả sức phản động vừa quật khởi với mục đích ngăn trở công việc mình.

Chàng đã dùng luật pháp của Âu Lạc để đàn áp các phong trào ái quốc của họ và với sức mạnh các tướng Âu Lạc mê vàng, chàng đem làm bình phong cho kế hoạch mình.

Bản đồ các phòng tuyến vững chắc của Loa thành do nhà ẩn sĩ Kim Qui phu tử sáng kiến và chỉ huy kiến trúc đang nằm gọn trong hành trang mình. Đoàn quân cung nỏ sẽ trở nên vô dụng dưới quyền các tướng tay sai mù quáng của chàng, mối lo chót của chàng cũng bị đánh tan: Trong khi

vắng mặt chàng ở Âu Lạc, thám tử do chàng tổ chức để lại sẽ theo dõi tận gốc các công cuộc mưu đồ kháng chiến sau này.

Vàng ngọc, chức tước chàng đã biết dùng nó để xui người cùng nước sát phạt lẫn nhau, đưa dân tộc vào vòng nô lệ ngoại bang. Đang thích chí ôn lại công việc đã làm trong mấy năm qua, bỗng có tiếng ống lệnh nổ vang lên làm Trọng Thủy hơi bối rối, vội ra hiệu cho các tướng tá hầu cận chuẩn bị đối phó với bất trắc. Từ khe đá cách đó không xa xông ra một viên tiểu tướng độ mười tám tuổi xử đại đao, cưỡi bạch mã, phương phi, có vẻ không phải là kẻ cướp đường. Trọng Thủy rút cặp chùy giắt ở lưng ra chỉ mặt viên tiểu tướng quát:

- Thằng con nít kia, ngươi là người nước nào mà dám đón đường ta?

- Trọng Thủy! Ngươi nên nhớ rằng ngươi đang còn trên đất Âu Lạc, đón đường ngươi là người Âu Lạc chứ ai.

- Ngươi muốn gì? Ta không được rảnh lắm! Trọng Thủy nóng nảy trả lời.

- Ta cần bức đồ Loa thành và cái đầu tên ngoại quốc cướp nước trên cổ ngươi.

Trọng Thủy cười nhạt:

- Bọn ái quốc các ngươi không còn ai hay sao mà phải lựa đưa con nít đến tự tử? Hãy xưng tên đi, ta không giết kẻ vô danh đâu.

- Vô địch tướng quân Lê Dững.

Trọng Thủy cả cười:

- Chức vô địch là đối với trẻ con hạng ngươi, sao dám kiêu căng với danh tướng như ta.

Rồi chàng nghiêm trang:

- Nay tướng quân Lê Dững, dẫu sao ta cũng cảm mến gan dạ và lòng yêu nước của tướng quân. Nếu tướng quân chịu quay về thì ta vui lòng viết thư tiến cử tướng quân với quan chưởng binh của triều đình để lãnh chức tước mà chờ ta trở lại.

- Đồ tham tàn vô sỉ! Lê Dững hét to. Ngươi có thể mua chuộc được lòng dạ bán nước của lũ chó heo đội mũ mang đai nhưng với ta, một thằng dân chỉ thích yên lành trên đất nước nhà thì chức tước ngai vàng của ngươi chỉ là đồ ta dày đạp. Hãy cầu trời độ cho linh hồn ngươi rồi chịu chết.

Dứt lời, Lê Dũng thúc ngựa lướt tới nhằm ngay đỉnh đầu Trọng Thủy đánh xuống một đao. Trọng Thủy hất chùy lên đỡ. Hai dũng sĩ đánh vùi chưa đầy ba hiệp thì Lê Dũng có vẻ bối rối trước cặp chùy xuất quỷ nhập thần của viên tướng tài ba, hét lên tiếng lớn làm hiệu, tức thì hai viên tướng Đả Hồ và Bình Phiên kéo năm mươi nghĩa binh tinh nhuệ ra trợ chiến.

Trọng Thủy sợ còn binh phục nên vội dùng hết sức đập đại một chùy. Lê Dũng cắt đại đao đỡ. Sức chùy quá mạnh làm tét hồ khẩu tay Lê Dũng, ngựa thối lui mấy bước. Thừa dịp, Trọng Thủy phi ngựa xông tới trước dòn hai viên tướng Âu Lạc, dùng hết thần lực đánh đông đỡ tây và hô quân mở con đường máu chớ hành trang ra khỏi nơi đây. Đoàn tùy tùng gồm những viên tướng giỏi đã từng theo sang Âu Lạc là bộ tham mưu đã giúp đỡ chàng nhiều nên tả xông hữu đột ra khỏi vòng nguy hiểm không khó mấy. Thấy bên mình đã thoát hiểm, Trọng Thủy giục ngựa chồm lên đánh mạnh một vòng chùy rộng làm các tướng bất ngờ thối lui rồi phóng ngựa phá vòng vây theo các tướng mình để đoạn hậu. Quân Âu Lạc xả tên theo, những tướng Tàu và Trọng Thủy nhiều kinh nghiệm trận mạc gạt tên phóng ngựa vào rừng mất dạng.

Sau một thời gian, ở hoàng cung, dưới ánh sáng bạch lạp sáng choang, dập dìu cung phi mỹ nữ đang dọn dẹp buổi dạ yến vừa tan. Đoàn nhã nhạc vẫn còn hòa mãi những điệu mê hồn không người thưởng thức vì các thượng quan còn bận vây quanh cuộc cờ mà An Dương Vương so tài với quan Chưởng binh Hàn Quốc Định.

Bỗng từ cửa, một người mặc y phục lấm láp như đã vượt nhiều đồi núi, mình đầy cát bụi, trán đượm mồ hôi, xồng xộc chạy vào quỳ vội bên chân vương:

- Tâu Đại vương, quân Triệu Đà đã qua khỏi ải Bình Giang. Trấn thủ Tạ Minh đã dâng thành hàng giặc rồi.

- Triệu Đà không sợ nỗ Âu Lạc à! Dám tiến sâu thế! Cho lui. Vương vẫn không buồn ngược lên, chậm rãi nói.

Từ năm hôm nay, biết bao tin chiến sự từ biên ải gởi hỏa tốc nhưng Vương vẫn lạnh lùng vui mãi trong tử sắc. Ngài tin ở đội binh mã xuất chúng của mình. Dầu Triệu Đà có vây được Loa thành chẳng nữa thì như bao lần trước, Vương sẽ ra trận chỉ huy chiến lược đánh bằng cung tên tất Triệu Đà phải rút quân mã chạy, không dám quay đầu nhìn lại. Huống chi Loa thành kiên cố, lương thực đầy kho, Vương vội gì lo nhọc thân. Thế rồi hết tiệc rượu đến cuộc cờ. Vương lưu giữ các quan cùng chung vui đêm

ngày mặc Triệu Đà xua quân vô ích. Nhưng lần này thì hình như có vẻ quan trọng hơn trước nên nửa đêm thì thám tử cho hay quân Triệu Đà chỉ còn cách năm dặm.

Vương hơi chột dạ, ngài không ngờ giặc cướp ải dễ dàng như thế, tiến binh mau lẹ như nước vỡ bờ. Ngài bỏ cuộc cờ đang dở, về mật phòng nai nịt rồi mang nô Linh quang cùng các võ tướng lên yên ra thẳng cửa chính Loa thành, trao ấn Nguyên nhung cho Chương binh Hàn Quốc Định chỉ huy trận đánh, còn mình lên vọng lâu lượm trận.

Trời rưng sáng, xa xa quân Triệu Đà vừa tới, cờ xí nghiêm trang, trống chiêng văng vẳng. Vương bình thân chờ Triệu Đà nhập trận. Ngài đưa mắt soát lại những phòng tuyến quanh Loa thành, công trình vĩ đại của Kim Qui phu tử lập nên đã bao phen làm Triệu Đà vỡ mật. Tuy đã biết trước chiến lược nhưng Vương không khỏi hồi hộp khi Triệu Đà xua quân vào trận. Lá cờ soái Triệu Đà vừa đến gần phòng tuyến thứ nhất thì Vương đứng thẳng người, giương cung hết cánh phát ra một mũi tên.

Chiếc tên bọc vải điều ở dưới bay vút ra ngoài mặt trận vạch thành một lần đỏ trong không gian. Ấy là phát tên hiệu lệnh để các mặt bắn tiếp. Vương thỏa thích nhìn theo chờ đợi.

Nhưng ô kìa! Lạ chưa! Khắp các phòng tuyến trước cửa Bắc đều im phăng phắc, không một mũi tên vọt ra. Quân Tàu vẫn tràn tới như trên bình địa trống chiêng dậy đất, quân hét vang trời, cờ xí lợp cả một vùng rộng lớn quanh thành.

Vương run lên, tim đập liên hồi, Vương vội chạy xuống vọng lâu định tìm Chương binh. Vừa lên yên thì thám tử chạy bay xuống mọp dưới lưng ngựa:

- Tàu Đại vương, cửa Tây đã mở rộng đón quân Tàu. Hàn Nguyên soái đích thân ra rước Triệu Đà.

- Chết ta rồi! Thục vương thất sắc giục ngựa bay về hoàng cung. Vừa đến, ngài thấy một toán quân binh phục không giống quân mình đang hộ vệ Mỵ Châu ra khỏi vòng thành. Ngài dừng ngựa quan sát thấy trong đám quân ấy có lá cờ đề chữ “NGHĨA” do lão tướng Vũ Lộc cầm đầu.

Thấy ngài, Lạc hầu reo mừng phi ngựa đến nói nhanh:

- Đại vương, mau theo bọn tôi ra cửa Nam, quân giặc chưa vây tới đó.

Dân chúng trong thành đã được nghĩa binh tuyên truyền rút đi trước từ mấy hôm rồi nên đường sá cũng không chật chội lắm.

Cả đoàn tể ngựa chẳng bao lâu thì vượt khỏi cửa Nam Loa thành. Tướng giữ cửa ấy là Hoàng Tuyên, tuy thuộc phe phản nước nhưng chẳng dám ngăn bước Thục vương.

Vũ Lạc hầu và tướng sĩ đưa vua ra thành hơn trăm dặm thì ngừng lại. Hầu và các tướng nghiêng mình trước An Dương Vương:

- Chúng tôi đại giáp bên mình không tiện xuống ngựa tạ từ Đại vương.

Thục vương ngậm ngùi:

- Các khanh bỏ ta ở đây à.

Lạc hầu vẫn cúi đầu:

- Nước nhà gặp cơn nguy biến, giang san là trọng. Chúng tôi, những liệt sĩ còn lại phải liều sống thác để xây dựng lại non sông. Tiếc vì bầy tôi tin dùng của Đại vương đã tham vàng Trọng Thủy thẳng tay đàn áp chúng tôi nên ngày nay không đủ lực lượng để đương đầu với quân thù, đành rút vào rừng núi hầu cố tổ chức lại đánh đuổi quân xâm lăng sau này. Xin Đại vương cùng công chúa gắng lo bảo trọng mình vàng chờ ngày hội ngộ.

Nói xong Vũ Lạc hầu và các tráng sĩ đưa My Châu sang ngồi cùng vua rồi rẽ ngựa vào một khe núi mất dạng.

Thục vương ngẩn ngơ nhìn theo đoàn anh hùng hồi hận vô cùng. Vì quá thương con mà tin Trọng Thủy nên ngai vàng đổ vỡ, non nước tan tành. Kẻ trung trực thì bỏ bê, mà bọn phản thần lại trọng dụng. Thôi cũng đành phó thân cho tương lai mờ mịt...

Ngài thúc ngựa bước tới, chẳng biết về đâu.

Gió lốc từng cơn. Trên mình ngựa, giữa đường dài hai tâm trạng khác nhau. Đường đường một đấng đại vương oai danh lừng lẫy bốn góc trời bỗng chốc mà ra thân bên ba. Thục vương chán nản vô cùng. Nhưng My Châu thì như đang sống trong cơn ác mộng.

Lẽ nào người mà nàng yêu, Trọng Thủy lại đang tâm dây đập nước non mình? Hay là vì hiếu mà chàng phải vâng lời người cha tham tàn mà không bao giờ chàng quên người vợ yêu quý đang lang thang trên bước đường phiêu bạt. Nàng mong chàng y hẹn theo dấu lông chim để nàng rõ thực hư. Đang vợ vẫn ước mong thì thoáng nghe tiếng binh sĩ xa xa. Nàng không tin tưởng ở lòng mình nhưng lòng mừng khắp khởi. Nàng hỏi cha:

- Phụ vương có nghe tiếng reo hò sau lưng ta?

An Dương Vương dùng ngựa lắng nghe tiếng reo hò từ xa vắng tới từng hồi. Ngài vội giục ngựa tuôn rùng, lòng vái van thoát cơn nguy khốn.

Tiếng quân reo càng gần, Thục vương càng bối rối. Ngài liệu thân cho vợ ngựa. Nếu chẳng may bị giặc bắt kịp thì gươm báu bên mình, Vương sẽ giết con rồi tự tử để khỏi nhớ tiếng muôn đời.

Tiếng trống chiêng vang dội núi rừng, chim ngàn xao xác tung bay, muôn thú thất kinh băng bụi. Thục vương không còn một hy vọng chót nào cả.

Ngài cứ chạy, bỗng ngài lắng tai, hình như đâu đây sóng vỗ âm âm.

Ngài phóng ngựa chạy vùi. A! Đã ra khỏi rừng và... Kia! Xa xa trời nước một màu, sóng cuốn từng đợt chạy thẳng vào bờ, tung mình vào ven đá. Nam Hải là đây.

Vương nhớ lại thuở xưa, khi từ già, Kim Qui phu tử bảo rằng người về biển Nam tu tâm dưỡng tánh, hưởng thú thanh nhàn.

Nếu may mà gặp phu tử giờ này thì có lẽ Vương thoát nạn được.

Vương tin tưởng như thế. Ngài nhớ đến dị nhân, khí vũ hiên ngang, trên lưng rùa vàng chu du khắp các sông hồ, danh tiếng lừng vang khắp nước. Con người tài ba lạ thường, thông minh tốt chúng. Một tay người đã giúp ngài dựng nên Loa thành, tập quân sĩ bán cung đánh trận, làm cho Âu Lạc vững vàng, quân Tàu kiên mật.

Thế mà sau những kỳ công ấy thì người nhất quyết ra đi vui thú cùng cỏ cây, chẳng màng danh cao tước trọng. Hiện con người đáng kính ấy có mặt ở đây hay không?

An Dương Vương níu lấy hy vọng gặp được phu tử thì có thể thoát nạn. Thần lực, tài bộ của người thì dám giặc cỏ ấy người coi như sâu bọ.

Vương hùng chí phóng mau, sau lưng quân Tàu reo, trước mặt sóng biển vỗ. Vương tung vó lướt tới. Bỗng bên bờ, trong lau sậy có tiếng trẻ reo:

- A! A! Ông vua chạy giặc! Cô vợ “chệt” mất nước ngồi sau.

Mỵ Châu thẹn đỏ mặt. Thục vương ngạc nhiên dừng ngựa. Một cậu bé đầu để ba chòm tóc thả dài xuống vai, mặt mày sáng láng, khí sắc khác thường vừa rẽ lau ra vỗ tay reo chạy:

- A! A! Ông vua chạy giặc! Cô vợ “chệt”...

Thục vương đoán là tiểu đồng phu tử, cố gọi:

- Tiểu đồng! Tiểu đồng! Dừng chân ta hỏi thăm đôi điều...

Nhưng cậu bé vẫn vừa reo vừa chạy. Vương thúc ngựa rượt theo. Nhưng cậu bé chạy rất tài. Thần mã phi hết tốc lực vẫn không bắt kịp. Đến gần bãi biển thì cậu bé vượt lên quá đôi cát mất tăm.

Thục vương đang ngẩn ngơ thì My Châu chỉ bãi biển bảo:

- Phụ vương xem kia.

Vương nhìn theo tay con, mừng rỡ chẳng cùng, trên lưng rùa vàng rẽ sóng, Kim Qui phu tử xuất hiện. Ngài vội giật cương chạy xuống bãi thì phu tử cũng vừa tới. Vương gọi:

- Kim Qui phu tử cứu ta với!

Phu tử bước xuống bãi, đứng yên lặng nhìn Vương. Râu tóc người bạc phơ mà khí sắc sau mấy mươi năm vẫn còn như trước. Người thờ dài:

- Ta đã biết có ngày này. Uổng công kiến trúc Loa thành, đắp lũy phòng giặc, huấn luyện võ bị để quốc gia được thái bình sinh sống. Chỉ vì Vương vội thích chí với lực lượng mình mà khinh địch, bỏ phước việc lớn cho trẻ con nên bị quân xâm lăng lợi dụng người Âu Lạc cướp nước Âu Lạc.

- Phu tử ơi! Việc đã lỡ rồi, người trách, tôi xin chịu lỗi nhưng còn mong gì cứu vãn được nữa chẳng? Thục vương tha thiết khẩn cầu.

Kim Qui phu tử nhẹ lắc đầu:

- Tôi chỉ là một người thường. Công trình của tôi chuẩn bị hằng mấy mươi năm cho ngài mà còn tan rã được thì tài tình gì cứu cả một sự đổ vỡ chỉ trong chốc lát.

An Dương Vương buồn rầu:

- Phu tử không cứu được nước tôi nhưng Phu tử có thể vì cảm tình với tôi mà cứu được mạng tôi không?

Dị nhân nghiêm nghị:

- Nước không phải là của riêng một ai. Ngài đã để mất nước, dân chúng lâm vòng nô lệ thì sống thêm ngày tàn cũng vô vị thôi! Người anh hùng phải biết sống và biết chết một cách anh dũng! Giặc đã đến, giặc ở ngay sau lưng ngài! Lưỡi gươm vàng của ngài cũng chưa đến nổi vô dụng đâu.

Thục vương cúi đầu nhìn chuôi gươm rồi quay nhìn ra sau. Những chiếc lông ngỗng trên đường giúp ngài hiểu vì sao quân giặc biết đường ngài đi.

Vương mỉm cười đau đớn rồi nhanh như chớp, ngài rút thanh Thái a kiếm ra khỏi vỏ đâm thẳng vào ngực đứa con yêu.

Mỵ Châu chỉ việc thét lên một tiếng:

- “Phụ vương...”, rồi ngã khỏi mình ngựa môi còn mấp máy: “Trọng Thủy chàng...”.

An Dương Vương nghiêng chặt đôi hàm răng, lẳng lặng tra gươm vào vỏ, nhìn thẳng ra biển khơi thúc ngựa...

Rùa vàng đã lặn tự bao giờ. Phu tử đã khuất bóng sau hàng cây trên đồi cát.

Ánh trời chiều nhuộm cả trời biển bao la một màu hồng ảm đạm. Phía sau tiếng chiêng trống reo hò của muôn binh vang động một góc trời.

Mặt biển đã phẳng lặng trở lại, im như một mảnh kính không lồi. Ngựa vẫn bước chậm rãi xa bờ dần dần.

Mặt biển hồng thản nhiên để cho ngựa giẫm lên đưa An Dương Vương ra mãi ngoài khơi.

Người và ngựa thâu nhỏ lại mỗi phút, mỗi giây, chỉ còn bằng quả trứng, chỉ còn một điểm đen rồi mất hẳn trên vùng nước rộng...

Chuông trống nổi lên âm âm, cờ phủ tới lợp đất, những vó ngựa gõ nhịp nhàng trên đường rồi tung tràn xuống bãi cát.

Người ta thấy bóng một chiến sĩ ghì mau cương, nhảy sấp xuống mình ngựa, ngã quỵ bên một chiếc thây sóng sượt.

Trời sẫm dần dần!

Im lặng!

Bóng cờ xí, bóng người ngựa chỉ còn như những hình chạm đen nổi bật trên nền trời xanh thẳm.

*

BỮA TIỆC THỊT CÀY

Từ hôm ấy - cách đây độ 30 năm - tôi không còn ăn thịt chó nữa, có lẽ không có dịp và dầu có dịp cũng chưa chắc tôi đớp ngon lành như bữa ấy.

Nghe vậy, chắc vài bạn tưởng rằng ngày nay tôi tu gần thành chánh quả rồi, sắp lên Đại đức hay Thượng tọa gì đây. Thật ra tôi chưa ăn chay ngày nào cho đúng 12 giờ đồng hồ, mà cũng chưa vội tu, mặc dù tôi biết sớm muộn gì tôi cũng tu, nếu không sang năm, hay vài ba năm nữa thì cũng tu vào những ngày chót của cuộc đời mình.

Hồi nhỏ tôi không giấu rằng cái nước ăn thịt chó của tôi cũng tươi lắm.

Những ngày bãi trường về quê, tôi rất được các bọm nhậu trong xóm đặc biệt chú ý. Mỗi khi kiếm được một con vện, con luốc hay con mực nào là các đấng ấy len lén tìm tôi, chờ khi không có ba má tôi thì rỉ tai liền:

- Mực tơ ngon lắm cậu Hai. Cậu cho vài cắc mua đồ nấu.

“Đồ nấu” là củ hành, bún tàu, hàu ky, đậu phộng, tiêu tỏi v.v...

Trăm lần như một, tôi không tuyên bố câu nào cả, mà lạnh lùng móc túi áo pyjama nhét lẹ vào tay ông ta 2 cắc. Vào khoảng 5 giờ chiều, tôi giả bộ thả tà tà ngoài vườn, rồi khi “xuya” không ai để ý đến mình, xuất kỳ bất ý, tôi vọt qua mương cau, vạch những tàu dừa nước lách sang nhà ông nông dân hàng xóm. Đến bên hè là mùi thịt hầm (rựa mặn), mùi xào rừng đã thơm phưng phức.

Trên chiếc bàn cây hình chữ nhật cũ kỹ, chén đĩa đã sắp sẵn. Sau bếp, chủ nhà và vài ông hàng xóm khác đang lúi húi xào nấu hoặc đã bằm chín làm nước tham. Tôi tới là các món cày nóng hồi được dọn lên, rượu công xi được rót ra và những câu chuyện từ thời Tam hoàng Ngũ đế cũng được các ông đem ra bàn luận đến 8 giờ tối mới tan tiệc.

Bọm nhậu nào đuổi được chim chuột mang đi bán cũng dành một mớ để đến khều tôi lấy vài ba cắc mua đồ nấu. Bắt được nầm, bầy con doi quạ, hoặc rùa, cu đĩnh, rắn hổ, rắn ri-cóc, túng cùng thì một con cò hương, các ông hàng xóm quê mùa, chất phác ấy đều không quên tôi, chỉ trừ khi, vượn thì tôi không dám nuốt thôi. Tôi được các ông thích vì tuy mới mười mấy

tuổi đầu nhưng con nhà khá giả, “dân cô-lê”, trường lớn, hiền lành, ít phá rựu lại rất chịu chi tiền.

Những ngày bãi trường của tôi năm nào cũng trôi qua đều đều: sáng bắn chim, trưa câu cá, chiều đạp xe máy một mình ra lộ mới hứng gió, trở về nhậu, tối thả ra chợ ngòi trên lan can cầu sắt tán dóc với những thiếu niên trang lứa, con điền chủ, thương gia trong làng. Thịnh thoảng có các bạn từ Cần Thơ xuống chơi, tôi mới thay đổi chút đỉnh chương trình là cùng họ đạp xe đi viếng các thắng cảnh trong vùng, chụp ảnh, tổ chức đàn hát, hoặc lên xe đò đi viếng Tiểu Cần, Trà Vinh, Ba Động.

Một chiều bãi trường năm ấy, tôi đang đứng bên một cái mương vườn nhắp cá “nóc nói” (tức cá thòi lòi) thì bầy chó Tây hàng chục con của tôi chạy ào ra ngõ (cách nhà tôi cả trăm thước) vừa sủa quâu quâu âm lên. Nhìn thấy thấp thoáng toàn những chiếc áo lớn màu ma-rông, tôi biết ngay đó là đám bạn ở động 22 Cái Khế. Tôi vội đặt chiếc thùng thiếc đựng cá xuống đất, dựng cần câu ở cây xoài, phóng mau ra cửa. Các bạn tôi cũng lần lượt bước vào, bầy trẻ con theo họ dừng lại ngoài rào. Nơi làng tôi, khi chiếc xà lúp duy nhất mang tên “Phước Châu” cập cầu, có những ông khách lạ mặc đồ Tây lớn bước lên đi ngang chợ là một đám con nít theo bèn gót để xem họ đến nhà ai, không phải để báo cáo cho ai, mà chỉ để thỏa tánh tò mò.

Các bạn tôi chẳng những mặc Âu phục quá cỡ sang, hợp thời trang, mà lại đồng màu; áo mặc-ten-gal xẻ lưng màu ma-rông, quần toile-de-lin trắng như tuyết, rề-gát sọc vàng đen, giày vệt-ni bóng như kiếng. Đoàn trai trẻ như vậy mà đi ngang chợ là nhứt định trẻ con bỏ cả thầy lỗ, đánh đáo, bắn cu li theo họ tới cùng.

Đủ mặt cả: Anh Kiều Thanh Quế, một thanh niên 23 tuổi nhưng đã nổi tiếng toàn quốc về những bài phê bình văn học trên tạp chí TRI TÂN (Hà Nội) do các ông Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng, Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố chủ trương; anh cũng là tác giả của những bộ sách lớn thời bấy giờ như Thi hào Tagore, Ba mươi năm Văn học Việt Nam, v.v... Theo sau là anh Nguyễn Văn Hai (tức Nguyễn Huy, Giáo sư hiện nay) và mấy thằng dưới tôi một lớp là Ôn Văn Qui, Trần Văn Phái, Lý Hữu Huệ, Nguyễn Văn Trường. Tôi biết đám này đi đông đủ như vậy tức là có chuyện chẳng vừa. Tôi hỏi Qui:

- Ê! Xuống chơi hay còn đi đâu nữa!

Thằng Qui cười nhăn nhó, đưa chiếc vali trên tay lên:

- Bí mật, bí mật! Vô nhà rồi sẽ hay.

Tôi tạt vào vườn xách thùng thiếc, cần câu để đem cá thòi lòi cho con cò Hương của tôi đứng đó, đưa các bạn vào nhà. Chúng tôi tíu tít hàn huyên vài ba câu chuyện thì đến nhà. Ra sau chào má tôi xong, họ cùng tôi ngồi ở bộ sa-lông nơi hàng ba và bây giờ, thằng Phái mới nói huyệt toẹt mục đích của phái đoàn:

- Mai mà rảnh không?
- Có làm mẹ gì mà không rảnh!
- Đi Tiểu Cần được không?

Tôi điếm mặt Qui:

- Đ.M.! Đi coi vợ phải không?

Các bạn cùng cười:

- Cái thằng coi vậy mà thông minh quá ta!

Để khỏi làm bận rộn má tôi, họ đề nghị ra chợ ăn hủ tiếu xào vì hủ tiếu xào tại quê tôi ngon can không nổi, ai đến thăm tôi đều được tôi đãi món này và phải nhớ đến già. Ngày nay ai muốn ăn lại lần nữa cũng không được vì làng tôi bị tàn phá tan tành hồi năm 1946, hiện thời tuy đã tái lập nhưng toàn người mới!

Trong khi các bạn thay đồ bà ba trắng, mang guốc vông, rửa mặt, chải đầu thì tôi đi xin má tôi 5 đồng bạc thủ trong túi để cùng họ ra chợ. 5 đồng cũng quá đủ cho tôi thỏa tình địa chủ (xin hiểu nghĩa “địa chủ” theo kiểu kiếm hiệp Kim Dung ngày nay): hủ tiếu xào, xuyết xủi xủi phé, cháo gà khuya, cà phê sáng mai và cả tiền xe đi về coi vợ cho thằng Qui!

Thằng Qui tuy mới học 3è année (đệ ngũ ngày nay), 16 tuổi nhưng đã có... mèo! Thật là một đáng tuổi trẻ tài cao.

Con mèo của nó là Sa, học lớp nhứt trường con gái chừng 14 tuổi, tuy không cá đấm nhận sa nhưng cũng làm điều đúng các bực anh hùng lồi xóm vì đôi mắt mơ màng... ác lắm.

Theo tất cả hiểu biết của tôi thì cuộc kỳ ngộ của nó với cô Sa cũng chẳng có gì ly kỳ.

Tiểu thuyết Bắc (Tự lực văn đoàn, Cộng lực, Tân Việt, v.v... cả kiếm hiệp **Văn Truyện** như Lục Kiếm Đồng, Chu Long Kiếm...) bọn học trò ở động 22 có nhiều vô số kể. Các cô hàng xóm tới mượn ào ào. Tụi nó đọc, gạch đít những đoạn mùi mẫn để “thuốc” lần hồi mấy cô, rồi khi nhắm đã vô đề mà không bị chửi, chúng bỏ 5 xu mua một cái bao thơ có cả giấy

màu thiết “luýt”, chép lại một bức thơ tình đã hợp soạn sẵn từ trước, nhét vô quyển sách cho mượn rồi hồi hộp chờ kết quả.

Tôi nói “hợp soạn” vì những bức thuộc loại “lancer ultimatum”, thơ đầu tiên, được nhiều thằng hợp lại soạn thảo vô cùng công phu. Tụi nó nghiên cứu hàng trăm quyển tiểu thuyết Việt lẫn Pháp, ghi chú những câu thiết “ác” đọc cảm động thấy mồ, bàn cãi ỏm tỏi cả mấy tuần lễ mới góp thành một bức thơ có đầu có đuôi hẳn hoi, mạch lạc, cú pháp, nội dung lẫn hình thức rất ư là quốc tế. Bức thơ được sao làm nhiều bản, công dụng của mỗi bản giống như toa thuốc gia truyền chữa bệnh hột xoài, ai cần dùng thì cứ chép mà xài, bảo đảm bá phát bá trúng. Nhiều thằng chép sẵn trên giấy đẹp để đó, khi tìm được giai nhân nào vừa ý là điền tên vào gói gấp cho đỡ tốn thì giờ. Nhiều thằng viết chữ như cua bò phải nhờ mấy thằng hạng nhất về môn “Écriture” chép giùm thủ sẵn trong bì tập, chờ dịp sử dụng. Tôi có hàng tá “formule” tuyệt tác cỡ ấy, xài suốt đời không hết nhưng bây giờ đã làm biếng viết, gặp cơ hội là xỏ “oral” thôi!

Cuộc tình duyên của thằng Qui cũng mở đầu bằng kiểu đó và cặp Qui - Sa cả thành phố đều hay. Chẳng biết kỳ bãi trường này nó òn ý ba má nó cách nào mà ông bà sai anh nó là anh Hai đại diện, dẫn phái đoàn đi coi mắt cô Sa cho nó.

Chiếc xe Peugeot 201 mang số CA tức là số xe hơi đầu tiên của Nam Kỳ quốc, chạy chừng ba chục cây số một giờ, thắng kèn kẹt hàng trăm thước mới đậu lại được, hơi nước từ đầu xe xông lên ngùn ngụt. Trong khi thằng lơ nhào xuống ruộng mức nước đổ thêm thì tụi tôi xách va li, cạt tạt hùng dũng tiến xuống bờ mầu, nhắm lũy tre xanh và hàng thốt nốt từ xa thằng xông.

Chừng nửa giờ sau là chúng tôi vào xóm. Tất cả con chó trong xóm đều ùa ra chỗ mổ hỏi han điếc cả con ráy. Trẻ con đưa thì ông bụng, đưa thì ở trường bông bé nhau tuôn ra con đường đất ngoằn ngoèo trở mắt nhìn chúng tôi rồi đi theo sau, hợp thành một đoàn đông đảo như đi tống gió. Tiếng chó sủa, tiếng người nạt chó lẫn với tiếng phê bình, bàn tán của các trẻ quê làm náo động một góc trời. Qua chừng năm cây cầu khi thì đến một ngôi nhà vách ván lợp lá ba gian, khá giả nhưt vùng này.

Đã được thằng Qui hẹn hò từ hồi nào, đàn gái đã chực sẵn trước nhà tiếp đón chúng tôi. Có lẽ họ biết trước phái đoàn gồm có những ai nên đàn bà con gái đều rút đi mất cả, chỉ có cô Sa lộ mặt ra cửa buồng rồi chạy ù xuống bếp mất dạng. Đàn ông cũng toàn trai trẻ, cỡ ba mươi trở xuống, độ năm, sáu người, sơ mi lụa Hà Đông, quần Tây tuyết-so, pal-pích hoặc fờ-la-

nen, ông rộng thùng thình, mới may chừng hai, ba năm trở lại thôi rất còn đúng “mode”.

Trà bánh được đem ra, chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn dài đàm đạo, nào là chuyện văn chương Tuyết Hồng Lệ Sử, Tố Tâm, đến Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân nóng hổi, nào chuyện xi-nê Danièle Darrieux, Marlène Dietrich, Dorothy Lamour, Jean Pierre Aumont, Robert Taylor, Jean Murat (các minh tinh này đã ăn trầu ngoáy hoặc đã ngửi cù đèo, cháu nội cháu ngoại đều vô đại học hết rồi). Hết văn chương, nghệ thuật, chúng tôi sang qua chuyện Đức mới đánh Pháp, nào Hít-le, Mút-xô-li-ni hầm hừ, nào chiến lũy Maginot tối tân của Pháp... Nói chuyện từ Đông sang Tây, trên trời dưới đất đến đúng bóng, chúng tôi mới được các đại diện chủ nhà cho biết cái “mơ-nu” thiệt hấp dẫn: chó hầm thuốc Bắc, chó xào lạng, ruột trường chó khía ngũ vị hương và mấy món chó vô cùng hấp dẫn khác, tráng miệng bằng thịt chó quay lăn bột nấu với trái táo, nấm mèo, tôm tắt là... chè chó! Chúng tôi được biết thêm đây là một con chó mực bằng bắp vế, lông mượt như nhung, khôn thấu trời, biết chảy nước mắt khi bị cột giò bỏ vô bao bố trần nước.

Tôi lén ra sau bếp xem sơ qua thì thấy hai ông già trần trụi trụi, quần vải đen vo đến gối đang bận rộn xào nấu, ông nào cũng có củ nừng sau ót, nội bấy nhiêu cũng đủ bảo đảm nghệ thuật nấu thịt chó của hai ông!

Thức ăn dọn ra, hương thơm ngào ngạt làm mọi người đều chảy nước miếng.

Trên một chục thanh thiếu niên đã tâm đầu ý hiệp sau ba giờ chuyện văn, chia ngôi chủ khách tấn công.

Ban đầu chúng tôi còn lai rai la-ve, kế đó là rượu nếp than rất là khiêm nhượng. Nhưng càng nói chuyện càng tâm đầu ý hiệp hơn nữa nên ông chú trẻ chừng ba mươi tuổi của Sa sau độ 15 phút suy nghĩ, quyết định giờ tám phủ bàn thờ đồ chó có thêu lưỡng long châu nguyệt, xách ra một cái hủ có bịt vải điều, trịnh trọng rót mỗi cậu một ly. Lẽ tức nhiên là chúng tôi hoan nghinh quá rồi, vì đó là thứ đế mà theo lời ông, đã chôn dưới đất năm năm mới móc lên hôm tết. Đến khoảng 3 giờ chiều thì hủ đế hơn ba lít đã được rót đến giọt cuối cùng.

Món “ruột cùn chó” dứt lò nóng hổi chấm dứt giai đoạn đồ mặn được mang lên, mùi ngũ vị hương thơm nức nồng. Anh Kiều Thanh Quế lật úp hủ đế, mặt đỏ gay, lè nhè nói giọng... líu lười:

- Rượu ngon... phải có... bạn hiền... nay đã... có bạn hiền... thì hết rượu ngon... Làm sao anh Tám!

Ông chú của Sa cũng đã... “đã” quá rồi, hùng chí tuyên bố:

- Ông bạn... đừng lo! Qua còn... cái thứ này... qua tính... để dành... đám giỗ ông ngoại con... Sa. Nhưng gặp... mấy chú... thì vàng y... qua cũng... cũng hồng tiếc, tiếc gì... một hũ... ngũ gia bì!

Tụi tui như tử, gần nằm mà nghe ba tiếng ngũ gia bì cũng rúng động tâm can, mắt sáng như đèn pha.

Ông Tám phát mỗi người một chung canh cáo:

- Thứ này là... thứ... dữ. Uống bằng chung... mới... kh...o...ái!

Anh Hai Huy tọp một miếng, khà một cái đến não lòng, rặn từ chữ hai câu thơ Lý Bạch:

- “Phanh dương, tể ngu ru thả vị lạc,
Hội tu nhất ẩm tam bách bôi”.

Và chúng tôi bắt đầu hát bản Tây khi món chè thịt chó lên tới.

Cái vị ngọt ngọt béo béo làm tôi mới nuốt mấy viên đã phát nhợn, sau bấy nhiêu thứ nào hầm, nào chả, nào chiên, nào xào, nào khìa, nào quay, cùng với tôm khô, củ kiệu, nem, bánh phồng tôm, la-ve, rượu nếp than, đế, ngũ gia bì. Tuy nhiên, tôi cũng cố gắng dần xuống và tiếp tục món “đét-xe” cho hết chén. Thằng Phái mặt tái mét chúng tỏ đã như tử cũng ráng khệnh khạng leo lên bộ ván gỗ gõ cây đàn “ghi-ta” treo trên vách, lên dây rồi rao vọng cổ. Thế là những bản Tây từ “Rè đơ dà múa” của Josephinc Baker đến “21 succès de Tino Rossi” đều dừng lại nhường cho anh cô Sa vừa xề lại ngồi ngang thằng Phái vô liền một câu vọng cổ nhịp 16:

... “Vì muốn cho nước thanh nhà an thì đành phải chịu chia uyên rẽ thúy...

“Bến sông Trương ai đi xui nổi... sóng... đoạn... trường... Gây nên niềm rẽ phụng lìa loan, nhìn mặt em ruột nát hồn tan... ly hận này thôi thì đành cam vạ kiếp... ơ...ơ...ơ!”.

Thiệt là thảm đạm! Nhứt là trong cái cảnh hoang tàn... Đế thiên Đế thích mây mâm thịt chó thừa thãi, chén đĩa, ly tách ngổ ngang, thực khách áo sơ mi, cà-la-oách xốc xếch, người mặt đỏ như Quan Công, kẻ xanh lè như Đon Hùng Tín, đầu cổ chôm bôm, mắt đỏ như tôm luộc...

Sau câu vọng cổ nào nè vừa dứt bằng một tràng pháo tay lẫn tiếng hoan hô vang dội thì thằng Trương đi băng xiêng, băng nai đến bàn thờ quờ quạng tìm rút một cây chun nhang để xĩa răng. Bỗng nó túm tấm lá

phủ bàn thờ ý chừng để giữ thăng bằng, rồi một tiếng... “ạ” nào nè làm tôi cũng nao nao trong ruột. Thằng Trưởng đã chịu hết nổi, trả tất cả những gì đã nhậu với những tiếng “ạ” vô cùng thâm. Cặp mắt lơ đãng, thằng Huê nặng nề lê gót đến bên bạn, khom xuống hỏi thằng Trưởng:

- Có... có... sao không... vậy?

Và nó chấm dứt câu thăm hỏi lồi thỏ chết, chồn rầu của nó bằng một tiếng “ạ” làm tôi rúng động cả tinh thần. Thằng Huê vói chụp tấm lá phủ điều để khỏi chói nhủi... Bỗng một tiếng “xoảng” nổi lên như bom nổ. Trời đất thiên địa ơi! Lư hương, chân đèn, ly nhạo đã rơi ngổn ngang xuống đất...

Tôi không còn dẫn được nữa cũng ôm bụng tuôn theo, tiếp đó là anh Kiều Thanh Quế, thằng Qui, thằng Phái và chẳng biết còn ai nữa!

Đánh hơi, một bầy chó không biết bao nhiêu con ào vào tranh nhau cao lương mỹ vị, cắn lộn loạn cả lên...

4 giờ chiều, tụi tôi quần áo đã chỉnh tề, kéo nhau ra lộ đón xe về như đoàn quân thất trận của Nã Phá Luân đại đế sau khi vây hãm thành “Mốt-cu”, xơ xác và thiếu não trăm bề.

Một tháng sau, tôi mới được thư của Qui cho hay rằng đàn gái đã chánh thức từ chối...

Từ đó, tôi không còn chút hứng thú nào khi nghe nói đến món “mộc tòn” nữa...

*

BỨC ẢNH

Cửa thang máy vừa mở, Nho theo bạn bước ra. Anh có hơi bối ngỡ trước một hành lang giữa hai dãy phòng dài dằng dặc, vì đây là lần đầu anh đặt chân đến một buyn-đỉnh tối tân của đô thành. Ánh sáng mát dịu từ những mảnh kiếng đục trên trần hắt xuống, hơi lành lạnh toát ra từ những gian phòng cửa kiếng bày biện lòe loẹt lạ mắt làm Nho có cảm giác như đang ở trên một quốc gia xa lạ.

Phán bảo:

- Tôi ghét ở chỗ khít nhau như thế này nhưng ở đây nhờ phòng lạnh nhà nào, nhà nấy đều đóng cửa nên cũng đỡ rầy rà.

Phán dừng lại trước một cánh cửa gỗ sơn trắng; tra chìa khóa vào ổ vặn hai lần. Lối chung dọn trong phòng giản dị nhưng sang trọng: một bộ ghế sa-lông nệm xanh, đỏ, vàng kiểu lập thể, lưng dựa, chân ghế là những hình kỷ hà sắc bén, táo bạo được đặt ở góc phòng bên mặt, cạnh cửa sổ; trong góc phòng tận cùng bên trái là chiếc bàn viết mặt cong kiểu “Tổng trưởng”, dưới mặt bàn, phía trước là một hàng sách Anh, Mỹ, Pháp đưa gáy ra ngoài; một chiếc tủ kiếng thấp, dài nằm xuôi với tường bên mặt chứa đầy những chai rượu ngoại quốc đắt tiền; trên tường treo mấy bức tranh sơn dầu của các họa sĩ Âu châu, nét vẽ điêu luyện, màu sắc sặc sỡ.

Phán kéo bức màn nhung vàng che cửa sổ sang bên để có thể nhìn ra hành lang, cho máy lạnh chạy rồi cười hỏi Nho:

- Anh uống gì? Vẫn Vermouth-Cassis như xưa phải không?

Nho cười:

- Hăm mấy năm nay mà anh còn nhớ! Lâu lắm tôi không uống thứ đó nhưng bây giờ lại muốn uống!

Phán đi lấy hai chai rượu đến, rồi vào trong mở tủ lạnh, cạy nước đá bỏ vào xô và lấy hai ly mang ra:

- Tôi có thằng ở nhưng không muốn nó thức dậy làm rộn chúng mình!

Vừa pha rượu, Phán bảo tiếp:

- Gặp anh, tôi mừng quá! Thấy anh, tôi nhớ lại đoạn đời học sinh của mình hồi hai mươi mấy năm về trước!

Nho bỏ nước đá vào ly, mỉm cười:

- Tôi cũng vậy. Thấy anh, tôi nhớ đến thời kỳ chúng ta sống chung nhau trong một căn phố hẹp đường “Quatre Congrégation” ở Cần Thơ!

Rồi anh chép miệng:

- Chưa chi mà anh đã 40, tôi 38! Hăm một năm qua ta mới gặp lại nhau!

Phán châm thuốc, ngả lưng ra thành ghế, có vẻ nghĩ ngợi:

- Ủ! Chưa chi mà hăm một năm đã trôi qua!

Rồi anh ngồi lên, nâng ly:

- Uống anh!

Nho tợp một ngụm rượu, đặt ly xuống bàn, ngậm một lúc mới nuốt. Cái vị ngày xưa thơm thơm ngọt ngọt đưa anh trở lại thời 17 thơ ngây. Anh thấy rõ con đường nhỏ hẹp của cái tỉnh miền Tây trên đó mỗi sáng, mỗi chiều anh cùng bạn cấp sách đi về; Phán học lớp đệ tứ, Nho lớp đệ tam niên tại trường công lập duy nhất cho các tỉnh miền Tây. Con sông rộng sáng loáng dưới ánh mặt trời ngày xưa êm đềm chảy trước mặt anh. Tiếng Phán vang to trong yên lặng:

- Anh nghĩ gì mà đờ người ra như vậy?

Nho hơi giật mình, gượng cười:

- Tôi thấy con đường “Quatre Congrégation” và sông Bassac.

Phán cười to:

- Tưởng gì, chớ những cái đó thì tôi thấy mãi trong chiêm bao, giữa thành phố Paris hay Londre! Tôi thấy cả những bông dừa ở Bung-ga-lô dưới trăng và cả chị em cô gái ở ngang chúng ta thuở đó!

Nho cũng cười:

- Tôi cũng thế!

Phán hỏi:

- Ô! Còn chị em cô gái ấy, anh có thường gặp không?

- Thịnh thoảng gặp cô chị nhưng cô em thì không!

- Cô ấy còn đẹp không, có già nhiều chưa?

- Cao hơn ngày xưa một chút, vẫn còn đẹp, chưa thấy già bao nhiêu.

Phán uống một hơi cạn ly, rót thêm cười:

- Có chuyện vãn gì không?

Nho đốt thuốc, lắc đầu:

- Nhìn nhau như kẻ xa lạ; rồi đường ai nấy đi vì mình có quen lớn gì với họ đâu!

Phán gạt gù:

- Anh tới già vẫn còn nhút nhát, hồi nhỏ tuy không quen nhưng vẫn là hàng xóm, anh cứ chào một lần là quen ngay chớ gì!

Nho cười, anh nhìn nhận rằng đến nay, gần bốn mươi tuổi, tâm tánh mình cũng chẳng khác xưa bao nhiêu, vẫn rụt rè như cậu bé học sinh trung học thuở nào.

Bỗng chàng để ý đến bức ảnh bán thân của một thiếu phụ Âu châu rất đẹp và hai con, một trai, một gái, chụp chung với Phán:

- Vợ con anh vẫn còn ở Londre?

Phán nhìn anh, hơi buồn:

- Còn ở bên, ông già, bà già tôi có một hiệu bán nhạc cụ, vợ con tôi ở chung đó.

- Anh định bao giờ thì cho về Sài Gòn?

- Tôi mới về một tháng nay, để kiếm nhà cửa xong xuôi sẽ gửi thư cho tụi nó qua!

- Anh mới có hai con à?

- Ủ! Con gái lớn được tám tuổi, thằng nhỏ được năm tuổi!

Và anh nhìn Nho:

- Còn anh, mấy con rồi?

- Bốn, thằng lớn năm tuổi, đứa nhỏ mới một tuổi.

- Sanh năm một à? Mấy trai, mấy gái?

- Ba trai, một gái! Chiều mai anh đến dùng cơm chung với chúng tôi để thấy cái đám “Nho” tí hon của tôi!

Phán gạt tàn thuốc:

- Ủ! Đến chớ! Chắc tụi “Nho con” đẹp lắm, đẹp như cái đám “Phán con” của tôi! Tôi tin chắc như vậy!

Nho cười:

- Mai tới sẽ rõ!

- Chị Thu năm nay có lẽ cũng vẫn đẹp như chị Thu ngày xưa phải không? Tôi chắc anh và chị Thu đến nay vẫn là một cặp vợ chồng sung sướng nhất thiên hạ.

Nho hơi ngơ ngác, bỗng anh hiểu, lắc đầu:

- Không! Vợ tôi không phải là Thu!

Phán đang dập mẩu thuốc lá, ngạc nhiên, ngưng tay, nhìn bạn như dò xét. Nho vẫn thản nhiên, nhìn bạn mỉm cười. Phán nhận thấy gương mặt bạn tròn trịa, no đủ hơn xưa, nước da hơi sạm hơn một chút nhưng nụ cười vẫn như thế, vẫn trẻ trung, thành thật, với đôi hàm răng trắng tinh, đều đặn. Anh tựa lưng vào thành ghế, trầm ngâm, cố tìm hiểu. Cả một dĩ vãng êm đẹp hiện ra qua nụ cười hồn nhiên của người cũ.

Sáng nay đi chơi về, Phán có vẻ hí hửng và bí mật, Nho nhận thấy ngay ở bạn dáng điệu ấy và biết rằng bạn đã gặp một chuyện gì dính dáng đến mình nhưng giả bộ như không chú ý. Một lúc sau, Phán đến ngồi bên chàng và bảo, hững hờ:

- Tao có cái này ngộ lắm! Thằng nào bao một cái cà phê nước đá, tao cho coi!

Nho cười, không đoán ra cái gì.

Nho và Phán là đôi bạn thân, gặp gỡ nhau dưới mái trường trung học đã ba năm nay. Nho ở Trà Vinh, Phán ở Rạch Giá. Cuối năm học vừa qua, Phán và Nho rủ nhau leo tường nhà trường đi dự một dạ hội có khiêu vũ, khi trở về giám thị bắt được nên cả hai bị đuổi khỏi nội trú. Vốn con nhà khá giả, đôi bạn hùn nhau mỗi người 3 đồng bạc mượn căn phố đường "Quatre Congrégation" và đóng tiền cơm mỗi tháng 10 đồng một người ở nhà hàng Ngọc Lợi gần đó. Đôi bạn sống với nhau một cách đầm ấm, tiền của Nho là tiền của Phán và tiền Phán là tiền của Nho. Mỗi khi túng bán vì tiền nhà gởi đến không kịp thì họ lại lột cà rá, đồng hồ tay ra cầm đỡ và xài với nhau. Căn nhà của hai cậu trai lẽ tất nhiên rất bày bầy, sách vở, mùng mền, giầy vớ lung tung. Hai người hẹn nhau không bao giờ tiếp bạn gái - nếu có - tại nhà nên cái bày bầy ấy không làm chướng mắt ai cả!

Tâm sự của người này, người kia đều biết. Mà tâm sự của họ thật nhiều trong những lúc rảnh rang, họ kể cho nhau nghe. Tất cả đều là những cuộc gặp gỡ bất ngờ, những mối tình thơ mộng mà họ thêu hoa dệt gấm cho đẹp đẽ, hoặc bi đát, trong khi sự thật chưa đến một phần trăm! Nhưng họ rất tin nhau, sẵn sàng nghe và sẵn lòng chia sẻ những sướng khổ gần

hết là tưởng tượng của nhau. Phán biết rằng gần đây Nho yêu một... bức ảnh ở tiệm ảnh đường Delanoue. Mỗi chiều, dùng com xong, trong khi đôi bạn dạo phố, thế nào Nho cũng kéo Phán đi đến hiệu ảnh, dừng lại bên tủ kiếng nhìn tấm ảnh cỡ 13x18 của một thiếu nữ có vẻ đẹp dịu hiền mà cả hai đều không biết là ai. Nho mê bức ảnh ấy và óc tưởng tượng phong phú đã dệt cho Nho những giấc mơ tuyệt đẹp. Biết tâm sự của bạn, Phán cố gắng điều tra nhưng vô ích! Thiếu nữ ấy không có trong giới học sinh của thành phố và cũng chẳng ai thấy nàng ở đâu cả! Những bạn bè của hai chàng từ các tỉnh miền Tây đến học tại trường trung học Cần Thơ cũng chẳng biết thiếu nữ ấy là ai!

Thái độ bí mật của Phán hôm nay chắc phải có dính dáng xa gần gì đến người đẹp nhưng Nho không đoán được là dính dáng mức nào!

Phán bảo thêm:

- Tao nói cái cà phê nước đá là giá chót, chớ đáng lẽ mày phải đãi tao một bữa hủ tiếu sáng và một bữa đồ Tây chiều có cả Vermouth-Cassis mới đáng công tao!

Nho cười:

- Sao cũng được! Đâu, cái gì đó, cho tao coi đi!

Phán ra vẻ bí mật:

- Chẳng những tao cho mày coi, mà tao cho luôn mày nữa! “Suyt-phé” liền tức khắc nghen! Chiều nay đồ Tây, sáng mai hủ tiếu, được chưa?

Đồ Tây, tức là những món ăn do anh Hải Nàm bán ở sân chợ Cần Thơ vào buổi tối.

Nho gật đầu:

- Đồng ý! Nhưng phải đáng mới được đa!

Phán đưa tay cho anh ngoéo, tức là hứa hẹn không đổi ý, rồi trịnh trọng móc bóp lấy ra một bức ảnh 4x6, chặn ngón tay cái lên mặt ảnh, kéo nhẹ để lộ ra từ mái tóc đến con mắt như người “nặn” nút bài cào. Nho nóng ruột giằng tay bạn nhưng Phán rút tay giấu ra sau lưng, bảo:

- Thùng thẳng, đừng nóng! Một ly “suyt-phé”, hai tô hủ tiếu, ba đĩa đồ Tây của tao chớ không ít. Mà rách cái ảnh này thì đời mày tàn luôn!

Nho đành phải nuốt nước bọt mà chịu đựng cái trò của bạn. Phán kéo ngón tay cái xuống khỏi mặt bức ảnh:

- Biết ai chưa?

Thật ra thì Nho vừa đoán biết đó là ảnh của ai nhưng lắc đầu cười, giữ vẻ bình tĩnh:

- Chưa!

- Nói trúng đi, tao cho lại một đĩa đồ Tây! Ăn hai đĩa thôi!

Nho cười:

- Tao cho mày ăn thêm hai chén đồ ngọt thưởng công mày!

Phán cười đắc chí:

- Mày thông minh lắm nhưng ai?

- “Nàng” của tao!

- Đúng rồi!

Và anh chìa bức ảnh cho Nho: Nho vô lấy ảnh, xem mặt trước rồi lật ra mặt sau. Nhìn thấy dấu gỗ từ tập ảnh ra, Nho hỏi bạn:

- Mày ăn cắp dưới tiệm ảnh à?

- Bậy mày!

Rồi cười:

- Tao cũng muốn ăn cắp lắm, ngặt có cái là không biết làm sao.

- Chớ ở đâu mày có?

Phán kể lại “lịch sử” bức ảnh. Sáng nay anh đến nhà một người bạn, Phong, cũng học một lớp. Trong khi nói chuyện, anh tò mò mở tập ảnh của em gái bạn học ở Nữ học đường Sài Gòn và gặp bức ảnh này. Em Phong bệnh nên về nhà chữa trị, đang nằm tại bệnh viện thành phố.

- Tao năn nỉ thằng Phong gãy lưỡì, nó mới cho mượn. Tao hẹn vài hôm trả lại.

Nho thất vọng:

- Sao không xin luôn nó?

Phán bủi môi:

- Xin sao được, của em nó chớ bộ của nó sao?

- Rồi bây giờ làm sao đây?

Phán nhìn dáng điệu thiếu não của bạn, phì cười:

- Mày ngu lắm! Đem ra tiệm biếu nó chụp lại, rồi mượn rợi đem về thờ, bao lớn lại chẳng được! Ít các bạc, ăn thua gì mày!

Anh đứng lên:

- Thôi, đi uống cà phê cho rồi! Vụ chụp lại tao lo cho!

Từ ngày có bức ảnh cỡ 13x18, Nho tung tiu như một của quý. Anh mua một chiếc khung rất đẹp cho bức ảnh và đặt trên bàn viết. Không hôm nào là Nho chẳng ngồi thờ người hăng giờ nhìn gương mặt đẹp dịu dàng, nụ cười hiền hậu nở trên đôi môi tuyệt xinh. Anh dẹt biết bao mộng đẹp cho tương lai mình. Phán không còn trêu anh bằng hai câu thơ của Lưu Trọng Lư nữa:

“Chẳng biết tên nàng, biết tuổi nàng,
Mà sầu trong dạ đã mang mang!”.

Nho phải nhìn nhận rằng hai câu thơ của thi sĩ rất hợp với tâm trạng mình. Nho cho rằng dẫu thế, mình vẫn ít điên hơn vài thằng bạn khác đã mê Deana Durbin hay Danielle Darriex! Hơn nữa, Nho đã biết tên, biết tuổi người đẹp nhờ Phong điều tra giúp. Nàng tên là Vương Bích Thu, con của một ông chủ hiệu chụp phôi người Quảng Đông ở Cái Răng, 16 tuổi, hiện học đệ nhị niên Nữ học đường. Anh và Phán đã vào tận Cái Răng để biết căn tiệm của “nàng”, mặc dầu “nàng” không có nhà.

Hình ảnh Thu lúc nào cũng lớn vờn trong đầu Nho. Nho đọc sách rất nhiều. Những quyển Paul et Virginie, Manon Lescaut, Graziella, Mayerling, Werther, Romeo et Juliette, Tố Tâm, Hồn bướm mơ tiên v.v... và những tập thơ của Lamartine, Baudelaire, Verlaine, Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ v.v... đã trở nên những quyển sách gối đầu nằm của chàng. Những tưởng tượng của Nho đã hiện thành truyện ngắn và thơ, đăng trên vài tuần báo lớn trong Nam, ngoài Bắc, được các bạn rất hoan nghinh và thầy học cũng kiêng nể. Cũng như Elvire của Lamartine, Vương Bích Thu là nàng thơ của Nho. Những vần thơ nhẹ nhàng, sáng sủa của anh đã được nhiều nam nữ học sinh khắp nơi chép vào tập. Các bạn Nho nhìn anh bằng đôi mắt thán phục và tin rằng anh có điểm phúc hơn họ, sống những giờ êm ả bên một nàng tiên diễm kiều vì những vần thơ đóng khung cẩn thận trên các báo!

Trưa nay, một sự kiện đã xảy ra ngoài sự tưởng tượng của Nho. Bích Thu hiện đến với chàng bằng xương bằng thịt giữa lúc Nho không ngờ tới bao giờ.

Phán nằm trong buồng học bài.

Nho ngồi bên bàn viết cạnh cửa sổ ở phòng trước, đọc lại tập thơ gồm hơn ba mươi bài do anh sáng tác. Cũng như Elvire của Lamartine, Bích Thu, một Bích Thu sản phẩm của tưởng tượng thuần túy đã len lỏi vào thơ Nho. Anh đã hình dung tất cả trường hợp mà cuộc tình duyên của anh và Bích Thu có thể xảy ra.

Nho rất thích thú với những vần thơ trong sáng của mình và nhiều bài đã được đăng trên các tuần báo với dòng đề tặng: (Gửi Bích Thu, người đẹp không quen).

Anh ngâm nho nhỏ bài “Mùa hè”:

Hôm nay trời đổ mưa,
Gió hè về vi vút,
Đôi gà con bơ vơ
Co ro bên khóm trúc.

Vài cây rau vươn mình,
Vật vờ theo chiều gió,
Đôi sáo ngàn xinh xinh
Đụt dưới cành phượng đỏ.

Tiếng mưa rơi tí tách,
Nhắc anh nhớ đến em,
Một chiều xa xôi lắm,
Cùng nhau ta vừa quen

Em mặc chiếc áo tím,
Trang phục Nữ học đường
Trông em yêu yêu quá,
Nhìn em anh lặng yên.

Thấm thoát đến hôm nay,
Cũng ngoài trời mưa bay,

Em còn ở trường học,
Anh ngồi nhà, mơ ai!

Em ơi! Anh muốn lắm,
Sống lại những ngày qua.
Em mặc chiếc áo tím
Cùng anh nhìn mưa sa!

Trong bài “Xuân lạnh”, Nho thích nhất mấy câu:

Ngoài sông đôi bướm lượn,
Hoa lá trĩu nặng cành,
Đường tôi, người vắng bóng,
Còn đâu nữa ngày xanh!

Nếu chẳng đặng cùng nàng
Tựa đầu bên cửa sổ
Nhìn chiếc én bay ngang
Thi xuân về chi nữa!

Sau một cuộc đi chơi ở đồng quê, Nho đã tưởng tượng đến một cuộc chia tay áo nã:

... Đưa tay anh vẫy em lần chót
Từ giã nơi anh sống những ngày;
Kìa mái nhà xanh rêu phủ kín,
Đôi bồ câu trắng chập chờn bay.

Hỡi hoa phượng đỏ phô màu thắm,
Hỡi đám tre già rũ tóc xanh,
Hỡi chiếc cầu vồng trên nước trắng,
Hỡi làn khói biếc, nắng vàng hanh!

Hãy lướt vào trong đôi mắt ta

Những màu tươi thắm của muôn hoa,
Của bao vẻ đẹp bên người đẹp,
Để sống gần em khi cách xa!

Mộng và thực chen nhau trong lòng Nho và đâu đâu anh cũng thấy thấp thoáng hình ảnh Bích Thu.

Bỗng tiếng gõ cửa vang lên trong lặng lẽ. Nho giật mình nhìn lên. Anh luống cuống bỏ tập thơ xuống bàn đứng lên, tim đập thình thịch như muốn tung vỡ lồng ngực. Máu dâng lên đầu. Nho thấy nóng ran ở mặt, ở đôi tai. Anh muốn chụp bức ảnh trên bàn giấu đi nhưng không kịp nữa: Bích Thu hiện ra trước ngưỡng cửa, đứng bên nàg là một người đàn bà độ tuổi bốn mươi. Nho biết đó là dì Thu vì anh đã có tất cả tài liệu về gia đình Thu. Nho bước tới, cúi đầu chào hai người. Anh biết chuyện không thể cứu vãn được đang xảy đến có thể tổn thương đến danh dự mình. Nho thoáng thấy tất cả hậu quả hôm nay và đoán biết ngay tại sao Thu biết anh có bức ảnh của nàg mà đến.

Nho hồi hận vô cùng. Cách nay một tuần, cô gái bên cạnh có đến nhà anh mượn một quyển sách. Cô nhìn lâu bức ảnh. Chắc chắn cô gái ấy biết Thu và đã nói chuyện với dì Thu.

Trong vài giây đồng hồ, Nho nhận thức được tất cả và có ngay những câu trả lời gỡ rối. Nhưng Nho rất ngạc nhiên vì trong giờ phút nghiêm trọng tai hại ấy, bỗng nhiên anh thấy bình tĩnh trở lại và có thể phân tích được cảm giác trong lòng mình. Nho thất vọng vô cùng. Bích Thu trước mắt anh không giống với người trong mộng. Nàg vẫn đẹp, vẫn dịu hiền nhưng có hơi ốm hơn và cao hơn “Bích Thu của anh” một chút. Nếu không có sản phẩm tượng tượng quá quen thuộc, quá thân mật, quá hoàn toàn, có lẽ Nho cũng rất hài lòng với Bích Thu trước mắt!

Tiếng Thu cất lên, nhỏ và êm đềm:

- Anh có phải là Nho không?
- Chính tôi! Bà và cô... có chuyện chi?

Thu có vẻ bối rối ra mặt, nhìn sang dì như cầu cứu. Có lẽ nàg không đủ can đảm đi ngay vào vấn đề trước dáng điệu tự tin của Nho. Trong bộ y phục vải trắng sạch sẽ, Nho là một thư sinh đứng đắn, gây được sự nể nang trong lòng người đối thoại. Dì Thu nhỏ nhẹ bảo, tay chỉ ảnh Thu trên bàn:

- Tôi nghe nói cậu có bức ảnh của con tôi?

Dù rất tự tin, Nho vẫn lúng túng, mặt đỏ như gấc:

- Dạ...!

Thu rụt rè hỏi:

- Ở đâu anh có?

Nho đã trấn tĩnh và nhất định không bỏ mất cơ hội:

- Tôi thấy bức ảnh đẹp trong album của tiệm ảnh nên lấy về để... nhìn!

Đến phiên Thu lúng túng. Nàng nhìn dì như phân bua: “Đó dì xem, con có cho... anh ấy đâu”!

Dì Thu cười dễ dãi:

- Cậu mua hay lấy đại của người ta?

- Tôi... lấy đại!

Dì Thu gật đầu:

- Tưởng tiệm chụp ảnh mà bán ảnh con thì tôi không nghe cho họ đâu!

Thu bảo nho nhỏ:

- Anh làm ơn cho tôi xin lại.

Nho không biết nói gì hơn, ngập ngừng bảo:

- Cô cho phép tôi gói lại.

Và anh miễn cưỡng gói bức ảnh trả lại Thu.

Thu cầm ảnh ngây thơ bảo:

- Anh làm tôi bị rầy dữ lắm, vì người ta bảo tôi cho anh bức ảnh này!

Nho nhìn Thu với đôi mắt thiết tha:

- Tôi thành thật xin lỗi Thu nhưng xin Thu hiểu cho rằng vì tôi yêu cái đẹp của ảnh Thu mới đem về nhà! Và tôi chưa hề khoe khoang... bậy bạ với ai!

Dì Thu cười:

- Thôi đi về con!

Và chào Nho:

- Tôi về, cậu!

- Chào anh!

- Dạ! Chào bà, chào cô!

Nho biết rằng Phán nghe tất cả câu chuyện nhưng anh té nhị, giả bộ như ngủ say.

Còn một mình trong phòng, Nho vừa thẹn vừa thẫn thờ tiếc bức ảnh. Nhưng vốn là một học sinh thông minh, anh nhất định dùng sở trường của mình là văn chương để gỡ danh dự. Anh biết không sớm thì muộn câu chuyện này sẽ bay ra trong giới học sinh và đó là một tấm tiếm xấu, một vết nhơ của mình. Nho có liền kế hoạch “chuyển bại thành thắng”, biến mộng thành thực. Anh tin mình sẽ thành công.

Nho lấy một tờ giấy viết thư loại đẹp, đặt trên một tờ giấy than và giấy trắng thường để giữ lại bản nhí, rồi hí hoáy viết. Chủ ý của Nho là nhân mạnh vào tình cảm của Thu:

Bích Thu,

Tôi không ngờ gặp Thu lần đầu tiên trong một trường hợp không danh dự gì cả cho tôi như hôm nay. Thu lấy lại bức ảnh của Thu, lẽ tất nhiên tôi phải trả vì tôi không có quyền giữ một vật mà tôi không có chủ quyền.

Thu có biết đâu rằng mất ảnh ấy, tôi cảm thấy mất tất cả lẽ sống và sự trống trải đang chiếm cả tâm hồn tôi. Dẫu chưa bao giờ có hân hạnh biết Thu nhưng tôi đã yêu Thu qua bức ảnh. Tôi đã nâng niu bức ảnh ấy, dẹt biết bao nhiêu mộng đẹp với bóng dáng Thu trong khi Thu vẫn ngây thơ sống vô tư lự dưới mái trường và tâm hồn trong trắng của Thu không bao giờ ngờ rằng ở cái tỉnh nhỏ hẹp này có một thiếu niên đã mơ Thu bất kỳ giây phút nào. Thu nào biết lúc này tôi vô cùng đau đớn phải xem Thu và bị Thu xem như người xa lạ, trong khi đối với tôi, Thu là tất cả. Thu đã lấy lại bức ảnh nhưng Thu làm sao lấy được hình bóng Thu đang ngự trị như một nữ hoàng kiêu diễm, quyền lực vô biên trong hồn tôi! Tôi vẫn sống với Thu trong mơ và dẫu Thu muốn hay không, Bích Thu do tôi tưởng tượng vẫn còn của tôi, vẫn sống thân mật trong lòng tôi. Nhưng mĩa mai thay, Bích Thu bằng xương bằng thịt lại xem tôi như thù địch.

Giờ đây, Thu đã rõ địa vị của Thu trong tâm hồn tôi, tôi tha thiết xin Thu hãy trả cho tôi bức ảnh ấy vì đối với tôi, nó rất thân mật. Lấy đi, tức là Thu đã có một hành động tàn ác không hợp với người đẹp thù mị như Thu. Tôi mong sẽ thấy bức ảnh thân yêu của tôi trở về với tôi và tôi tin rằng Thu sẽ không hẹp lượng. Vì tôi có dám xin Thu điều gì quá đáng đâu!

Trân trọng chào Thu,

Trần Phong Nho

So 12, Quatre Cangrégations-Cần Thơ.

Nho lấy một bao thư, bỏ thư và có lời đề tặng Thu những bài thơ cắt trong báo vào đó rồi mang đến gần nhà người bà con của Thu để chờ Thu vì anh đoán rằng Thu hãy còn ở đó.

Nho đoán không lầm. Đứng bên hè phố một lúc sau thì Thu đi qua. Nho đón nàng lại:

- Tôi xin lỗi Thu một lần nữa vì đã làm Thu bị rầy oan. Tôi xin trả hết cho Thu tất cả những vật mà Thu không ngờ tôi còn giữ!

Thu ngỡ ngàng, do dự nhưng vẫn lấy phong thư, ngập ngừng bảo:

- Tôi cũng lấy làm tiếc chuyện xảy ra hồi trưa. Anh nên xem như đã qua hết rồi!

Và nàng hấp tấp chào Nho bước đi.

Liên hai hôm sau câu chuyện ấy, mỗi sáng mỗi chiều Nho đều mong ngóng người đưa thư. Nhưng người ấy thân nhiên chào Nho đạp xe đi mất. Sang ngày thứ ba, Nho sốt ruột lắm. Anh không thể làm trật bài toán: Thu có thiện cảm ít nhiều ngay trong bữa trưa gặp gỡ, chắc chắn tinh thần nàng đã bị lung lạc bởi lời lẽ và bức thư của anh. Thu phải xúc động lắm và nếu không có gì trắc trở thì nàng phải trả lời cho Nho. Anh tin điều ấy như hai với hai là bốn. Nàng phải trả lời cho anh và bức thư phải tới nội hôm nay. Đã mấy lần Nho lật sách bóí chẵn lẻ xem dự đoán của chàng đúng hay không, song anh không bằng lòng mỗi khi bóí trật!

Nho tự đưa ra những giả thuyết: bức thư của chàng bị gia đình Thu bắt được và nàng bị canh chừng gắt gao, không thể viết được cho mình chẳng? Nhưng dầu sao câu trả lời vẫn phải do người đưa thư!

Kìa người ấy đã tới, dựng xe đạp và đi vào gian nhà ở đầu dãy phố. Nho không muốn người ấy biết mình đang trông y. Anh ngồi trên bao lơn trước nhà giả bộ đọc sách nhưng sự đi lại của người ấy vẫn không qua mắt anh. Người ấy đi tới. Nho muốn quay lại hỏi ngay, song không đủ can đảm. Người ấy bước vào căn phố gần đấy rồi trở ra ngay, đi đến Nho, vui vẻ:

- Cậu có thư đây. Mấy hôm nay không đi học à?
- Lễ Paques, nghỉ một tháng!
- Không về quê sao?
- Chơi vài hôm mới về!

Nho cầm bức thư, tim chàng đập liên hồi khi nhìn tuồng chữ nhỏ nhắn là lạ ngoài phong bì. Anh biết chắc đó là thư ai và cảm thấy rằng tất cả danh dự và hạnh phúc của mình đều đặt trong thư ấy. Người đưa thư đã lên xe đạp đi khỏi xa rồi, Nho cẩn thận lấy dao con trong túi rọc vén khéo phong bì. Tờ giấy mỏng màu xanh được rút khỏi bao, Nho run run mở ra, như muốn đọc một lượt tất cả bức thư gồm mười dòng chữ tím nhỏ nhắn xinh xinh:

Cái Răng, ngày.

Anh Nho,

Tôi rất ân hận vì đã làm anh buồn. Nhưng anh nên hiểu đó là ngoài ý muốn tôi. Ba và dì tôi bắt buộc tôi phải lấy bức ảnh lại. Bị nghi oan, tôi phải theo dì đến nhà anh. Đọc thư anh, tôi biết anh buồn lắm. Trước kia tôi giận anh nhưng sau khi gặp anh rồi đọc thư anh, tôi đã hiểu anh. Tôi muốn trả lại bức ảnh cho anh nhưng sợ vượt khỏi lễ giáo gia đình. Vậy anh nên thừa lại với ba má anh, nhờ người đến nói chuyện chánh thức với ba và dì tôi. Lễ hứa hôn xong thì anh muốn mấy bức ảnh cũng được, như thế danh chánh ngôn thuận hơn.

Chào anh,

Vương Bích Thu

T.B. – Anh đừng gửi thơ lên trường cho tôi, bà tổng giám thị bắt được thì khổ lắm.

Nho thở ra nhẹ nhõm. Nắng như bùng sáng lên. Lòng kiêu hãnh của anh đã được thỏa mãn. Nho lắng nghe lòng mình và cảm thấy một cách ngạc nhiên rằng mình không bị xúc động chút nào cả. Anh không còn ngờ vực gì nữa: Bích Thu lý tưởng của anh và Bích Thu trong thực tế là hai người khác biệt nhau rõ rệt! Nho mỉm cười với cô gái bên cạnh, đầu dây mối nợ của chuyện này! Hôm ấy, Nho thấy cô nấp bên ngoài nhìn vào nhà và hôm nay, cô đã lên quan sát Nho! Anh muốn đến thành thật cảm ơn cô vì chính cô đã cho anh sự thỏa mãn này.

Phán đi chơi vừa về tới. Thấy vẻ mặt Nho và phong thư, anh cười hỏi nhỏ:

- Thư của Bích Thu phải không? Tao sắp được ăn đồ Tây và uống cả Vermouth-Cassis chiều nay rồi!

- Sao mày biết? Nho tươi cười hỏi.

- Cái mặt của mày như có dán nguyên tấm “áp-phích”, thấy là đọc được ngay đáy tim mày! Tao biết mày thành công mà!

Phán chậm rãi đốt điếu thuốc khác, uống một hớp Vermouth-Cassis rồi nhìn Nho:

- Nói vậy anh không cưới Thu?

Nho vẫn cười gật đầu.

- Tại sao vậy? Cuối niên học ấy tôi đi Pháp, ngỡ rằng cuộc tình duyên của anh và Thu đã quyết định như thế rồi. Có gì trắc trở không?

Nho rót thêm rượu, đốt thuốc trong sự nóng lòng của bạn. Anh nhìn thấy vòng khói vờn trước mặt, một lúc sau mới bảo:

- Tôi chắc chỉ có anh mới hiểu được tôi! Tôi đã sống quen với Bích Thu trong mộng và Bích Thu thực tế rất xa lạ đối với tôi lúc ấy. Tôi chỉ bố trí để chinh phục Thu cho lòng tự ái khỏi bị tổn thương và ngưng ở đó. Năm sau, tôi ra Huế học rồi đi Hà Nội. Vì tự ái, Bích Thu cũng chẳng nhắc nhở gì đến việc hôn nhân. Tôi theo những bóng đẹp khác và hàng chục người đẹp đã qua trong đời tôi. Nhưng tâm hồn tôi đã vậy, biết làm thế nào.

Phán gật đầu:

- Tôi hiểu anh vì tôi cũng có trong tâm hồn chút đỉnh chất nghệ sĩ như anh. Chúng ta yêu cái đẹp chứ không yêu người!

Bỗng Phán hỏi Nho:

- Có khi nào anh hối hận vì đã phá rối Thu không?

Nho gật đầu:

- Chẳng những tôi hối hận với Thu mà còn hối hận với bao nhiêu người đẹp khác đã đau khổ vì tôi. Nhưng có lẽ họ tha thứ cho tôi vì chưa bao giờ tôi đi quá giới hạn thường thức cái đẹp.

Phán cười:

- Anh có nhận thấy rằng thiếu nữ Sài Gòn ngày nay đẹp bằng một ngàn lần những người đẹp của mình ngày trước không?

Nho cũng cười đứng lên:

- Tôi nhận thấy điều ấy trước anh rất lâu và bằng lòng đổi tất cả sản nghiệp để lấy lại cái tuổi hăm lăm.

Cả hai cùng cười to, thông cảm.

- Chiều mai anh đến, nhớ không?

- Nhớ chứ! Phải đến để xem những cậu “Nho con” của anh có tương lai hấp dẫn gì không?

*

BÀ TIÊN

TÂN TRUYỆN MỚI NHỨT CỦA QUỐC AN

Chưa bao giờ bé Đậu thấy thích như hôm nay.

Bé nhớ mình rời khỏi cái chòi lá lụp xụp ở Xóm chùa, cạnh một con rạch xông mùi hôi thúi mỗi khi nước cạn, vào lúc trời hãy còn sáng. Má bé đau cả tuần nay. Mỗi sáng, má còn ráng đi gánh nước cho một ít nhà trong xóm, kiếm tiền mua nửa lít gạo nấu cháo cho hai má con ăn buổi trưa lẫn buổi chiều. Nhưng hôm nay thì má trùm mền nằm suốt ngày, mắt nhắm kín như ngủ, thỉnh thoảng rên hi hi. Đến trưa, bé đói quá, gọi má dậy nấu cháo nhưng má vẫn nhắm mắt không trả lời. Lay gọi mãi má không dậy, bé nằm chèo queo bên cạnh má rồi ngủ quên. Bé thức dậy thì thấy thằng Tính, con Tám ở nhà ngói trước mặt bụng chén cơm ăn ở hàng ba nhà nó. Trời, cơm của chúng nó ngon làm sao! Cơm trắng tinh, có thịt kho, bún Tàu và cả mấy miếng gan heo. Bé Đậu đã từng được ăn như thế trước kia. Bé biết đó là thịt kho nước dừa vì cục thịt vàng hực dính với miếng mỡ. Mỡ ấy mềm và béo lắm. Bún Tàu ấy hẳn là từ một đĩa đồ xào vì có mấy miếng hầu ky và tôm lột vỏ, cùng gan heo. Lâu lắm rồi bé không được ăn những món ngon lành ấy. Năm, bảy bữa mới được ăn cơm với rau muống luộc chấm nước mắm, thường thì ăn cháo với muối.

Trước kia, nhà bé ở ngoài kia, trong một ngõ hẻm ở dốc cầu Kiệu. Nhà vách ván, lợp tôn, đẹp hơn cái chòi này nhiều. Có ghé sa-lông, tủ kiếng, bàn viết của ba, radio, đèn điện, nước máy. Bé có giường riêng bằng cây sơn vàng, có rào cho khỏi té. Giường của ba má bé rất bóng, trải chiếu ni lông màu đỏ. Má bé nấu cơm bằng bếp “ga” trong những cái xoong trắng sáng. Ba bé đi làm thợ ký hăng dẹt bằng xe Hồng-đa. Bé được ăn cơm rất ngon, được đi học ở trường mẫu giáo ngoài đường Hai Bà Trưng. Lâu lâu, sáng Chủ nhật, ba bé chở má và bé xuống Sài Gòn vô tiệm ăn hủ tiếu, bánh bao, xíu mại, khi thì vào tiệm phở. Bé thích nhất phở nạm giòn. Thịt bò dai dai, mỡ vàng thơm cách gì đâu. Nhiều tối, ba chở hai má con bé vào chợ An Đông ăn cơm gà. Thịt gà trắng phau, da vàng lươm. Bé được cả một tô canh rất nhiều hành tây và mấy miếng ruột gà giòn giòn. Cả cơm cũng thơm và béo.

Rồi ba bé không đi làm nữa. Má bé nói là ba bị hăng bót ra, chờ kiếm việc làm nơi khác. Ba xách Hồng-đa đi suốt ngày, má nói ba đi xin việc. Mãi mãi cũng chẳng nghe ba xin được việc. Mấy đứa trẻ bạn của bé

trong xóm nói rằng: “Ba mày thất nghiệp, nhà mày nghèo rồi!”. Bé hỏi má có đúng vậy không, má bé gật đầu, mắt ướt và đỏ hoe.

Một trưa nọ, ba bé về nhà, đầu bù xù, mặt buồn thiu, cho má biết bọn ăn cắp đã lấy mất xe Hồng-đa. Má bé khóc trọn buổi trưa, bỏ cả cơm. Đúng là nhà bé nghèo lần lần. Ba bé bán chiếc radio, bán bộ ghế sa-lông. Bé tiếc vô cùng nhưng biết làm sao.

Ba bé mỗi ngày vẫn đi xe lam kiếm việc làm. Rồi một bữa nọ, ba má bé bỏ quần áo vào va li, bỏ vài cái xoong, chảo vào thùng sữa mang qua căn chòi này.

Bé không còn đi học trường mẫu giáo nữa nhưng được tự do hơn. Má bé không giữ bé ở nhà như trước nữa. Bé đi khắp xóm, tạt hình, tạt bao thuốc với các bạn. Má bé bận nấu khoai mì, khoai lang hay bắp trái bán cho học trò trường Việt Nam học đường. Bé nghe ba tìm được việc viết đơn mượn gì đó ở ngoài Tòa Sài Gòn.

Một bữa nọ, có hai người, một mặc quần áo cảnh sát, một mặc đồ thường, đưa ba bé về nhà lục lạo khắp nơi. Má bé sợ xanh cả mặt, đứng nép vào góc chòi nhìn họ tìm kiếm. Họ mang theo một xấp giấy khi đưa ba bé trở ra. Bé hỏi mãi, má chỉ nói: “Ba con bị bắt rồi!” - “Ai bắt vậy má?” - “Lính! Thôi đừng hỏi nữa! Má khổ lắm! Tiền đâu mà nuôi ba con đây!”. Bé không hiểu rõ má nói gì, “nuôi ba” là cái gì? Nhưng bé không dám hỏi thêm, buồn bã nhìn má khóc.

Mấy đứa bạn nói với bé: “Ba mày ghê lắm! Làm giấy giả cho người ta nên bị bắt vô tù rồi! Tao không chơi với mày nữa!”. Bé cũng chẳng biết ba làm giấy giả gì cho người ta và tại sao ba vô tù, tại nó không chơi với bé nữa!

Bé thui thủi ở nhà với má, leo đèo theo má bán khoai, bắp.

Lâu lâu má mua khô, bánh mì, đưa bé ra xe lam, đi qua rất nhiều đường, xuống xe, rồi lại lên xe lam khác, dẫn bé vào một cái nhà thiết lớn. Bé gặp ba. Ba bé ốm, xanh và rất buồn. Bé thương ba, muốn ba đi về nhà với mình nhưng người ta không cho.

Rồi má không đi bán nữa, má nói với bé: “Mua đồ cho ba mày riết hết vốn rồi!”. Má bé gánh nước để được người ta cho tiền mua gạo nấu cháo.

Bọn trẻ không thèm chơi với bé nữa nhưng gặp bé, chúng thường châu mỏ khoe khoang chuyện này chuyện nọ:

- Gần tết rồi! Má tao mua cho tao hai bộ đồ mới nè!

Bé nhớ mang máng những cái tết trước, bé vẫn được má mua cho đồ mới và giày mới nữa. Giờ đây thì má bảo: “Minh nghèo lắm con ơi! Com còn không có mà ăn, tiền đâu sắm quần áo! Đồ của con cũng còn mới lắm!”. Hồi sáng này, con Tám còn khoe: “Mai là mừng một tết rồi, má tao mua thịt heo nhiều lắm, làm hai con gà, một con vịt xiêm nè. Nhà mày không có thịt đâu mà trông!”. Bé cũng biết như vậy. Ba bé không có nhà, má bé đau, cả cháo cũng chưa chắc có.

Hồi chiều này, ngủ dậy, bé gọi má mãi, má chỉ hé mắt rồi nhắm lại, rên ư ư. Minh má nóng hầm. Trán má chảy mồ hôi ướt cả cái gối. Bé đành uống một lon nước rồi đi chơi.

Bé ra đường Trần Quang Khải, đi lần xuống chợ. Người đông lắm, chật cả lề lộ. Xe hơi chạy chậm chậm nghẹt cả đường Hai Bà Trưng. Bé theo mấy người lớn lên qua đường rất dễ. Các tiệm chung thiết nhiều bánh mứt, món nào cũng ngon, nhứt là những xâu Lạp xưởng treo lủng lẳng trên cao màu đỏ sậm, bóng lưỡng. Lúc ba bé còn đi làm, thỉnh thoảng mua về hàng chục chiếc thật to và dài. Bé được má cho cả nửa chiếc Lạp xưởng nướng ăn với bánh mì. Ngòn ngọt và thơm vô cùng. Hôm sau, má không cho nữa, bé thèm quá lén cắt một đầu Lạp xưởng mà nhai, khỏi cần nướng vẫn thấy ngon. Hôm nào bé cũng cắn vài cái đầu Lạp xưởng, cho rằng như vậy Lạp xưởng vẫn còn nguyên, má không biết. Nhưng bữa nọ, mở gói Lạp xưởng ra má biết ngay chính bé cắn: “Muôn ăn thì nói, má nướng cho ăn, đừng ăn sống như vậy, đau bụng chết!”. Bé phục má vô cùng, chẳng hiểu sao má biết ngay là bé cắn. Nhưng bé có thấy đau bụng gì đâu. Nếu bây giờ ai cho bé một cái Lạp xưởng, bé sẽ ăn sống và tin chắc không đau bụng.

Bé nhìn mê một bà mập mập, áo dài đỏ choét có thêu nhiều bông hoa màu vàng thật đẹp, phấn son sang trọng, kết đầu tóc thật to, chỉ cho người ta cân bốn, năm thứ mứt, còn mua thêm một bó Lạp xưởng to rồi cũng một chị người nhà khệ nệ mang đi. Bé nhớ vào ngày tết, ba bé cũng có mua những thứ mứt ấy và bé ăn đã đời. Rồi ba má chở bé đến nhà người này, người nọ, nơi nào bé cũng được ăn bánh mứt, uống nước cam đến ngầy ra. Bé nhìn quanh quất dưới đất, mong thấy một miếng mứt rơi rớt, bé sẽ lượm ăn thì sung sướng biết bao. Nhưng trên nền gạch chỉ có những mẫu giấy vụn, những đoạn dây ni lông mà thôi. Người ta cứ vô ra mua mứt, chọn những hộp bánh to bao giấy kiếng óng ánh, có vẽ những chiếc bánh trông như thật, hoặc những chai rượu. Bé la cà trước từng tiệm một, nhìn mứt kẹo, nhìn người mua, nhìn những đứa bé xấp xỉ mình cùng đi với cha mẹ và được ăn thử một miếng mứt là bé nuốt nước miếng ừng ực. “Phải chi nó chê, liệng xuống gạch một miếng, mình sẽ lượm ăn liền!”. Nhưng chúng

nhai rào rào những thỏi mút ngọt lịm và còn liếm những hột đường li ti trên mấy ngón tay!

Xem chán, bé bước đi theo làn sóng người. Trời đã tối từ lúc nào, đèn điện sáng choang khắp nơi. Nhà thờ Tân Định cũng rất đông người, nhiều nhứt là trẻ con. Đứa nào cũng ăn mặc thật đẹp, thật sạch. Trai thì quần Tây dài hay ngắn. Bé nhìn lại mình quần xà lỏn xanh, áo sơ mi trắng cũ đã trở thành lem luốt và rách toát một bên vai mà vì bệnh, mà chưa vá được. Bé ước ao phải chi mình ăn mặc sạch sẽ như chúng, vào sân chơi giỡn với chúng thì vui biết mấy. Bé đã có kinh nghiệm, trong xóm bọn trẻ con nhà giàu không ưa những đứa trẻ áo quần lôi thôi, lếch thếch như mình.

Bé bước lần đi, quyết định xuống chợ Sài Gòn chơi vì bé đã từng cùng ba má đi dạo quanh chợ Tết, nghe người ta rao hàng, diễn trò, có âm nhạc thật vui và may ra... và đây cũng là mục tiêu chánh của bé, là lượm được bánh mút, hay cùng lắm là một thỏi bánh mì để nhét vào cái bụng lép xẹp của bé.

Bé thấy những đứa nhỏ lem luốt như mình chạy theo khách đi đường xin tiền, hoặc vào tiệm nước ăn uống những món thừa thải của khách nhưng xin tiền thì bé không quen xin, mà ăn uống những thức thừa thì bé hơi ghê ghê, lại sợ những trẻ khác đánh đuổi.

Bé đi lần đến một ngã tư quen thuộc ngang trạm bán xăng nơi mà trước kia, ba má bé đưa bé đến ăn mì. Ba bé bảo rằng mì ở góc đường này ngon lắm. Bé không phân biệt thế nào là ngon, thế nào là dở vì đói với bé, mì nào cũng ngon cả. Nhưng nơi đây, lúc ba bé còn đi làm, bé đến thường nên nhớ mặt của vợ chồng người Tàu chủ xe mì, lẫn hai đứa con gái và đứa con trai bụng to.

Nơi đây không có những đứa trẻ xin ăn mì thừa nên bé dừng lại đứng nhìn, chờ dịp kiếm chút đỉnh gì đỡ đói. Càng nhìn, bé càng thèm, càng đói, đói đến cồn cào trong ruột. Bé chú ý thấy bàn nọ có thằng bé nhỏ hơn mình, ngồi ăn mì với ba má nó cũng giống y như mình ngồi với ba má mình ngày trước.

Thằng bé chỉ ăn mấy đũa rồi không ăn nữa. Má nó rầy:

- Đòi đi ăn mì, sao con không ăn cho hết!

Ba nó bảo:

- Tại em để cho nó uống cả chai xá xí, no họng, làm sao nó ăn cho vô.

- Con ăn mì thánh. Thằng bé ọo cổ đòi.
- Thôi, kêu rồi mày bỏ nữa! Ba nó cần nhần.

Và người đàn ông gọi cô xâm nhỏ đến tính tiền.

Họ vừa đứng lên, bé làm gan bước tới bụng tô mì gần như nguyên vẹn thì cô xâm xô nó ra:

- Đi chỗ khác chơi cho người ta bán!

Bé đành nuốt ực sự thèm thường, sợ sệt lảng ra đi lần về hướng Sài Gòn. Đoạn đường này không được đông đảo và bé phải chờ có người qua đường mới dám tháp tùng đi theo mỗi khi đến ngã tư. Cứ thế mà bé đi mãi. Khi đến con đường rộng thì bé không còn biết đâu là đâu nữa. Xe hơi, xe gắn máy, lẫn xe đạp chạy đầy dẫy trên đường làm bé sợ hãi, nhìn dón dác. Nhìn sang lề đường bên này, bé thấy người đi rất ít và phía xa xa lại tương đối ít hơn phía bên kia. Ngôi nhà thật to chắn ngang đường sáng rực lên làm bé quyết định đi về hướng ấy. Bé đi một đoạn lại thấy ngôi nhà ngang mặt rất quen thuộc, nhớ ra mình đã được ba má chở qua lại nơi này nhiều lần. Bé muốn sang đó nhưng không dám băng qua lộ. Bé thấy một đám người trai lẫn gái đứng lại trên lề hình như muốn qua đường. Bé đứng lẫn vào họ chờ đợi. Một lúc sau, xe trên đường dừng lại và đoàn người ồ ạt đi qua. Bé chạy lúp xúp theo họ và khoan khoái khi đặt chân lên lề đường an toàn. Một lúc sau bé nhìn rõ ngôi nhà to lớn, tường đỏ, có chiếc đồng hồ trên lầu cao vút. Bé nhớ ra rồi. Đây là ngôi nhà thờ, nơi mà ba má chở bé đến những đêm nóng nực, để cho bé từ đó chạy chơi trên sân rộng. Bé theo người lớn qua đường đến đó, đi thần thờ một lúc quanh pho tượng trắng mà ba bé đã từng nói cho biết là tượng đức mẹ. Trẻ con chơi đùa cũng khá đông. Nhiều đứa ăn kem cây hoặc bánh mì thịt. Bé nhìn chúng thèm thường, mong có đứa liệng một cái gu bánh mì thôi để bé lượm ăn cho đỡ đói nhưng chúng chỉ liệng bao giấy gói bánh mà thôi. Bé không có hứng thú chạy giỡn như chúng vì tâm trí bé là tìm một cái gì thồn vào bụng. Bé tin rằng nếu mình tới chợ tết, nơi người ta buôn bán rần rộ như đã thấy vào dịp tết nào đó thì bé có thể kiếm ăn được.

Bé đứng trên lề cản gạch xi măng của công viên nhà thờ, nhìn sang lề đường trước mặt, định sang đó, dò theo con đường thẳng kia mà tìm đến chợ tết. Bé chờ có người đi để theo nhưng không có ai cả. Xe hơi, xe gắn máy chạy liên miên không dứt. Bé kiên nhẫn đợi. Vẫn không có ai đi ngang đường cho bé tháp tùng, mà xe thì cứ tiếp nối. Bé chờ đến nóng cả ruột. Nhiều lần thấy hơi vắng xe, bé toan phóng chạy nhưng vừa nhón chân

là xe bên hông bé vọt tới, làm bé hú vía, bé lại chờ, canh chừng phía sau bé, vì chỉ có xe từ hướng đó chạy sang con đường trước mặt.

Xe vắng lặn, vắng lặn. Những đèn xe đều còn ở xa. Không để lỡ dịp, bé cầm đầu cầm cổ chạy. Chỉ còn một đoạn nữa là tới lề đường, bỗng bé thấy ánh đèn chói lòa sát một bên và lố nhố nhiều ánh đèn khác. Bé hồn bất phụ thể khi nghe tiếng két... két... rùng rợn. Bé cảm thấy như bị xô thật mạnh rồi té sóng soài trên mặt đường. Bé choáng váng cả mặt mày, toan ngòl dậy chạy tiếp nhưng tay chân rời rã. Có tiếng người lao xao chung quanh bé nhưng không rõ rệt, rồi cảm thấy bị nhấc bổng lên. Tiếng người rõ lần lần:

- Không sao, nó tỉnh lại rồi!

- Chỉ trầy tay thôi!

Bé mở mắt thì thấy rất đông người bu quanh. Bé sợ hãi khóc điếng. “Không sao đâu, nín đi!”. Có tiếng người bảo.

Bé gượng trấn tĩnh, thấy một người mặc đồ Tây, thắt cà vạt đang đỡ mình đỡ dành:

- Không có gì đâu, đứng lên đi.

Bé gắng gượng đứng lên. Đầu bé vẫn quay mòng mòng. Bé lão đảo cảm thấy đau phía sau đầu, đau ở vai và ở chân... Rồi bé thấy bớt quay, tiếng người rõ lại. Người đàn bà mặc áo thật đẹp, ôm bóp đằm, đứng trước mặt bé nói oang oang:

- Con ai đâu mà thả lêu bêu ngoài đường, báo hại người ta. Bây giờ sao đây? Mời cảnh sát lại làm biên bản chở đi nhà thương, sáng ra có gì thì có bảo kê lo!

Bé chẳng hiểu gì cả, vẫn sợ sệt khóc.

Người đàn ông vạch áo, nắm tay bé xem xét:

- Không hề gì, trầy chút đỉnh.

Và nói với người đàn bà:

- Tét nhút, cảnh sát làm biên bản kéo lẩn nhẩn mắt công. Thôi mình cho nó một ngàn phức cho rồi!

Người đàn bà mở bóp ra, căn nhắc:

- Nếu không phải tét thì tôi để bảo kê lo! Đồ con nít quý gì đâu, đương không chạy đâm sầm vô xe, thắng muốn chết mà còn muốn không kịp!

Và bà móc ra tờ giấy năm trăm trao cho bé!

- Nè, lấy đi ăn bánh đi!

Bé co tay, vắn khóc.

Có người bảo:

- Thôi, lấy đi, kể như được lì xì sớm!

Nhiều người cười to và đám đông tản đi. Người đàn ông cầm tờ giấy bạc nhét vào túi áo bé rồi cùng người đàn bà lên xe. Một cô gái, hai đứa trẻ, một trai, một gái, quần áo thật tốt, thật sạch nhìn bé rồi cũng ra xe. Xe rồ máy, chạy vụt về con đường trước nhà thờ.

Bé thấy mình vẫn còn xơ vơ, xừng vừng như những lúc bị bệnh, vài nhức nhối, chân cũng đau ran nhưng cố khập khễnh đi.

Xe vẫn chạy nối đuôi nhau trên đường. Bé men theo lề, đi lẫn trong đám người đông đảo. Đến ngã tư, bé cẩn thận theo người lớn qua đường. Các tiệm đều đóng cửa nhưng người đi trên lề đường vẫn đông. Bé nghĩ bụng: “Mình cứ đi chợ tết xem chơi rồi về, đưa tiền cho má, sáng mua gạo nấu cơm ăn!”. Bé rờ túi, tờ giấy bạc vẫn còn đó. Bé biết rằng đó là tờ giấy năm trăm đồng, có thể mua được mấy lít gạo, vì bé thường đi mua gạo cho mẹ, nửa lít tám chục, tám mươi lăm đồng. Bé định sẽ đi xin mẹ cho bé mua một miếng dưa hấu. Bé không còn thấy đói nữa, chỉ muốn ăn dưa hấu thôi!

Bé cứ theo người lớn mà đi, một lúc sau thì thấy mình đến dãy phố có nhiều tiệm giày. Bé nhớ ra rồi. Cứ đi hết mấy tiệm giày này qua hai, ba con đường nữa thì tới chợ. Nhiều tiệm đã đóng cửa nhưng nhiều tiệm khác vẫn còn mở cửa, người vô ra cũng đông. Một thằng bé nhỏ hơn bé đứng trước tiệm, cầm miếng dưa hấu thật to, còn nguyên vẹn. Bé dừng lại ở gốc cây, chờ đợi. “Nó ăn xong, liêng vỏ mình sẽ lượm cạp, cũng ngon lắm!”. Thằng bé cẩn ăn ngon lành. Nó chỉ cẩn qua phần ngon ở trên là quăng miếng dưa hấu xuống nền gạch rồi quay lưng đi vào tiệm. Bé mừng rỡ chạy lại lượm. Vai vẫn đau nhức, chân vẫn đau nhưng bé không đếm xỉa gì tới sự đau nhức. Bé lượm miếng dưa hấu, bước đi cho xa tiệm ấy vì sợ người trong nhà ra đòi lại. Bé đứng tựa gốc cây, bắt đầu thưởng thức món ăn mà bé không hy vọng được hưởng vì nó quá xa vời đối với bé.

Dưa hấu thật ngọt, thật ngon. Nó mát, tuôn trong miệng bé, chạy lăn xuống cổ. Bé nhai thật kỹ. Toàn là hột non, thật ít nên khỏi nhả hột. “Phải chi gần nhà, mình sẽ đưa cho má phân nửa, chắc má thích lắm!”, rồi bé lại nghĩ: “Mà má bệnh, hôm qua, má chỉ hớp có một hớp cháo, nói là đắng miệng không ăn được. Dưa hấu, má nói độc lắm, chắc má không dám ăn

đâu!”. Bé nuốt ừng ực thứ nước thơm ngọt, mát ấy và cạp đến sát vỏ xanh. Bé mong thẳng bé trở ra liệng một miếng dưa hấu nữa hoặc trái cây, một thức ăn nào khác. Nhưng tiệm nọ đã kéo cửa sắt. Bé đành đi xuống chợ tết.

Đúng đây là chợ tết mà bé đã cùng đi với ba má. Đèn sáng choang, tiếng rao hàng, tiếng hát, âm nhạc oang oang. Người ta bán đủ thứ: bánh mứt, nem, trái cây, rượu, lạp xưởng, kem đánh răng v.v... Người đi thật đông. Những trẻ con quần áo xộc xệch, mặt mày lem luot như bé cũng rất nhiều. Bé quên cả đau, la cà từ nơi này đến nơi khác, mãi miệt xem, chẳng nghĩ đến chút nữa đây làm sao nhớ đường mà tìm về. Bé lượm được mấy miếng mứt bí, mứt gừng. Ngon làm sao! Thích làm sao!

Chợ thưa dần. Người bán bắt đầu dọn hàng. Nhiều quán đã tắt đèn, đóng cửa hoặc trông lỏng. Bé nghĩ đến việc tìm đường trở về. Bé đi loanh quanh một lúc rồi nhận ra con đường có nhiều tiệm giày: “Mình cứ đi đến con đường có nhà thờ, tới ngã tư, có cái nhà thật to. Đi mãi thì tới chợ Tân Định. Tới đó là biết đường về nhà”. Bé đến các tiệm giày thì lẽ đường đã vắng hoe, tiệm nào cũng đóng cửa, tắt đèn. Bé bắt đầu lo ngại, sợ sệt nhưng vẫn gượng đi. Bỗng bé thấy vai nhức trở lại, chân đau đến không lê được nữa và đầu hơi choáng váng. Bé cố lê bước. Nhưng đầu óc bé tối sầm lại. Bé định vịn vào gốc cây để gượng lại nhưng bé trượt tay và rơi tòm xuống, rơi vun vút trong khoảng không tối mịt. Thoạt đầu, bé hoảng hốt rồi lần lần thấy bình tĩnh lại.

Bé thấy sáng lờ mờ và mình đang bay lơ lửng trên không một cách thoải mái. Bỗng trước mắt bé hiện ra một ngôi nhà tuyệt đẹp giống hệt như đền của ông hoàng tử trong quyển truyện hình “Cô bé lọ lem” mà ba bé đã mua cho lúc bé còn học ở trường mẫu giáo. Bé bước vào đền, một bà tiên xinh đẹp và hiền từ y như bà tiên trong sách tươi cười nắm tay bé. Bé thấy mình mặc quần áo thật đẹp, lóng lánh, sáng ngời chói không dơ như hồi đi chợ tết.

Bà tiên đưa bé vào một gian phòng rộng rãi, chung dọn rục rờ và lạ chưa, má bé đứng sẵn đó, không còn đau ốm gì nữa mà lại trẻ đẹp như lúc còn khá giả, ăn mặc cực kỳ sang trọng.

Mẹ con gặp nhau thì bà tiên biến mất. Má đưa bé đến một cái bàn, bảo bé ngồi lên ghế. Ô! Thích chưa, trên bàn một mâm cơm dọn sẵn đầy đầy thịt kho, dưa giá, bún Tàu xào tôm và gan heo, canh chua đầu cá lóc, thịt gà luộc da vàng lờm và nhiều món ăn khác mà bé không biết tên bốc hơi thơm phức.

Bé cầm đũa nhìn mẹ mỉm cười...